

BÁCH KHOA

SỐ 30 - NGÀY 1-4-1958

Trong số này :

- | | |
|-------------------------------|--|
| NGUYỄN-HUY-THANH | Những biện pháp để phát triển nền kinh tế các nước hậu tiến. |
| TIÊU-DẪN | Tài giảm binh bị thế giới. |
| HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT | Nhận định phân vụ của Phụ nữ trong xã hội (tiếp theo). |
| CÔ-CHIÊU-YIÊU
PHẠM-HOÀN-MỸ | Đề kỷ niệm Trưng-Vương-Phan Chu-Trinh. Người đứng đầu giới. |
| CÔ-LIÊU | Sứ mạng văn chương của Françoise Sagan. |
| THUẦN-PHONG | Phản đóng góp của Văn học Bình Dân (tiếp theo). |
| NGUYỄN-NGU-Í | Nguyễn-Huệ, hay giấc mộng lớn chưa thành (tiếp theo). |
| TỪ-QUYÊN
ĐẶNG-VĂN-NHÂM | Ảnh hưởng Ấn-độ và Trung-hoa qua các tháp chùa ở Việt-Nam. |
| VÕ-PHIẾN | Lợi nghệ về Chàng và Nàng. |
| VŨ-HẠNH | Giọt nước mắt trên đàn dương cầm. |
| TRƯƠNG-UẦN-NGỌC | Lệ vàng (thơ). |
| YÃ-HẠC và
TRINH-NGUYỄN | Tiếng hát Hà-Lệ-Uyển. |
| VŨ-QUỲNH-BANG | Trông (thơ). |
| VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) | Khói lửa kinh thành. |

PHẠM-TẶNG trình bày và minh họa

- RƯỢU :** — Rượu Âu mạnh “*Eau de Vie cũ*” 40° và 50°
 — Rượu Tàu “*Lào-Mạnh-Tiểu*”
 — Rượu Tàu “*Tích-Thợ-Tiểu*”

SI-RÔ “*Verigoud*” :

- Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

- Dấm “*Distarome*”

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :**

- Naturelle — Fougère
 — D. I. C. 5 — Lavande
 — Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN :** HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
 135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN :** CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
 (S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
 HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
 6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")
cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30
về tới Saigon 19 g 30 } mỗi thứ tư

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624.25.26

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON



A. 11

De SAIGON, avec le
Super G
d'AIR FRANCE
vous pouvez aller à



AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, Đại-lô Thống-Nhứt
SAIGON

Tel. 20 981 & 20 984



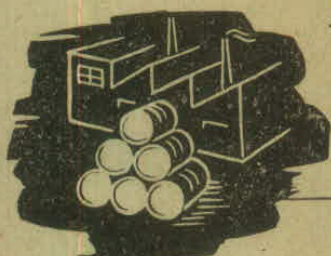


Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

*Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycerine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BÁCH-KHOA

Số 30 — Ngày 30.3.1958

- NGUYỄN-HUY-THANH *Những biện pháp để phát triển nền kinh tế các nước hậu tiến.*
- TIÊU-DÂN *Tài giảm binh bị thế giới.*
- HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT *Nhận định phân vụ của Phụ nữ trong xã hội (tiếp theo).*
- CÔ-CIỀU-YIÊU *Đề kỷ niệm Trưng-Vương.*
- PHẠM-HOÀN-MỸ *Phan-Chu-Trinh, Người đứng đầu gió.*
- CÔ-LIÊU *Sứ mạng văn chương của Françoise Sagan.*
- THUẦN-PHONG *Phần đóng góp của Văn học Bình Dân (tiếp theo).*
- NGUYỄN-NGU-Í *Nguyễn-Huệ hay giấc mộng lớn chưa thành (tiếp theo).*
- TỪ-QUYÊN- ĐẶNG.V.-NHÂM. *Ảnh hưởng Ấn-độ và Trung-hoa qua các tháp chùa ở Việt-Nam.*
- VÕ-PHIẾN *Lại nghĩ về Chàng và Nàng.*
- VŨ-HẠNH *Giọt nước mắt trên đàn Dương cầm.*
- TRƯƠNG-UẦN-NGỌC. *Lệ vàng (thơ).*
- YÃ-HẠC và TRINH-NGUIÊN. *Tiếng hát Hà-Lệ-Uyên.*
- VŨ-QUYNH-BANG *Trông (thơ).*
- LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG }
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) } *Khói lửa kinh thành.*

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : Chế độ dân chủ Mác-xít.
PHAN-KHOANG : Dư luận và Thanh nghị.
TRỰC-ĐỊNH : Giông tố trên lục địa Trung-Hoa.
NGUYỄN-VĂN-HÀM : Nếp sống Đông-Phương.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH : Lược đàm về truyện Thủy-Hử.
HUYNH-ĐỆ : Quyền tác giả.
MỸ-VIỆT : Chung quanh vấn đề bảo vệ luân lý dân tộc.
VÕ-PHIẾN : Từ Thức bơ vơ.
NGUYỄN-PHÚC : Cô đơn (truyện ngắn).
MINH-HỮU : Y-Nên (truyện ngắn).
CÔ-CIỀU-YIÊU : Cuộc thách đố.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Bưu phiếu xin đề cho : Ô. Huỳnh-văn-Lang

Hộp thư 339 — SAIGON

NHỮNG BIỆN PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ CÁC NƯỚC HẬU TIẾN

NGUYỄN-HUY-THANH

L. N. D. — Đây là tóm lược một tờ trình các chuyên viên Liên-Hiệp Quốc nói về những biện pháp khả dĩ thi hành tại các nước hậu tiến để mở mang nền kinh tế, xin lục đăng để hiển quý vị độc giả.

H. T.

I. — Nạn thất nghiệp và việc mở mang nền kinh tế

Tại các nước chậm tiến, nạn thất nghiệp có mấy trạng thái sau đây :

- a) thất nghiệp từng mùa,
- b) — vì kỹ thuật,
- c) — ần nặc.

a) *Thất nghiệp từng mùa.* — Sự thất nghiệp từng mùa là kết quả của những hiện tượng thiên nhiên (sau mùa gặt hay sau khi đã cấy lúa, nhà nông ta thường được rỗi rãi, nhiều khi không có công việc làm). Muốn cho nhà nông suốt năm lúc nào cũng bận với công việc đồng áng, chỉ có một cách độc nhất là thực hiện những công tác

cải thiện đề ruộng đất có thể khai thác quanh năm (như hết trồng lúa lại trồng ngô, khoai v.v...)

Nếu không thể làm thế được thì phải dùng lao nông vào những công việc khác trong thời gian họ rỗi rãi. Một hiện tượng được mọi người đều biết là sự xê dịch dân cư ở những vùng nông nghiệp nghèo nàn đến làm mướn tại những địa phương trù phú cần nhân công, như trong vụ gặt chẳng hạn. Sự mở mang canh nông tại vùng cần nhân công từng vụ như trên có thể tạo cơ hội thâu dụng nhân công không những ngay trong vùng ấy mà, tùy theo tầm quan trọng

của sự mở mang, cả trong các vùng lân cận nữa.

Nếu nạn thất nghiệp từng mùa lan rộng, Chính Phủ cần trừ liệu những công tác công chánh từng vụ.

Lao nông thất nghiệp từng vụ cũng có thể làm những công việc không thuộc về canh nông ở tại làng hay các đô thị. Trong loại công việc này, công việc thủ công tại gia có phần quan trọng hơn cả. Tuy nhiên, thủ công tại gia ở thôn quê hay ở thành thị cũng không tránh khỏi nạn thất nghiệp từng mùa :

1) Vì có những sản phẩm chỉ bán được từng vụ mà thôi,

2) Vì họ không có vốn để làm hàng tích trữ trong thời gian hưu nghiệp và để mua sản nguyên liệu. Lại thêm một lý do nữa là ngành thủ công tại gia còn tùy thuộc vào sự « cầu » về loại sản phẩm thủ công, vì sự phát triển kỹ thuật chế tạo là một nguyên nhân đưa đến sự thất nghiệp vì kỹ thuật.

b) *Thất nghiệp vì kỹ thuật.*— Nạn thất nghiệp vì kỹ thuật xảy ra không những ở những nước hậu tiến mà cả ở những nước tiền tiến nữa. Nguyên nhân là sự thay thế một kỹ thuật cũ bằng một kỹ thuật mới. Việc thay thế tự nó không đủ để gây nạn thất nghiệp; tình trạng này chỉ xảy ra khi có sự suy giảm nhân công; nhưng dầu không gây ra nạn thất nghiệp, việc thay thế này cũng đem lại cho nhân công sự nghèo nàn, khi họ không thể theo kỹ thuật mới được và không thể tìm được công việc khác.

Trong trường hợp mà sự cách biệt giữa hai kỹ thuật mới và cũ rất nhiều đến nỗi người ta không thèm đếm xỉa đến kỹ thuật cũ nữa và những nhân công của kỹ thuật cũ bắt buộc phải đi xa để nhận làm những công việc không có tính cách chuyên môn, sự sáo trộn về nhân công rất rõ rệt. Vì thế nạn thất nghiệp vì kỹ thuật có phần kém quan trọng tại các nước tiền tiến hơn là các nước hậu tiến; những nước sau này chịu hậu quả của sự tiến triển nền kỹ thuật ở các nước khác hay khi đã tiến triển của những nước hậu tiến mau quá. Một hình thức đặc biệt của nạn thất nghiệp vì kỹ thuật là không do sự tiến triển kỹ thuật sản xuất phát sinh ra mà do sự tiến triển kỹ thuật tổ chức. Trong nhiều nước, có những ngành kỹ nghệ mà với cùng một dụng cụ, cùng một kỹ thuật sản xuất, nhưng với một số nhân công ít hơn, có thể có một năng xuất tương đương, nếu nhân viên quản trị am hiểu công việc hơn. Sự thiếu nhân viên có khả năng về mặt quản trị là một nguyên nhân chậm tiến của nước hậu tiến không kém gì sự thiếu vốn.

Dần dà, khả năng này được phát triển ; do đó, một số nhân công thừa dư có thể chuyển sang ngành khác.

Nạn thất nghiệp vì kỹ thuật cũng đặt ra những vấn đề tương tự như về các nạn thất nghiệp khác, trừ khi có thể tạo những công ăn việc làm khác để thu hút những người thất nghiệp.

Sự phát triển nhanh chóng nền kinh tế là cứu cánh của nạn thất nghiệp vì kỹ thuật, mặc dầu sự phát triển này cũng lại là nguyên nhân gây ra nạn thất nghiệp

vì kỹ thuật. Vì sao? Vì nhờ có sự phát triển kinh tế nên mới có thêm những cơ hội đầu dụng nhân công. Tuy nhiên, rất có thể những nhân công bị loại không hưởng được những cơ hội mới; như vậy, sự tiến bộ về kỹ thuật bị mất giá trị một phần.

Cho nên, có lợi hơn hết là chỉ nên áp dụng những kỹ thuật mới trong những khu vực kinh tế mà nhân công thừa ra có thể dễ dàng kiếm được công việc khác để làm. Do đó, một kỹ thuật nhằm mục đích giảm bớt nhân công không có mấy ích lợi trong một nước có nạn nhân mãn. Đối với những nước này, phải tìm những kỹ thuật làm tăng năng suất của ruộng đất hay, với một số vốn bỏ ra ít, giúp cho nhiều người có thể tìm công việc làm trong những ngành kỹ nghệ phụ.

c) *Thất nghiệp ần nặc* — Sự phát triển mau chóng nền kinh tế cũng là cứu cánh của nạn thất nghiệp ần nặc. Danh từ thất nghiệp ần nặc chỉ những người không đi làm thuê lấy công, mà làm việc cho mình. Số người này nhiều hơn số tài nguyên họ dùng đến nổi, nếu trong bọn họ có nhiều người hướng sang ngành hoạt động khác, mức sản xuất cũng không phải vì đó mà giảm sút.

Nạn thất nghiệp ần nặc là do sự thiếu thốn tài nguyên cần thiết để có thể tận dụng số nhân công dư dả. Nạn thất nghiệp này thường liên hệ đến công việc gia đình. Về canh nông hay về kỹ nghệ cũng vậy, khi đơn vị sản xuất và đơn vị nhân công đều là gia đình, nạn thất nghiệp là do gia đình không có đủ tài nguyên để có thể giúp cho mọi người

trong gia đình có công việc làm trong cả năm và không có thể đưa họ đi làm công việc khác, lúc thuận tiện, chẳng hạn số ruộng đất chỉ có hạn, số cầu về hàng thủ công thiếu sự co rãn, trong khi số người sản xuất rất nhiều.

Cứu cách chính của nạn thất nghiệp ần nặc là tạo thêm những cơ hội đầu dụng nhân công. Việc khai khẩn những đất bỏ hoang cũng làm đỡ nạn thất nghiệp.

Đối với những nước mà đất đai đã được khai khẩn hầu hết, nạn thất nghiệp ần nặc trầm trọng, thì phải đi đến chỗ kỹ nghệ hóa xứ sở. Đó là nhiệm vụ của việc mở mang nền kinh tế quốc gia.



II. — Những biện pháp để mở mang nền kinh tế quốc gia

Trên địa hạt quốc gia :

A) NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CHO VIỆC MỞ MANG NỀN KINH TẾ QUỐC GIA

Một cái cây muốn cho sanh chồi nảy lộc, muốn có hoa tươi quả tốt cần hợp với thủy thổ nơi nó sanh sống, hay nói ngược lại, thủy thổ nơi giồng phải hợp cho nó, nếu không nó sẽ cằn cõi mà chết.

Sự khuếch trương nền kinh tế của một quốc gia cũng vậy, muốn có kết quả thì những cơ cấu xã hội, kinh tế, pháp lý, chính trị đều phải thuận lợi cho nó, nếu không thế, nền kinh tế không, thể phát triển được.

Những điều kiện thuận lợi cho sự khuếch trương nền kinh tế gồm có :

1) những điều kiện thuộc về tâm lý và xã hội.

2) những biện pháp, pháp lý hay hành chính.

1) Những điều kiện thuộc về tâm lý và xã hội. — Sự tiến bộ chỉ có thể đến với một dân tộc, khi dân tộc này ham muốn sự tiến bộ, tin tưởng rằng với sự cố gắng không ngừng, họ có thể thắng được thiên nhiên. Nếu một xã hội không tha thiết muốn tiến, coi thường đời sống hiện tại và chỉ chăm chú đến đời sống vị lai ở một cõi xa xăm huyền ảo, làm sao có thể nói chuyện tiến hóa với dân chúng của xã hội đó ?

Ta cũng không thể nói đến sự tiến hóa với một dân tộc còn trọng từ chương coi khinh nghề làm bằng chân tay, địa vị trong xã hội không do công việc làm mà do sự truyền kể.

Một nước mà của cải có thể đem lại quyền thế, sức mạnh, có thể thiếu sáng kiến, 1) hoặc người làm việc không giữ được hoa lợi để hưởng dụng (Chính Phủ yếu hèn không bảo vệ được quyền sở hữu hay trưng dụng một cách độc đoán của cải của dân chúng), 2) hoặc vì chế độ tư hữu trong xứ không khuyến khích được tư nhân bỏ vốn khuếch trương (luật lệ không bảo vệ đầy đủ quyền lợi người tá điền khi người này đã bỏ vốn để tăng năng suất của ruộng đất), 3) hoặc vì tập quán hay luật lệ ngăn cản mọi sự cải cách (trong nước mà các tôn giáo chỉ phối nghề nông), 4) hoặc vì tổ chức xã hội không cho cá nhân được mọi dễ dàng để phát triển (trường hợp các nước chia ra từng giai cấp khác biệt nhau, giai cấp dưới không tiến lên được giai cấp trên, mỗi giai

cấp bảo thủ quyền lợi riêng của giai cấp mình, hay còn chế độ nô nông), 5) hoặc vì một nhóm thiểu số nắm quyền lợi loại trừ những người muốn cạnh tranh với họ.

Nói tóm, sự phát triển mau chóng của nền kinh tế quốc gia không có thể thực hiện mà không có sự thích ứng (réadaptation) mới nhọc nhằn; cần phải bỏ những tư tưởng cũ kỹ, triệt bỏ những cơ cấu xã hội cũ kỹ không hợp thời, hy sinh đời sống nhàn hạ của một số người không theo kịp đà tiến triển.

Sự tiến triển của nền kinh tế quốc gia chỉ có thể thành tựu được, nếu những người có nhiệm vụ điều khiển ở mọi cấp, nhà chính trị, nhà giáo khoa, kỹ sư, chủ xưởng, nghiệp đoàn, nhà báo đều mong muốn sự tiến bộ và sẵn lòng chịu nhận những kết quả của sự tiến bộ đó, nghĩa là sự thành lập một trật tự xã hội mới mà mọi đặc quyền giai cấp đều bãi bỏ. Trái lại, nếu dân chúng có người điều khiển giỏi, và nếu họ muốn tiến, tất cả mọi vấn đề khó khăn do sự mở mang kinh tế gây ra có thể giải quyết được. Ta không nên quên rằng dân chúng họ trông vào những người lãnh đạo của họ. Nếu những người này thoái hoá, ích kỷ, thói nát dân chúng sẽ chán nản và không còn sáng kiến nữa.

2) Những biện pháp pháp lý và hành chính. — Sự tiến bộ của nền kinh tế tùy thuộc một phần lớn vào những biện pháp hành chính, pháp lý mà Chính Phủ ban hành trong địa hạt công hay trong địa hạt tư. Vậy cần nên xét nhiệm vụ của quốc gia trong địa hạt công và trong địa hạt tư như thế nào ?

Trong địa hạt công.— Điều mà người ta đòi hỏi trước hết là một Chính Phủ liêm khiết và có tài năng. Đó là một điều kiện khó kiện toàn được bất cứ ở nước nào, và nhất là ở các nước hậu tiến thiếu chuyên viên, thiếu những nhà cai trị giỏi.

Chính Phủ phải lo làm tròn những nhiệm vụ mà bất cứ Chính Phủ một nước nào cũng phải làm: mở mang đường xá, cầu cống, y tế, giáo dục và các công cuộc khác. Việc mở mang giáo dục là một việc quan trọng vì nó giúp cho sự cấu tạo « vốn nhân lực » (capital humain).

Ngoài những nhiệm vụ thông thường nói trên, còn có một địa hạt khá rộng mà Chính Phủ cũng phải dúng tay vào, vì sự quan trọng của nó và vì tư nhân không làm hay không làm một cách đầy đủ. Trong những nhiệm vụ ấy, nên kể việc tìm thị trường và tìm thám khoáng vật. Việc nghiên cứu địa chất phải làm một cách sâu rộng, mặc dầu Chính Phủ không có ý tự khai khẩn lấy. Chính Phủ lại phải thí nghiệm những giống cây hay giống vật xem có hợp với thủy thổ nước mình không. Trong một nước mà dân chúng còn thiếu kinh nghiệm về kỹ nghệ và Chính Phủ phải thâm thập những tài liệu cần thiết, vạch rõ viễn tượng của những kỹ nghệ mới, việc thành lập những hội khuyến trương kỹ nghệ tại các nước hậu tiến chứng tỏ rằng người ta đã hiểu sự quan hệ của nhiệm vụ này.

Nhiệm vụ thứ hai của Chính Phủ trong địa hạt này là tạo lập những kỹ nghệ mới mà tư nhân không làm, vì thiếu kinh

nghiệm hay vì sợ rủi ro. Hành động này đã góp một phần quan trọng trong việc kỹ nghệ hóa Nhật-Bản trước đây. Một khi những kỹ nghệ mới điều hành một cách khả quan, Chính Phủ sẽ bán lại cho tư nhân hay cho tư nhân thuê.

Nhiệm vụ thứ ba là thiết lập những cơ quan tài chính để huy động tiền tiết kiệm của dân chúng hướng vào những doanh nghiệp tư mà Chính Phủ muốn mở mang, thí dụ như Nông-Tín-Cuộc giúp vốn cho nhà nông hay cho các nhà tiểu công nghệ, thí dụ như lập Ngân Hàng kỹ nghệ để giúp vốn cho các nhà kỹ nghệ.

Có những hoạt động mà tư nhân muốn làm nhưng giá vốn đắt quá. Loại hoạt động này gồm những kỹ nghệ mà sự lãng phí dưới một chế độ cạnh tranh nhiều hơn là dưới chế độ độc quyền, nên tốt hơn hết là khai thác dưới chế độ độc quyền được quy định. Cũng có thể áp dụng chế độ hợp tác xã phân phát hay sản xuất, hay quốc gia tự đứng ra khai thác.

Trong địa hạt tư.— Trong địa hạt tư này, Chính Phủ cũng có những nhiệm vụ quan trọng. Doanh nghiệp tư chỉ có thể có năng xuất tối đa, khi luật lệ cũng như cơ cấu xã hội cho phép tư nhân được hưởng dụng hoa lợi do tay họ làm ra. Đặc biệt nhất là vấn đề địa tô và bảo đảm quyền lợi của tá điền không bị chủ điền đuổi ngang.

Các nông dân thường đi vay chịu lãi nặng, món nợ chồng chất lên đầu họ làm cho họ chán nản. Chính Phủ phải tính thể nào hủy bỏ những món nợ quá đáng, cấm nông dân vay mượn quá mức chịu đựng, đồng thời thiết lập những cơ quan tín dụng cho họ.

Người ta có thể yêu cầu Chính Phủ gây phong trào hợp tác xã nhất là nông nghiệp. Một địa hạt nữa không kém phần quan trọng nhưng không được người ta chú ý tới là lập kế hoạch về các trung tâm kỹ nghệ (planification des centres industriels). Nhiều xí nghiệp chế tạo không thể đứng riêng biệt mà có thể phát triển được, vì sự liên hệ mật thiết giữa các xí nghiệp với nhau, thí dụ như dùng hơi điện hay mua lẫn của nhau những chế phẩm hay pho sản. Vì thế cho nên, nếu lập một trung tâm kỹ nghệ mới thì nên thiết lập nhiều ngành kỹ nghệ phụ (industries complémentaires) cũng tại nơi ấy và cùng hoạt động một lúc. Thường là Chính Phủ có sáng kiến lập và thi hành một chương trình tập hợp nhiều xí nghiệp tư lại một nơi : đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng của trung tâm khuếch trương kỹ nghệ.

Trong một cơ sở kinh tế gồm có nhiều tiểu doanh nghiệp, sự kinh doanh không bị tập trung vào tay một thiểu số hay không bị độc quyền. Chính Phủ có thể giúp những nhà doanh nghiệp nhỏ này tăng năng xuất bằng cách cung cấp cho họ những dịch vụ (services) mà họ có thể dùng chung được. Chẳng hạn như về canh nông, Chính Phủ có thể tổ chức các trường huấn luyện về canh nông, tổ chức các cơ quan tín dụng, tổ chức sự biến chế và phân phát nông sản. Về kỹ nghệ chế tạo, Chính Phủ có thể mở mang lớp huấn luyện chuyên môn, nghiên cứu những thị trường, cung cấp điện lực và cố vấn về sự điều khiển xí nghiệp.

Chính Phủ lại cần lưu ý đến việc phân phối những « tài nguyên hiếm » giữa các người sử dụng ở địa vị cạnh tranh nhau.

Trong địa hạt tư, sự phân phối lệ thuộc vào giá cả, nhưng Chính Phủ có bổn phận coi chừng nếu có sự sai lạc, và hướng dẫn sự phân phối theo con đường nào xét ra có ích lợi hơn. Sự tập trung vốn vào một số ngành hoạt động, trong khi các ngành khác khan vốn, thường xảy ra ở các nước hậu tiến, là một thí dụ cụ thể của sự phân phối không hợp lý của tài nguyên.

Một thí dụ nữa là sự tập trung kỹ nghệ lại một nơi trong khi nên thiết lập tại những vùng chưa được mở mang nhiều, thừa nhân công và đầy đủ nguyên liệu cần thiết.

Nói tóm lại, trong địa hạt tư, nhiệm vụ Chính Phủ có thể tóm tắt như sau :

Về canh nông, 1) luật lệ phải trù liệu cho người tá điền được canh tác lâu dài và hưởng một phần xứng đáng hoa lợi thâu hoạch, 2) giúp cho nhà nông nông cụ thích hợp và vốn làm mùa, 3) tăng gia năng xuất bằng cách tổ chức đơn vị khai thác, đơn vị này có thể là gia đình. Năng xuất có thể tăng bằng cách tập hợp nhiều mảnh ruộng nhỏ thành một mảnh ruộng lớn, tăng diện tích khai thác tới mức diện tích tối thiểu cần thiết để có một mức sản xuất khả quan, tổ chức hợp tác xã.

Về ngành thủ công, đơn vị khai thác vẫn là gia đình. Cũng như về canh nông, hợp tác xã là vấn đề cần thiết cho thủ công. Một vấn đề riêng biệt cho ngành này là sự cải thiện có hệ thống và lần lữa kỹ thuật chế tạo do sự sử dụng công cụ hoàn bị hơn. Như vậy, cần một hành động có hệ thống và phối hợp của quốc gia trong một chương trình mở mang.

Về ngành kỹ nghệ, Chính Phủ nên hoạch định một chương trình, khuôn khổ của những xí nghiệp, số xí nghiệp, vị trí, theo một kế hoạch định sẵn.



Nếu những điều kiện cần thiết cho sự mở mang nền kinh tế được đầy đủ, sự mở mang này có thể thực hiện được nhờ ở kỹ thuật và vốn.

B) KỸ THUẬT

Các nước tiên tiến đã có một vốn dồi dào về khoa học và kỹ thuật. Nhờ đó, các nước hậu tiến có thể lợi dụng những kinh nghiệm đã thâm nhập được từ bao năm nay, hưởng thụ những cách thức, phương pháp có nhiều hiệu nghiệm không phải mất công tìm tòi; như vậy, với những điều kiện thuận tiện, với sự làm việc và cố gắng nỗ lực cần thiết, các nước hậu tiến có thể tiến bộ mau chóng và bắt kịp lần các nước tiên tiến.

Việc tăng năng xuất của nước hậu tiến có thể thực hiện bằng những sự cải thiện kỹ thuật, giản dị và ít mất tiền, nhất là trong ngành nông nghiệp. Nhật-Bản Ai-Cập trước đây đã áp dụng chính sách này để tăng gia năng xuất của ruộng đất.

Tuy nhiên, sự tiến triển kỹ thuật ở các nước hậu tiến thường gặp nhiều trở lực.

Những kỹ thuật mới thường khó khăn và rất đắt cho những nước ấy. Ngay như việc cải thiện kỹ thuật cho nghề nông bằng những cải thiện giản dị nói trên, Bộ Canh Nông phải có những công sở có chuyên viên giỏi, những cơ quan

truyền bá có thể đi tới các nông dân và giáo dục họ. Sự truyền bá những kỹ thuật mới cũng đòi hỏi ở người sản xuất một căn bản giáo dục tối thiểu. Phải tổ chức cả một hệ thống giáo dục. Trở lực thứ nhất cho các nước hậu tiến là thiếu những cơ sở giáo dục có thể giảng dạy những kỹ thuật mới cho các nhà sản xuất.

Trở lực thứ hai là thiếu vốn; nếu không có vốn thì không mong gì áp dụng những kỹ thuật mới hay áp dụng nó cho có hiệu quả. Muốn áp dụng một kỹ thuật mới thì phải sắm những dụng cụ trang bị để thực hiện kỹ thuật ấy; ở các nước hậu tiến, thường thấy người sản xuất thiếu phương tiện tài chánh để có thể sắm dụng cụ trang bị. Hơn nữa, lại còn cần phải đầu tư nhiều vào các xí nghiệp kỹ nghệ, các cơ sở phân phát điện lực, giao thông chuyên vận mới có thể đi đến một sự tiến bộ kỹ thuật chung và mới có thể hưởng được những sự cải thiện kỹ thuật trong những ngành hoạt động chính.

Sự tiến bộ kỹ thuật đòi hỏi phải bỏ vốn vào « người » để giảng dạy kỹ thuật mới về mặt lý thuyết cũng như về mặt thực hành, vào các công sở có nhiệm vụ truyền bá những kỹ thuật mới, vào các dụng cụ trang bị để thực hiện kỹ thuật mới, vào các đại công tác hay các cơ sở có mục đích làm dễ dàng và xúc tiến sự tiến bộ ấy.

Ta coi như là những trở lực nói trên đều vượt qua cả; nay ta xét mấy vấn đề do việc thâm nhập những kỹ thuật mới đặt ra trong các nước hậu tiến.

NHỮNG BIỆN PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ

Kỹ thuật của các nước tiền tiến phải sửa đổi cho hợp với nhu cầu các nước hậu tiến. Thí dụ : phải thử xem thứ phân bón này có hợp với hoàn cảnh không, hoặc phương pháp hay dụng cụ dùng trong các kỹ nghệ chế phẩm có hợp với thủy thổ không?

Những công cuộc nghiên cứu, thử thách có khi không cùng hướng về một chiều ở một nước hậu tiến và ở một nước tiền tiến, thí dụ ở các nước tiền tiến, thì nghiên cứu kỹ thuật mới để có thể giảm nhân công ; trái lại, ở nước hậu tiến, nhân công thừa thãi, thì nghiên cứu để có thể hà tiện được vốn.

Nói tóm, không phải là cứ nhập cảng những kỹ thuật mới vào các nước hậu tiến là đủ, còn phải nghiên cứu, để ứng dụng với nhu cầu của những nước đó. Những trung tâm nghiên cứu, vì thế, rất quan hệ cho các nước hậu tiến.

Việc đào tạo một số cán bộ cao cấp có thể hoạch định những chương trình mở mang kinh tế và thực hiện những chương trình ấy cùng đặt ra một vấn đề. Nhiều nước hậu tiến phải mượn những chuyên viên ngoại quốc, nhưng số chuyên viên không có dư ngay ở nước họ. Đó cũng là một trong những trở lực chính cho việc mở mang nền kinh tế các nước hậu tiến.

Muốn lập những chương trình khuyến khích thương mại, cần nghĩ đến sự đào tạo những cán bộ cần thiết ở mọi giai đoạn,

vừa đỡ tốn kém phải dùng chuyên viên ngoại quốc, vừa có thể thấm nhuần những kỹ thuật mới ; như vậy, sự tiến bộ mới có cơ lâu dài và trường cửu được.

Nghệ thuật điều khiển những xí nghiệp thương mại cũng hiếm ở các nước hậu tiến ; người ta chỉ có thể học được nghệ thuật đó bằng cách thực hành. Nhật-Bản, Đức quốc trước kia gọi một số lớn thanh niên ra ngoại quốc để làm việc tại các xí nghiệp thương mại, học nghề điều khiển. Nhiều nước ban hành những đạo luật bắt buộc các xí nghiệp ngoại quốc phải thầu nhận và huấn luyện người bản xứ. Nhiều nước giao cho những trung tâm khuyến khích thương mại nhiệm vụ cố vấn cho các tiểu xí nghiệp trong việc điều khiển công việc kinh doanh.

Sau hết, vấn đề giáo dục dân chúng (éducation populaire) rất cần. Phải gây trong dân chúng một lòng ham muốn tiến bộ, sẵn sàng cho họ biết những kiến thức thông thường, những phát minh mới mẻ. Làm này cái lòng hân hoan, nhiệt thành đó là do tài năng của những nhà điều khiển, còn sự truyền bá những kiến thức là một vấn đề giáo khoa : tăng gấp bội số các nhà giáo dục, kiện toàn những phương pháp giáo dục những người đã lớn tuổi : phát thanh, chớp bóng, phương pháp thánh thị.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-THANH

BÁCH KHOA XXX

TÀI GIẢM BINH BỊ THẾ GIỚI

TIÊU - DÂN

Năm 1945, ngày quân đội Nhật hạ khí giới trước lực lượng Đồng-minh Dân-chủ chống Phát xít, lịch sử nhân loại lật qua một trang đầy máu và nước mắt. Chính nghĩa và Công lý đã thắng, sau bao nhiêu hi sinh vô giá của hàng nghìn triệu con người.

Và cũng vì thế mà, qua nhữn₃ phút mừng vui khó tả, nhân dân các nước quay nhìn về tương lai, đầy lo lắng. Mâu thuẫn giữa hai lý tưởng, hai chế độ xã hội, tạm thời hòa hoãn trong chiến tranh, giờ đây bộc lộ rõ ràng trong việc giải quyết các vấn đề quan hệ đến trật tự mới của thế giới. Mà sự bộc lộ mâu thuẫn căn bản này diễn ra trong lúc lực lượng võ trang của hai phe đã hùng hậu nhất từ trước đến nay, lại bùng bùng tinh thần chiến đấu trong hoàn cảnh đại thắng lợi.

Làm thế nào giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp quốc tế hay, nói tổng

quát, làm thế nào duy trì hòa bình mới được văn hồi ?

Trong bao nhiêu biện pháp khác nhau được mọi người nghiên ngẫm, nổi bật một biện pháp mà ai ai cũng đồng ý về tính chất khẩn thiết và hợp lý : *Làm giảm thiểu những khả năng chiến tranh, tạo không khí thuận lợi cho việc tìm kiếm những phương pháp giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp quốc tế.*

Vấn đề Tài giảm binh bị thế giới được đặt ra.



Một ít lịch sử

Ngày 24 tháng giêng 1946, Đại hội đồng Liên-hiệp quốc thành lập Ủy ban nguyên tử năng gồm đại diện mười một quốc gia hội viên Hội đồng Bảo an và một đại diện của Gia-nã-đại.

Ủy ban này có nhiệm vụ kiểm soát tình lực nguyên tử và loại trừ những vũ khí nguyên tử cùng các thứ vũ khí khác có khả năng hủy diệt lớn lao.

Ngày 13 tháng hai 1947, Liên-hiệp quốc tổ chức thêm Ủy ban các vũ khí cổ điển có nhiệm vụ giảm bớt các loại vũ khí này.

Ủy ban nguyên tử năng và Ủy ban vũ khí cổ điển về sau được hòa hợp vào một tổ chức thống nhất : Ủy ban Tài binh Liên-hiệp-quốc.

Đề xúc tiến công việc có kế hoạch, Ủy ban Tài-binh thành lập một Tiểu ban Tài binh, thành phần gồm đại diện của năm nước : Anh, Pháp, Hoa-kỳ, Gia-nã-đại, Nga-sô.

Cho đến nay, tổng kết 4 năm thương thuyết, bàn cãi, Tiểu ban Tài binh đã họp 4 khóa, 157 phiên.

Sau bấy nhiêu phiên họp, lập trường của thế giới tự do và của Nga-sô về tài binh vẫn không thỏa hiệp với nhau được. Trên tấm thảm xanh của Đại hội đồng Liên hiệp-quốc, hai bản kế hoạch giải giới của Đông và Tây nằm đối diện, trước sự lo buồn của nhân dân thế giới.

Tháng chín 1957, bản kế hoạch của Tây Phương được đệ trình Tiểu ban Tài binh. Tháng mười, mười một 1957, kế hoạch này được đưa ra Đại hội đồng Liên hiệp quốc xem xét.

Nhưng ngày 27 tháng 10, tiếp đến ngày 4 tháng 11 năm 1957, Nga-sô công bố quyết định rút đại diện khỏi Ủy ban Tài binh vì « không thể tiếp tục thảo luận nếu ủy ban Tài binh vẫn giữ thành phần hiện tại ».

Ngày 15 tháng 11, Đại hội đồng Liên hiệp-quốc biểu quyết tán thành kế hoạch Tài binh do Tây Phương đề nghị (56 phiếu thuận, 9 phiếu chống, 15 phiếu không bỏ).

Mặc dù vậy, tại hành lang Liên-hiệp-quốc nhiều quốc gia, nhất là Ấn-độ tích cực hoạt động để cứu vãn tình thế khủng hoảng mà quyết định của Nga sô nói trên gây nên.

Người ta thông cảm với sự cố gắng vì hòa bình của các quốc gia ấy, bởi một lẽ rất giản dị : nếu Nga-sô không có chân trong Ủy ban Tài binh thì Liên-hiệp-quốc khó thu hoạch một kết quả nào tích cực trong vấn đề Tài binh.

Theo ý của Nga-sô, khi rút đại diện khỏi Ủy ban Tài binh, thì Liên-hiệp quốc phải mở rộng thành phần của Ủy ban này, để đại diện tất cả quốc gia hội viên L.H.Q. được tham gia (82 đại diện).

Sau khi tham khảo ý kiến nhiều nước, Gia-nã-đại, sau lưng có Ấn-Độ, đưa ra đề nghị mở rộng thành phần Ủy ban Tài binh vào năm 1958 đến 25 Ủy viên đại diện 25 Quốc gia (ngoài 11 Quốc gia hội viên Hội-đồng Bảo-An trong có Gia-nã-đại, thêm : Argentine, Úc, Bi, Brésil, Diển-diện, Ai-cập, Ấn-độ, Ý, Mỹ-tây-cơ, Na-uy, Ba-lan, Tiệp-khắc, Tunisie, Nam-tu).

Trong khi đó khối Cộng đưa một đề nghị mở rộng thành phần Ủy ban Tài binh đến 32 ủy viên. (Thêm vào danh sách 25 nước nói trên 7 nước : Áo, Bảo-gia-lợi, Nam-dương, Lỗ-mã-ni, Soudan, Phần-lan, Tích-lan.)

Ngày 19 tháng 11 năm 1957, Đại hội đồng Liên hiệp quốc biểu quyết về các đề nghị nói rộng thành phần Ủy ban Tài binh.

Đề nghị của Nga-sô (82 ủy viên đại diện 82 nước hội viên Liên hiệp quốc) bị bác với 46 phiếu chống, 9 phiếu thuận và 24 phiếu không bỏ. Nam-tư vắng mặt trong cuộc biểu quyết này.

Đề nghị của Albanie ở khối Cộng (32 ủy viên) bị bác với 38 phiếu chống, 19 phiếu thuận, 19 phiếu không bỏ.

Cuối cùng đề nghị của Gia-nã-đại — Ấn-Độ (25 ủy viên) được chấp thuận với 60 phiếu thuận, 9 phiếu chống và 11 phiếu không bỏ.

Nhưng Nga-sô cho biết thái độ của họ là dù sao, họ sẽ không chịu thảo luận vấn đề Tài binh trên căn bản kế hoạch của Tây Phương đã được Đại hội đồng Liên hiệp quốc chấp thuận. Về vấn đề có tham gia Ủy ban Tài binh hay không, với thành phần được nói rộng như vậy (25 ủy viên), Nga-sô tuyên bố sẽ đình hoãn sau. Họ ngờ ý chờ đợi một không khí thuận lợi cho việc thảo luận nhờ những cuộc tiếp xúc ngoại giao trực tiếp, (như hội nghị Đông Tây ở cấp bậc tối cao do Nga-sô đề nghị).

Tóm lại, ước vọng tài giảm binh bị thế giới từ mười năm nay vẫn chưa thực hiện, trong khi cả Nga-sô và Hoa-kỳ đều tiến đến giai đoạn có vệ tinh nhân tạo và hỏa tiễn các tầm trung bình, liên lục địa. Chung qui vì sự chống nghịch của hai lập trường tài binh. Hai lập trường được biểu hiện trong hai kế hoạch tài binh của Đông và Tây. Hai kế hoạch ấy như thế nào ?

Kế hoạch Tây phương

Kế hoạch này là một dự-án chung của 24 nước về vấn đề Tài binh (12 nước châu Mỹ — Latinh : Argentine, Brésil, Chili, Colombie, Cuba, République Dominicaine, Equateur, Honduras, Nicaragua, Paraguay, Panama, Pérou ; 5 nước châu Âu : Bỉ, Pháp, Anh, Ý, Hòa-lan ; 2 nước châu Á : Phi-lật-tân, Ai-lao ; 2 nước châu Phi : Libéria, Tunisie ; Úc, Hoa-kỳ và Gia-nã-đại).

Sau đây, những điểm chính trong nội dung bản kế hoạch :

1) Hạn chế và giảm thiểu quân đội và vũ khí cổ điển (Trong từng đợt. Đợt đầu, quân số Pháp và Anh còn lại 750.000 người, quân số Hoa-kỳ và Nga-sô còn lại 2.500.000 người).

2) Cam kết không dùng vũ khí nguyên tử, trừ trường hợp chính lý tự vệ.

3) Đình chỉ sản xuất nguyên tử liệu dùng vào sự chế tạo vũ khí ; chỉ dùng nguyên liệu ấy vào mục đích hòa bình, dưới sự kiểm soát quốc tế hữu nghị ; giảm bớt số vũ khí nguyên tử tàng trữ (và nguyên tử liệu dùng về quân sự) bằng cách tuân tự đem dùng vào mục đích hòa bình, sự giảm bớt này đặt trên căn bản đôi bên đều thi hành một cách công bình và dưới một sự kiểm soát quốc tế.

4) Đình chỉ thí nghiệm vũ khí nguyên tử trong một thời hạn là 12 tháng có thể dời mới, với điều kiện một sự thỏa thuận được thực hiện để thiết lập và duy trì những sự kiểm soát mong muốn, kể cả những trạm kiểm soát trang bị bằng dụng cụ khoa học, trên lãnh thổ Nga-sô, Anh, Hoa-kỳ, trong vùng Thái-bình-dương và ở tất cả những

nơi cần thiết cho những sự kiểm soát ấy, với sự thỏa thuận của các quốc gia liên hệ.

5) Thiết lập một hệ thống thị sát nhằm tạo một bảo đảm chống lại một sự tấn công bất ngờ.

6) Cùng nghiên cứu một hệ thống thị sát bảo đảm cho việc phóng các vật lên vùng thượng tầng không khí được thi hành chỉ với mục đích hòa bình và khoa học.

Kế hoạch Nga-sô

Đối lại với kế hoạch phong phú và chu đáo của Tây Phương, kế hoạch Tài binh của Nga-sô có vẻ đơn giản :

1) Đình chỉ thí nghiệm vũ khí nguyên tử dù trong thời hạn hai hay ba năm.

2) Cam kết không dùng vũ khí nguyên tử và khinh-khí (Có thể bắt đầu ký kết một hiệp ước trong vòng 5 năm).

3) Giảm một phần ba quân số của Tây phương và của Nga-sô đóng tại nước Đức; giảm bớt quân đội của những nước nói trên đóng trên lãnh thổ của các quốc gia hội viên Minh-Ước Bắc-Đại-Tây-Dương và của các quốc gia hội viên Minh-Ước Varsovie.

4) Bỏ căn cứ quân sự ở các nước ngoài.

5) Ký kết một hiệp ước qui định rằng các quốc gia có vũ khí nguyên tử sẽ không cho thiết lập ngoài biên giới quốc thổ, những đơn vị quân sự trang bị bằng vũ khí nguyên tử, những căn cứ vũ khí nguyên tử và khinh khí.

Hai quốc gia Ba-lan và Tiệp-khắc đã tuyên bố sẵn sàng cam kết không sản xuất vũ khí nguyên tử, không cho thiết lập những căn cứ vũ khí nguyên tử trên lãnh

thổ quốc gia, nếu Cộng hòa Dân chủ Đông Đức và Cộng-hòa Liên-bang Tây Đức cũng thực hiện sự cam kết với nhau như vậy, theo đề nghị của Cộng-hòa Dân chủ Đông-Đức.

Đề nghị nói trên của Ba-lan và Tiệp-khắc cần được chú trọng.

6) Thiết lập những trạm kiểm soát để tránh những cuộc tấn công bất ngờ.

Những chỗ cách biệt giữa hai kế hoạch

Muốn nhận định triển vọng của vấn đề Tài binh, ta cần tìm hiểu mâu thuẫn Đông, Tây về lập trường Tài binh. Để làm sáng tỏ mâu thuẫn ấy, ta bắt đầu nhận xét về sự cách biệt giữa hình thức và nội dung hai bản kế hoạch nói trên.

A) PHẦN HÌNH THỨC

Kế hoạch Tài binh của Tây phương được xây dựng rất công phu, đầy đủ chi tiết, trong đó người ta dự liệu nhiều trường hợp, như *trường hợp chính lý tự vệ*. Mỗi một giai đoạn tài binh có điều kiện tiên quyết (*sự kiểm soát*).

Kế hoạch Tây phương, xét về hình thức, gây một ấn tượng đậm đà về sự lo lắng của các quốc gia dân chủ để giải quyết vấn đề Tài binh một cách căn bản, trước một đối phương không thể tín nhiệm về sự thành thực.

Kế hoạch Tài binh của Nga-sô trái lại, có một hình thức đơn giản. Yếu tố đơn giản này, nếu không thỏa mãn được Tây phương, có thể có tác dụng tuyên truyền đối với một số quần chúng

chưa hiểu rõ Cộng-sản, gây ở họ cảm tưởng lầm lạc rằng kế hoạch Nga-sô cụ thể và thực tiễn.

B) PHẦN NỘI DUNG

Xét về căn bản, kế hoạch Nga-sô chống kế hoạch Tây Phương ở ba điểm chính.

Trước hết Nga-sô muốn *Hoa-kỳ triệt hồi các căn cứ quân sự ở các nước ngoài*.

Theo ý kiến các giới am hiểu về tình hình Nga-sô, lực lượng phòng thủ của nước này, về mặt không phận được nhận xét như sau : Với hệ thống báo động ra đa và giàn súng cao xạ, Nga-sô có thể tự bảo vệ hiệu quả (Đề lọt chừng 4 phần trăm những oanh tạc cơ tối tân của đối phương). Nhưng Nga-sô sợ bị tấn công bằng hỏa tiễn.

Tháng 11 năm 1956, đại biểu Nga tại Liên hiệp quốc chấp thuận về nguyên tắc ý kiến tổ chức một cuộc không hành thị sát trên một phạm vi đất đai rộng *tám trăm cây số*, kể từ ranh giới phân cách các quốc gia hội viên Minh-ước Bắc-Đại-Tây-dương với các quốc gia hội viên Minh-ước Varsovie. Tại sao như vậy ? Người ta nhớ rằng trong lúc đó những tin tức về hòa tiến của Hoa-kỳ cho biết rằng tầm hoạt động của hỏa tiễn trung bình Hoa-kỳ ở phạm vi *bảy trăm cây số*. Nga không ngại bày lộ những mục tiêu cốt yếu của mình vậy. Và người ta cũng không ngạc nhiên khi thấy trong năm qua, Nga-sô cố sức hăm dọa những nước sẽ đề xây dựng căn cứ phóng hỏa tiễn trên lãnh thổ (Đan-mạch, Na-uy, Hòa-lan). Nga-sô đặc biệt chú trọng hăm dọa Thổ-nhĩ-kỳ vì từ nước này, các hỏa tiễn được phóng đi có thể tiêu

diệt dễ dàng các căn cứ sinh tử của Nga ở Ukraine, Moscou, Oural. Vấn đề tình hình căng thẳng giữa Syrie và Thổ được đưa ra tại Liên hiệp quốc trước đây thật ra chỉ là một kế hoạch uy hiếp của Nga đối với Thổ, nhằm ngăn trở chính phủ Ankara đề cho Hoa kỳ xây dựng những căn cứ phóng hỏa tiễn tại Thổ, nghĩa là sát nách Nga-sô.

Người ta tự hỏi : Với thời gian, Nga-sô có còn đòi hỏi Hoa-kỳ triệt hồi căn cứ quân sự ở ngoại quốc nữa không ? Cũng là tự hỏi : Hoa-kỳ có cần căn cứ quân sự ở nước ngoài nữa không ?

Giải đáp những câu hỏi trên là đồng thời giải đáp về triển vọng sự chống đối của hai phe ở điểm căn cứ quân sự tại nước ngoài.

Hiện nay nhiều tin tức xác nhận rằng cả Nga lẫn Mỹ đều có hỏa tiễn liên lục địa. Từ Hoa-thịnh-đốn một hỏa tiễn mang bom khinh khí có thể tiêu diệt Mạc-tư-khoa trong giây phút. Về phía Nga-sô, họ cũng có năng lực phá hoại như vậy.

Cho nên người ta nghĩ rằng đến một ngày nào đó mà cả hai bên đều có một số hỏa tiễn liên lục địa dồi dào, có lẽ điểm chống đối này giữa hai bản kế hoạch sẽ không còn giá trị thực tiễn.

Nhưng hai điểm khác biệt giữa hai kế hoạch còn lại thì khó mà được giải quyết thanh thỏa.

Tây Phương trong việc cam kết không dùng vũ khí nguyên tử, đã qui định một sự ngoại trừ *trường hợp chính lý tự vệ*. Còn Nga-sô lại đòi cấm dùng vũ khí nguyên tử *không điều kiện*. Trên căn bản ý thức

tôn trọng quyền tự do của con người và của mỗi dân tộc, Liên-hiệp-quốc đã thừa nhận trường hợp chính lý tự vệ. Tây phương hiển nhiên đi đúng với tinh thần hiến chương Liên-hiệp-quốc, khi qui định sự ngoại trừ ấy. Thế tại sao Nga-sô không chịu thừa nhận? Nga-sô đưa lý do là sự lo ngại rằng bất cứ một sự xung đột nào ở biên giới, được tổ chức khéo léo, cũng có thể tạo ra cơ hội thi hành quyền chính lý tự vệ. Thật ra, thái độ chống đối của Nga-sô có những lý do sâu sắc hơn mà ta sẽ phân tách sau này.

Điểm khác biệt cuối cùng giữa hai kế hoạch là Tây phương đòi đình chỉ ngay, dưới sự kiểm soát, công cuộc sản xuất nguyên tử liệu dùng vào mục đích chiến tranh. Nga-sô không dả động đến vấn đề ấy, trong khi họ đòi chấm dứt thí nghiệm các vũ khí nguyên tử.

Ai cũng thấy rằng quan điểm của Tây phương rất là hợp lý. Muốn cho công cuộc giải giới được bền vững phải tiêu diệt những yếu tố có khả năng gây chiến mà việc sản xuất nguyên tử liệu dùng vào mục đích chiến tranh là một. Nhưng Nga-sô hiện nay không muốn ngưng việc sản xuất ấy. Vì sao? Nhiều người cho rằng vì Nga-sô hiện nay chưa tích trữ được một số vũ khí nguyên tử, khinh khí tương đương với số vũ khí loại này của Hoa-kỳ. Để thực hiện thế quân bình lực lượng, Nga-sô còn phải nỗ lực sản xuất nguyên tử liệu để tăng cường số vũ khí của mình mau chóng, khi cần.

Ta đã nhận thấy sự khác nhau giữa hai kế hoạch Tài binh. Ta cũng điem qua một số lý do gây nên sự khác nhau ấy. Dựa vào đây, ta cũng nghiên cứu lập trường và ý thức chính trị của đôi bên.

Từ ý thức đến đường lối

Ta hãy nghe ý kiến của bình luận gia Robert Bosc :

« Có lẽ chữ « ý thức hệ » là một chữ « to tát quá để chỉ những lý do nằm « trong kế hoạch tài binh này hay kế « hoạch tài binh khác, nằm trong cách « này hay cách khác để bác bỏ một « kế hoạch tài binh. Tại sao không nói một « cách đơn giản rằng đó là sự sợ hãi ? « Nhưng nói sự sợ hãi không giải thích « được gì hết. Hay đúng hơn là sự sợ « hãi đã luôn luôn tồn tại và sự sợ hãi « đã luôn luôn thúc đẩy các tập đoàn chính « trị củng cố nền an ninh bằng cách « tăng gia và cải thiện vũ khí của họ. « Tại sao ngày nay sự sợ hãi lại sẽ đưa « đến tài binh ?

« Tính cách qui mô của những cảnh « phá hoại do vũ khí nguyên tử gây ra « có lẽ thay đổi bản chất chiến tranh : « nó không thay đổi bản chất con người. « Nó không thay đổi những phản ứng « của con người đối với các thảm họa « chiến tranh, cũng không thay đổi quyết « tâm của con người chịu nhận những « thảm họa ấy để duy trì một số giá « trị nào mà họ tin rằng cao cả hơn « sự sống. Bên ngoài những sự dị đồng, « Tây phương, Nga-sô và Trung-lập

« cùng gặp nhau ở thái độ chung ấy
 « của loài người. Tất cả đều ghê tởm
 « chiến tranh nhưng họ không muốn hòa
 « bình với bất cứ giá nào. Nga-sô, với
 « sự tin chắc rằng chủ nghĩa Cộng-sản
 « cuối cùng sẽ thắng lợi nhờ những
 « cuộc cách mạng từng nước trên toàn thế
 « giới, quyết dùng võ lực bảo vệ những
 « nước đã thiết lập một chính quyền Cộng-
 « sản hay thân Cộng và họ sống trong sự
 « lo sợ rằng Hoa-kỳ sẽ tấn công họ để
 « ngăn trở họ giúp đỡ, khi cần, sự tiến
 « triển của chủ nghĩa Cộng-sản nói trên
 « mà họ tin là tất nhiên. « Trung-hoa và
 « Nga-sô có nghĩa vụ quốc tế cao cả là
 « củng cố sự thống nhất của các nước
 « xã hội », đó là lời tuyên bố của Chu-
 « Ân-Lai, ngoại trưởng Cộng hòa Nhân-
 « dân Trung-hoa, ngày 18 tháng giêng
 « 1957, tại đài phát thanh Mạc-tư-khoa, hai
 « ngày trước cuộc tổng tuyển cử ở Ba-lan...
 « Thái độ nhận hiểu, « nghĩa vụ quốc
 « tế cao cả » ấy của điện Cẩm linh đã được
 « biểu lộ rất rõ ràng và hợp lý trong việc
 « Nga sô giúp đỡ các đảng Cộng sản

« Trung Âu và Viễn đông cướp chính
 « quyền, đặc biệt là Prague, tháng hai
 « 1948, sau đại chiến thế giới lần thứ
 « hai, hoặc giúp đỡ các đảng ấy giữ
 « chính quyền khi họ lâm vào tình thế có
 « thể mất chính quyền, như ở Budapest
 « tháng 10 năm 1956. Sự sống chung hòa
 « bình không loại bỏ sự viện trợ quân-sự
 « cho các đảng Cộng sản trong những cuộc
 « chiến tranh cách mạng.

« Hoa-kỳ và các đồng minh châu Âu
 « muốn tự bảo vệ chống lại chính sự hăm
 « dọa thường trực ấy. Đối với họ, đây là
 « một nghĩa vụ quốc tế cao cả : sự bảo vệ
 « một số giá trị nào của loài người mà
 « Cộng sản Nga sô đã hủy diệt ở tất cả
 « nơi nào mà chế độ ấy đặt cơ sở. Chiến
 « tranh lạnh này rõ là một chiến tranh tới
 « ngưỡng : mỗi đối phương bên vực
 « những nguyên tắc trong đó mình không
 « thể nhượng bộ : mỗi đối phương bên
 « vực « sự hùng cường » của mình ít hơn
 « là « chế độ sống của mình. »

(còn nữa)

TIÊU-DÂN

Danh ngôn, danh lý trong số này quy về ý chính.

NHIỆM VỤ CỦA MỖI NGƯỜI, KHI ĐÃ LÀ NGƯỜI

TỰ CHẾ, KHẮC KỶ

I. — CƯƠNG QUYẾT

★ Có những người không dám bước đi vì sợ gãy chân, nhưng sợ
 gãy chân mà không bước đi, thì có khác gì chân bị gãy.

TURGOT

NHẬN ĐỊNH PHÂN VỤ CỦA PHỤ NỮ

TRONG XÃ HỘI

HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT

(tiếp theo)

A) Đặt một nền tảng :

1) Nhận định giá trị của trí khôn phụ nữ.

Đề ý thức toàn diện như trên vừa nói, một nền tảng cần thiết phải được đặt trước tiên :

Phải gạt bỏ cái ngộ nhận về sự bất tài của trí khôn phụ nữ.

Ngộ nhận này vẫn còn đè nặng trên tâm trí và làm tê liệt mọi cố gắng, đồng thời ràng buộc họ trong một đời sống ỷ lại, yếu đuối, tình cảm... Hai bộ óc người nam và nữ đã được tạo dựng để bổ túc cho nhau, với hai kiểu cách khác nhau để tìm hiểu và đi vào sự vật thăm thẳm, muôn mặt. Chỉ cả hai phối hợp mới đem lại tất cả sự phong phú đầy đủ muôn mặt cho trí khôn nhân loại. — « Trí khôn không là của riêng người đàn ông, cũng như không là vật sở hữu riêng của phụ nữ. Trí khôn nhân loại

gồm có hai nguyên tố khác nhau để bổ túc cho nhau, và không cái nào có hình thức cao hơn cái nào. Trí óc nhân loại chỉ phát huy hết khả năng nếu cả hai khối óc nam, nữ, với cá tính đặc biệt của mỗi cái, tìm được những điều kiện ám hợp cho sự nảy nở và biểu lộ của chúng. Một sai lầm to tát, khi người ta cho trí óc người đàn ông là tất cả trí khôn nhân loại. Khúc triết rần ròi, đặc điểm này của trí óc đàn ông cần được bổ túc bằng sự uyển chuyển mềm dẻo, đầy hình ảnh cụ thể và nhất là đi sát với sự sống, đặc điểm của trí óc phụ nữ. Người phụ nữ không nên « nam hóa » trí óc mình bao giờ cả : nghĩa là cố làm sao cho mình được thành một « nhà trí thức ». Trái lại phải tập luyện cho mình một trí óc đặc biệt phụ nữ ». (1).

(1) Conscience de la féminité (ý thức về phụ nữ tính). Chương III. Của Suzanne Nouviou.

2) **Đả phá các nét xấu của tâm trí ấy.**

Quan niệm ngàn đời đã gán cho trí óc phụ nữ những nét xấu : trí óc mỏng lung, mơ mộng, tình cảm, tỉ mỉ vụn vặt... Thật sự, đó là những cái sa sút của trí óc họ, một phần lớn do khung cảnh xã hội gây ra, do một quan niệm chật hẹp duy trì, nuôi nấng hơn là những nét xấu nội tại của bản tính.

Vì thế phải đả phá những gì sa sút, suy đồi để tìm lại mặt thật của bộ óc phụ nữ. Bộ óc mà theo tư tưởng của bà Edith Stein, có một « cơ sở kiến trúc riêng biệt... cần một sự đào tạo luyện tập riêng. Giữa nam nữ không phải chỉ có sự khác biệt về thân thể, và về một vài năng lực có liên quan với các cơ quan thể xác, còn trí tuệ tinh thần thì không có gì khác biệt, nên chỉ cần huấn luyện chung, đại khái cho trí tuệ và tinh thần, mà không cần đếm xỉa đến cơ sở kiến trúc riêng biệt của mỗi phái ». (2). Phải đả phá những gì suy đồi, nhưng không được làm hao tổn đến các đức tính thực thụ lẫn lộn trong đó :

— Đả phá những cái nhỏ hẹp tỉ mỉ trong tâm óc, sự quá đề ý về bản thân nhỏ nhoi của mình, đề phóng tầm mắt ra ngoài vũ trụ và xã hội, điều kiện cho một đời sống tâm linh lành mạnh. Nét xấu đó là ở tại quá chú trọng về những điều nội tâm, cá vị, sống động. Tuy điều này tự nó và nếu đúng mực lại là những đức tính không nên bỏ.

— Đả phá những tư tưởng bàng bạc, mơ hồ, những mơ màng mộng mị, những xúc cảm quá nhạy, tình cảm nước mắt, hay làm cho họ tìm an ủi, khích lệ, làm cho thích nói lê la ; nhưng đây cũng là mặt trái của đức tính dễ dàng thông cảm, dễ dàng tiếp xúc sống động, thích nhìn hiểu

trong thực giác, đó là một đức tính rất cần cho đời sống làm vợ và làm mẹ trong gia đình.

— Đả phá những lắt léo trong tâm tình, trong lương tâm để có một sáng suốt, chính trực trong lương tri, trong phán đoán, về mình và về người.

— Đả phá những ý lại, đón hèn, tìm một đời sống dễ dàng, tầm thường tiện lợi cho mình nhất, hợp với bản năng vốn sẵn dễ dàng thụ nhận. — « Sự bại hoại riêng biệt của người phụ nữ kết thành bởi những giây nô lệ họ tự trói buộc mình vào người đàn ông, và cũng bởi việc để cho trí óc mình, tinh thần mình suy nhược lụn bại dần trong một đời sống hoàn toàn thể xác và cảm giác. » (Edith Stein op. cit. trang 48).

B) Thái độ của người phụ nữ hoạt động trong xã hội.

Với bộ óc sáng suốt chính trực, đầy tin tưởng vào sức lực và khả năng đặc biệt của của mình, người phụ nữ sẽ :

— quay về mình, suy tưởng và ý thức bản thể mình, với các khả năng tinh thần và thể lý đặc thù của nó. Đồng thời nhận định cái sứ mệnh tự nhiên của mình, như đã phác họa ở điểm 1,

— quay ra xã hội, đề ý thức và suy tưởng về các khung cảnh sống, về địa vị mình có thể đứng trong các khung cảnh đó, trước hết trong gia đình là nơi mình thực hiện sứ mệnh chính, sau đến các hoạt động người phụ nữ có thể làm và cộng tác, hay có thể tự tạo ra ngoài xã hội.

(2) Edith Stein : La femme et sa destinée — passim.

Điềm sau này gồm nhiều thái độ :

1) Thái độ thứ nhất : Sự sáng suốt trong phán đoán tự lập sẽ cho người phụ nữ biết *phải gạt bỏ những hoạt động gì không ám hợp với bản thân và năng lực mình*. Thái độ này không là một sự phá hoại. Người phụ nữ phải nhận cái xã hội hiện tại với các cơ sở đã có. Nhưng quyền gạt bỏ những gì không hợp vì các cơ sở ấy đã không do nữ giới tạo ra. Tất nhiên có nhiều điều không thể hoàn toàn xứng hợp với họ. Thế dục là phương pháp tập luyện cho toàn thể được dẻo dai, cân đối, cường tráng. Ai cũng có thể tùy sức mà tập. Là con người, deo một cái xác, cần phải làm cho nó đủ điều kiện tiện lợi để phục vụ linh hồn. Nhưng thể thao với những môn hùng hồ táo bạo, đòi thi thố sức lực nhiều như quyền anh, đánh vật, túc cầu, chạy đua v. v... người phụ nữ ý thức tự trọng, biết mình không được nhào nặn theo chiều mãnh lực, nhưng theo chiều mềm dẻo, dai bền, dịu dàng, để thi thố và phục vụ trong một phạm vi khác, sẽ gạt bỏ các môn trên ra ngoài. Một chủ trương bình đẳng, bình quyền quá khích tuyệt đối sẽ khuyến khích phụ nữ ganh đua như nam giới ngay cả trên địa hạt này, và coi sự khiêm diện của nữ giới như một hèn kém và không còn bình đẳng. Nhưng ai chẳng nhìn thấy sự vô lý, ngu xuẩn của luận điệu mù quáng như thế. Tiếc thay, giới phụ nữ, trong đời việc tương tự nhiều lần đã không tránh khỏi cái mù quáng đó...

2) Thái độ thứ hai, sẽ là mặt tích cực của cái trên : *Chọn lọc những hoạt động ám hợp* cho mình. Biết rằng con người vì là thọ sinh nên khiếm khuyết trong bản thể cũng như trong hành động tự nhân hay xã

hội, người ta đã cùng nhau chung sống trong xã hội để những gì người này không thể đảm đương rồi, người khác làm thay. Đâu chung lại để giúp nhau phát triển nhân vị và đạt tới cứu cánh con người. Giữa nam nữ, điều này càng rõ rệt và mặc một hình thái bề túc đặc biệt. Mỗi người sẽ theo con đường riêng mình mà hoạt động. Không phải các hoạt động của hai phái sẽ tuyệt đối khác nhau, có cái chung, cũng có cái riêng ; có những cái ám hợp riêng cho người này lại ít ám hợp cho người kia ; hoặc trong khi hành động, trên cùng một điểm, nam nữ sẽ có hai kiểu nhìn và hoạt động khác. Vì thế sự chọn lọc sẽ còn là chọn lọc những gì ám hợp cho cách nhìn và sử sự của mình. Một ví dụ nhỏ như việc thêu thùa. Tuy ai cũng có thể làm, nhưng cần những ngón tay dẻo dai, cần sự kiên nhẫn, chú ý từng chi tiết...

3) Thái độ thứ ba, thái độ *tô điểm*. Chữ tô điểm không nên hiểu theo nghĩa eo hẹp vật chất của việc trang trí, nhưng nói rộng và đem lên bình diện cao hơn. Nghĩa là người phụ nữ đem chiều rọi vào các khung khổ hoạt động, dù có họ cộng tác xúc tiến hay không, tất cả màu sắc phong phú của cá tính phụ nữ.

Người phụ nữ trước tiên là « *trình nữ* » khi còn thiếu nữ. Tất cả sự hồn nhiên, tươi tắn, trong trắng của tâm hồn sẽ chiếu lòa trên những cảnh ô trọc, khả ố, bất lương của xã hội ; sẽ làm thanh quang lại những tâm hồn đen tối bởi sự hiện diện tươi sáng của họ. Tất cả những vẻ đẹp phong phú ấy từ bao đời vẫn luôn gây cảm hứng cho các thi sĩ, văn sĩ, vẫn là động lực thúc đẩy văn hóa và nghệ thuật. Người trần như cảm thấy trong hình ảnh của người

trình nữ trong sáng, một di tích bất diệt của mảnh trời cao xa đang kêu gọi họ về, như một tiếng gọi của lý tưởng cao sáng, thoát vật chất, thoát tham vọng tranh dành.

Người phụ nữ còn là « bạn lòng bạn tình » của người chồng. Hơn ai hết, người phụ nữ có tâm hồn sẵn sàng tận hiến, tận hiến để đi đến sự nhuần sinh thể xác, và tâm hồn. Sự tận hiến ấy còn diễn tả trong cả một đời sống hàng ngày hy sinh, nhẫn nại trong việc gia đình và bên con cái. Tất cả các đức tính ấy sẽ chiếu lòa trên bộ mặt xã hội nhiều khi đã bề gãy những liên lạc của con người với con người, nhân vị với nhân vị. Sẽ chiếu lòa trên bộ mặt xã hội ích kỷ, con người không còn biết hiến thân xả kỷ để phục vụ đồng loại.

Sau cùng người phụ nữ là người mẹ. Và chính đây, nét làm cho bộ mặt người phụ nữ thật hoàn thành, xác định. Nơi đây đức tính hy sinh tận hiến thực hiện hoàn toàn. Người mẹ như đóa hoa nhận tàn tạ để kết quả. Người mẹ như chìm lặn, ẩn dấu mình để cả bản ngã toàn thân bật nổi trong đứa con, và hai đời như hòa một. Vì thế chức làm mẹ tự nhiên lôi kéo người mẹ ra khỏi bình diện thế tạm và vật chất một cách nào hầu như không thể tránh.

Ấp ủ trên mầm non của nhân loại, chức làm mẹ còn bao trùm lên cả nhân loại để làm mẹ những kẻ yếu đuối không nơi nương tựa. Không sức lực vạm vỡ, sự yếu đuối của người mẹ che chở các kẻ nhỏ bé yếu ớt bằng tất cả tình thương mạnh mẽ hiệu lực. Chức làm mẹ vượt lên trên bình diện thể xác để mặc lấy chức làm mẹ tinh thần, thiêng liêng của tâm hồn con người, với tất cả tấm lòng thương và hy sinh trời bề của tình mẹ. Như lòng đất là mẹ nuôi

phần xác con người, người mẹ nuôi nấng tâm hồn nhận loại. Trong các chức vụ và hoạt động xã hội, người phụ nữ sẽ đem chiếu tỏa tư cách chức làm mẹ của mình. — « Đối với người phụ nữ, chức vụ làm bà bác sĩ, chức vụ cứu tế xã hội, chức nữ giáo viên, nữ khán hộ, không phải là những « nghề nghiệp » theo nghĩa đàn ông gán cho nó. Đó là những hình thái của chức làm mẹ của họ ! Tương lai sẽ nêu lên một đòi hỏi tương tự cho chức làm mẹ tinh thần — chức làm mẹ toàn diện, mà ngay người phụ nữ ở độc thân cũng có quyền tham dự. — Những nghề nghiệp người phụ nữ làm không thể là những thay thế cho chức làm mẹ mà mình không có, nhưng phải là dịp để mình phát triển bản năng hiền mẫu không bao giờ thiếu thốn trong lòng những phụ nữ chính thống. Khi người phụ nữ lãnh một chức vụ gì, hay chọn một nghề nghiệp phải xét xem những chức nghiệp đó có hứa hẹn cho họ một dịp thuận lợi để thi thố các năng lực của tình mẹ không ? Đã hẳn, một số các nghề nghiệp đều ám hạp cho sự thi thố các năng lực tình mẹ của phụ nữ cũng như ám hạp cho sự thi thố năng lực đặc biệt của người nam. Về vấn đề này một chức nghiệp bên ngoài coi như ít ám hạp cho phụ nữ nhất, lại cho ta một bài học hay : nghề làm chính trị. Khi một phụ nữ được tôn lên làm hoàng hậu, thường họ ăn ở như một « Bà Quản ». Ta không nên coi đó là một sự ngẫu nhiên, nhưng là biểu hiệu một sự thật có liên quan mật thiết với chức làm mẹ phổ biến của tâm hồn của người nữ. « Một bà quản tốt, không phải là một ông quản tốt, nhưng là một người mẹ hiền của dân ». (Gertrude von Lefort trong cuốn *La femme*

éternelle (Người nữ muôn đời). Phần thứ 3) (1).

Nói chung, tất cả những đức tính thể xác, tâm hồn, của sứ mệnh hay của bản thân họ đều chiếu rọi và ảnh hưởng trên xã hội, trên lòng người với sức cảm hóa của chúng.

4) Thái độ thứ tư, *thái độ tích cực kiến tạo và sáng tác* sẽ làm hoàn thành « phân vụ người phụ nữ trong xã hội ». Ngày nay, người phụ nữ được kêu mời ra cộng tác xây dựng xã hội, giúp nhân loại tiến triển: công việc này, như ta đã nói trên, không chỉ làm nhờ hoạt động chức nghiệp ngoài xã hội mà thôi, song phần chính nói được là đã thực hiện ngay trong khuôn khổ gia đình. Hiện tại, các khung khổ hoạt động đã có rất nhiều, nhưng phần đa số nếu không phải là tất cả, đều đã được sáng tạo nên do trí óc và sức lực nam giới. Công việc của nữ giới không phải là đi phá đổ hay phủ nhận, nhưng là khám phá ra những công việc, những chức nghiệp mới mà chỉ trí óc cụ thể, trực giác, sống động của phụ nữ mới có thể khám phá ra. Ta hãy nhìn về quá khứ để xem công cuộc đã thực hiện: Sự sáng tạo ra các công việc từ thiện, bác ái, cô nhi viện, dục anh đường... dưới sự săn sóc âu yếm của các phụ nữ, các bà phước, các cố khăn hộ... Cả một khoảng lớn nhân loại đau thương được bao bàn tay dịu hiền vuốt ve, bao tấm lòng đầy tình mẹ cuối xuống che chở. Nhân loại đã tiến một bước dài, đã thêm nhân đạo khi các việc từ thiện như thế được tạo ra. Còn biết bao đau khổ, điều đứng, đang mong được những tâm hồn hiền dịu âu yếm như thế vỗ về, che chở (2).

Trên mặt tư tưởng, nghệ thuật và văn chương: còn thiếu những thi văn phẩm,

mỹ nghệ phẩm do trí óc, quả tim và ngón tay phụ nữ, với những nét đặc biệt của nó. Mong có những tác phẩm giá trị đầy ý thức, đầy bản ngã nữ giới, đầy cá tính đặc thù, về tư tưởng, về triết học, khoa học, xã hội, văn chương v.v... nhất là về các địa hạt mà phụ nữ có biệt tài như gia đình, giáo dục, cứu tế xã hội v.v...

KẾT LUẬN

Phác họa qua vài nét đơn thanh, khuôn khổ bài này không thể cho phép dài dòng. Chúng tôi trông đợi và tin tưởng ở những thế hệ nhân vị phụ nữ có bản ngã phong phú, ý thức hoàn toàn về khả năng và đặc tính riêng, ý thức toàn diện sứ mệnh trong gia đình như ngoài xã hội; tự tạo một suy tưởng, một phán đoán tự lập, làm chủ mình và làm chủ tình thế, và có một thái độ tích cực cộng tác xây dựng xã hội và xúc tiến phát triển của nhân loại. Như thế, tương lai nhân loại ngày mai đầy thêm tươi sáng, thêm hoàn bị, vì tất cả sự phong phú của một nhân loại gồm nam và nữ đã được huy động điều hòa trong cộng tác kiến thiết.

A. HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT

(1) Xin xem cả: Edith Stein, op. cit, tr: 87 và tiếp.

(2) Sự thiếu huấn luyện trong chức vụ làm mẹ và giáo dục con cái, hiện thời còn là một khuyết điểm của gia đình V.N. Sao các thiếu nữ hay phụ nữ may mắn hơn, có ăn học và có huấn luyện lại không hy sinh chút ít thời giờ mỗi ngày, để chia nhau vào những gia đình có bà mẹ đông con bận bịu hay phải bỏ nhà đi làm...? Họ sẽ giúp người mẹ trong việc nội trợ giúp trông coi đàn trẻ, (Đây cũng là công việc xã hội!). Vừa giúp đỡ những người bận bịu, lại có dịp thực hành điều mình ăn học được, làm giàu kinh nghiệm cho đời hiện tại hay tương lai của mình, đồng thời không quên mục đích chính: lợi dụng nhiều cơ hội giúp đỡ, gần gũi các bà mẹ để giúp họ biết giáo dục con cái... hay rộng lớn hơn, cả sứ mệnh phụ nữ của họ. (Một ý kiến!).

Đề kỷ niệm Trưng-Vương

À bực Nữ-Vương duy nhất của nước Việt, TRUNG-TRẮC từ trong sâu thẳm của thời gian, lặng lẽ dạy chúng ta, người Việt ở giữa thế kỷ hai mươi, nhiều bài học khàn yếu và có một giá trị trường cửu.

Trước hết là **bài dạy ái quốc**. Đây không phải là thứ ái quốc miêng, tuyên dương rầm rộ bằng ống loa và tiêu ngữ, mà là một tình ái quốc nhiệt liệt đến biến thành một sức mạnh tranh đấu, có cái năng lực khiến bàn chân bước đồng dục theo nhịp trống xuất quân, khiến cánh tay hùng dũng tuốt gươm và nâng cao ngọn cờ khởi nghĩa.

Bên cạnh bài dạy quan trọng bực nhất ấy, nếu lắng tai nghe kỹ, chúng ta còn nhận được **bài dạy bất bình**.

Người thiếu phụ thắm nhuần cái nhân sanh quan tao nhã của Khổng giáo ấy, nhu nhuận là thế, trầm tĩnh là thế, mà đã biết bất bình, đã dám bất bình, khi nghe thấy, bên trên tiếng tan vỡ tuy khe khẽ nhưng đau buốt của trái tim mình, rên rĩ bốn phương trời đất Việt tiếng khóc uất ức của toàn dân đương thống khổ trong địa ngục của xâm lăng.

Bài dạy cuối cùng mà người liệt nữ còn rón truyền lại cho chúng ta lúc tuần nạn ở dòng sông Hát, ấy là **bài dạy tự trọng**.

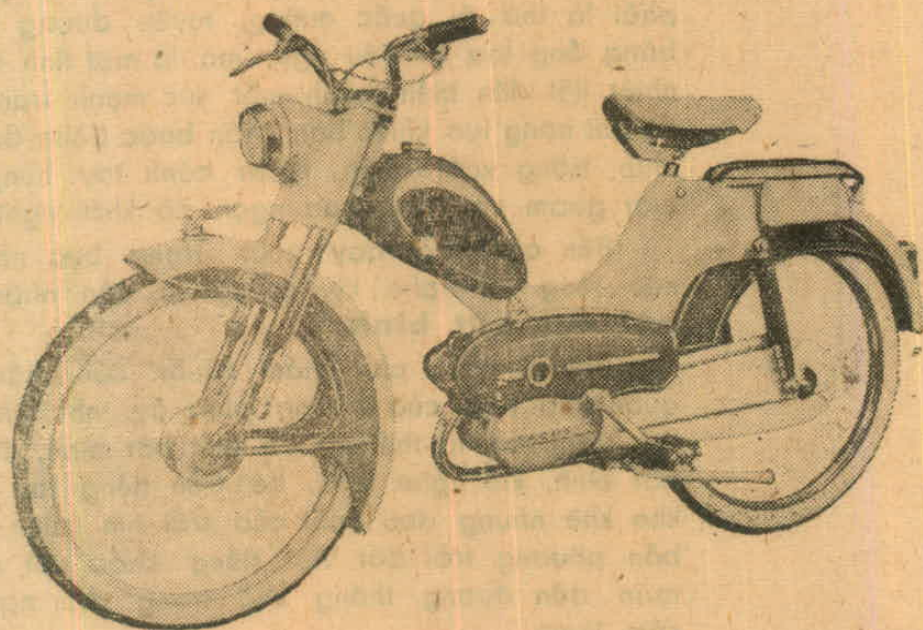
Bằng cái động tác tuy đơn giản mà chứa đựng bao nhiêu khí tiết ấy, TRUNG-VƯƠNG đã dạy chúng ta lúc nào cũng phải cố gắng làm người, nghĩa là sau khi đã lo xong nghĩa vụ giữa quang vinh tuyệt thế, đến lúc biết rằng hổ sĩ nhục đương nằm chực một bên mà chẳng còn thủ đoạn khả thi nào nữa, thì phải liều chết để vẹn toàn nhân cách, **phải dám hết là NGƯỜI để vẫn còn mãi mãi là NGƯỜI**.

NAM-VIỆT - CÔNG-THƯƠNG

Xuất — Nhập cảng

Văn-phòng : 37, Thái - Lập - Thành
(Amiral Dupré) SAIGON

Điện-thoại : 22.992



Đại - lý độc - quyền :

Xe gắn máy NAVICO

Xưởng ráp :

Tại đường Trương - minh - Giảng (Tân - sơn - nhứt)

Chi-ngánh tại Nam-vang :

179/7, đường Vithei Youkangthor



PHAN - CHU - TRINH

(1872 - 1926)

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU GIÓ

Gởi những bạn Nghệ-Trinh và Nam-Ngãi, hai vùng độc biệt của đất nước mà khí thiêng sông núi cũng như cuộc sống đã tạo thành hai lò đúc những gì hùng, sáng và đã từng có làm dịp giao duyên.

PHẠM-HOÀN-MI

Đa-kao, đường NGUYỄN-HUY-TỰ, số 23.

CHÚNG tôi đến đó vào buổi trưa mùa nắng gắt năm nay. Chợ khít bên chưa bớt ồn ào, chưa thôi tấp nập. Ánh sáng quá rõ ràng càng làm cánh cửa sắt thêm khắc khổ. Không mấy bước là đã đề chân vào nhà thờ người chí sĩ họ Phan, hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu HI-Mã.

Đường xe là xe, chợ tiếng là tiếng, người là người, nắng đốt nắng thiêu, rồi không đầy nửa phút sau, im lặng gần như hoàn toàn (im lặng trong nhà thờ), mà nghe diu diu; từ cuộc đời ở ạt đến chốn thờ quanh hiu, chẳng có chút gì chuyển tiếp, từ hiện tại quay cuồng qua dĩ vãng trang nghiêm, không một nhịp cầu nho nhỏ.

Giống như đời của nhà ái quốc **Chu-Trinh**.

Đang học nghề văn, bỏ sang nghiệp võ.
Đang làm quan ở Triều đình, bỏ quan mà đi đây đi đó.

Đang cùng các bạn đồng chí đi vào Nam chơi, gặp cuộc thi ở Bình-dịnh, nắm liền cơ hội đề mong mở mắt đồng bào, gặp chiến hạm Nga ở Cam-ranh, cải trang làm kẻ bán hàng rong để xuống tàu hỏi han xem xét.

Đang dạo miền Bắc, thẳng tìm Đề-Thám. Rồi đột ngột qua Tàu, sang Nhật.
Thơ « Đầu Pháp » khác nào tiếng bom.
Thơ « Thất điều » quả là tiếng sét.



Ngày thường, nhà thờ cụ Tây-Hồ có vẻ một phòng khách của một gia đình trung lưu, nửa quê nửa tỉnh. Giả sử như bên trái, không có tấm bảng sơn son thiếp vàng ghi tiêu sử cụ, và bên trong, có hơi sâu vào, không có mấy chữ Hán: « Phan tiên sinh từ » nằm trên bức màn sa tanh đỏ viền vàng do hội « Trung-Việt ái hữu » phụng cúng, mùa xuân năm

ất-mùi (1955), thì người khách vào đây hẳn không thể nào biết được mình đang đứng trong nhà thờ của một người trọn đời hiến thân cho dân tộc, một người mà cái chết đã là một quốc tang và đám tang là một biến cố đáng ghi trong lịch sử nước nhà thời thuộc Pháp, ảnh hưởng lớn xa, sâu đậm cả một thế hệ đầu xanh, máu nóng, còn biết bất bình.

Xin phép bà từ (1) xong, chúng tôi vén hai cánh màn lên, để một em học sinh nhiếp ảnh viên chụp bàn thờ và ảnh cụ.

Một miếng lụa điều phủ tấm ảnh cụ. Chúng tôi nhẹ nhẹ lấy. Ảnh cụ hiện ra, nước thuốc chưa có vẽ phai mờ. Vàng trán cao trướng bình, cặp mắt cứng nhìn sâu, bộ râu trên thoát vòng trật tự, miệng như đang ngậm chặt một khối gì, hai bàn tay gân guốc, dáng người uy nghi, trong bộ y phục Âu-châu vừa vặn, trên chiếc ghế dựa chạm trổ, con người gan lì của đất nước Ngũ-bành-son ấy phảng phất đứng thẳng dậy mà giơ tay, mở miệng, thì chúng tôi cũng chẳng lạ nào.

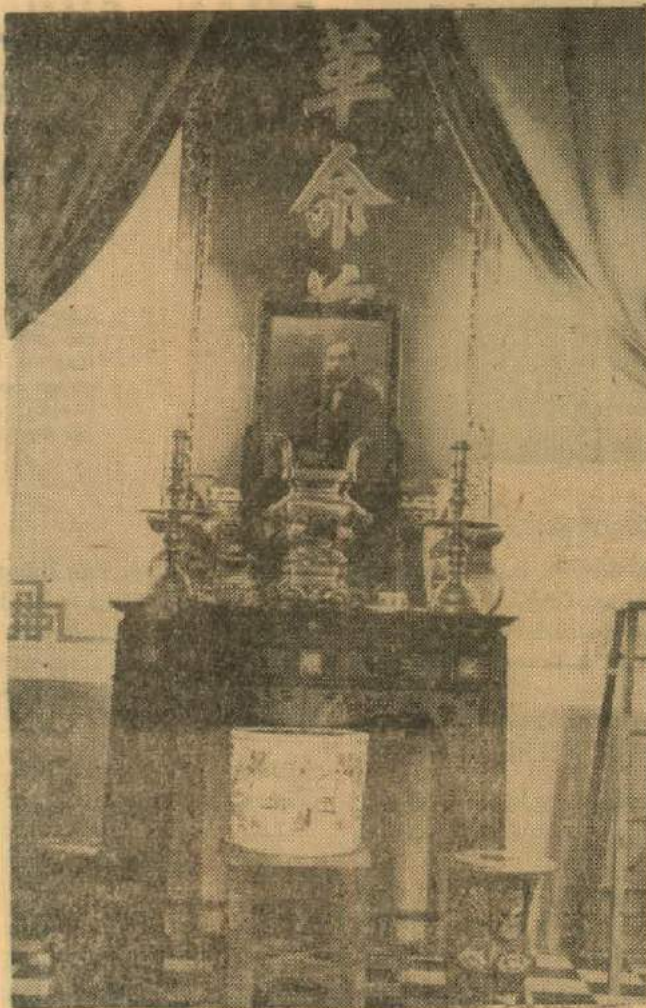
Bàn thờ cụ sạch sẽ, trước ảnh cụ, có quả tử, lư đồng, chum đèn, độc bình, khay trà, li nước...; sau ảnh cụ, bằng lớn với bốn chữ to « Cách mạng tiền bối » ở giữa, với sáu chữ nhỏ « Long phi qui đậu (2) trọng hạ » ở góc mặt, phía trên; son chưa mờ, vàng còn chói, thế mà sao tất cả như ô một cái gì lạnh lạnh, lờ lờ, buồn buồn, rờn rợn.

Hơn ba chục năm qua.

Âm khí chưa tan? Uất hờn còn đọng? Tình người hậu bối thiếu nhiệt thành? Anh linh nhà cách mạng để xương, chủ trương, chết sống vì « DÂN CHỦ, DÂN QUYỀN » chưa dứt đợi chờ?

Bạn tôi làm tôi trở về với thực tế.

Bạn vừa giữ miếng lụa điều đó đây lủng lổ không đều, vừa bóp chết mấy con dán nâu có, trắng có, lại vừa lằm bằm:



(1) Bà coi giữ nhà thờ cụ Phan là người Quảng-nam, ông thân bà vốn thông gia với cụ. Tuy con cháu khá giả và muốn bà về ở chung, song bà chẳng khứng, thích ở đây gìn giữ khói hương cho cụ.

(2) 1933

« Xin phép cụ giết lũ sống bảm này để chúng hết đục khoét gậm ăn trong bóng tối, ngay trước mặt cụ. May nhờ thế mà cụ vui lòng giúp con cháu sớm sống trong dân chủ thật sự, trong tình thương rộng mở... »

Đến phiên tôi kéo anh bạn trở về với thực tế :

« Nào ta hãy kê khung ảnh cụ lên cao cho khỏi bị cái lư nó án ». Rồi đèn sáng, hương xông.

Xong, tôi đề bạn ngắm nghĩa với nhiếp ảnh viên, quay lại phía bảng khắc tiểu sử của cụ, bắc ghế lên bàn, đứng, nhìn lên, cúi chép :



Tiểu sử ông PHAN-CHU-TRINH

« Tiên sanh họ PHAN, tên CHU-TRINH, « tên chữ TU-CAN, hiệu TÂY - HỒ, biệt « hiệu HI-MÃ, sanh năm 1872 tại làng « Tây-lộc, huyện Tiên-phước, phủ Tam-« kỳ, tỉnh Quảng-nam.

« Cha là Phan-Văn-Bình, làm quan, và « mẹ là họ Lê, con nhà vọng tộc, làng « Phú-lâm, có 3 người con. Tiên sanh là « con út.

« Tiên sanh vì mẹ mất sớm, 10 tuổi « mới đi học.

« Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ. « Vua Hàm-Nghi chạy, hội Cần-vương « dậy khắp cả nước. Cha làm Chuyên-vận-« sứ trong hội ấy ở đồn A-bá, thuộc hạt « Tam-kỳ.

« Gặp buổi trong nước rối loạn, Tiên-« sanh bỏ học, theo tập nghề võ.

« Năm 1887, cha bị hại vì có nghi kị, « rời hội Cần-vương cùng-tan.

« Tiên sanh lúc ấy đã 16 tuổi, nhà cửa « tan nát, nhờ vợ chồng người anh cả « lo liệu, về rước thầy cho Tiên sanh bắt « đầu học lại.

« Tiên sanh thông minh, khảng khái, « học ở nhà bốn năm mới ra học ngoài ; « tới đâu nổi tiếng đó ; gặp việc không « kỳ lớn nhỏ, cứ lấy lễ tranh biện, thức « giả đều cho là một người phi thường.

« Năm 1889, thụ nghiệp cùng cụ đốc « Trần-Mã-Sơn, được cụ thưởng thức « bỏ vào ngạch học sinh.

« Năm 1900, đỗ Cử-nhân.

« Năm 1901, đỗ Phó-bảng.

« Năm 1902, hậu bổ ở Huế.

« Nhân anh cả mất, Tiên sanh về nhà « dạy học.

« Năm 1903, lại được bổ Thừa biện « bộ Lễ.

« Tiên sanh đởm thức khác người. Từ « lúc đi học đến khi làm quan, tuy ở « trong xã hội hủ bại, mà vẫn chứa sẵn « một lòng ưu quốc, nên những thi văn « Tiên sanh lúc bấy giờ đã thõ lộ nhiều « câu cảm khái.

« Tiên sanh ở Huế mấy năm, đã nghiên « cứu được nhiều cái nguyên nhơn hủ « bại và lại giao du những bậc tân học « như Thân-Trọng-Huê, Đào-Nguyên-Phò, « nghe thấy được nhiều báo mới sách « mới.

« Từ ấy về sau, Tiên sanh quyết chí « bỏ quan, tìm bạn đồng chí, đem những « học thuyết, tư tưởng mới mà truyền « bá để trừ cái độc chuyên chế và cái tệ « Nho học nước mình. vừa gặp ông « PHAN-BỘI-CHÂU ở Nghệ-an vào Huế, « cùng nhau bàn bạc. Ý kiến tuy có chỗ « không hợp mà lòng ưu quốc vẫn đồng.

« Năm 1905, Tiên sanh từ quan, về rữ « bạn đồng chí đi chơi Nam-kỳ.

« Khi tới tỉnh Bình-dịnh, thấy trường « tỉnh đang hạch học trò bài thơ « Chi thành thông thánh » và bài phú « Danh sơn Lương-ngọc », bèn cùng nhau « mượn cái đề mục ấy để tỏ thời sự mà

« cảnh tỉnh đồng bào, mà bài thơ chính là tay Tiên sanh thảo.

« Đến Khánh-hòa, nghe chiến hạm Nga đậu tại Cam-ranh, giả cách buồn bán, đưa nhau xuống tàu quan sát.

« Vào đến Phan-thiết, Tiên sanh bị bệnh; cuộc Nam-du phải đình.

« Tiên sanh ở lại đó mấy tháng. Khi trở về đến nhà, nghe ông Phan-Bội-Châu qua Nhựt đã có tin về.

« Năm 1906, Tiên sanh dạo khắp các tỉnh đàng ngoài, thẳng tới Yên-thế, vào đồn Đề-Thám, bàn luận thời cuộc, ông ta mời ở lại, nhưng Tiên sanh biết cách cuộc của Đề-Thám không thể nào thi thố gì được, không chịu ở, bèn lập kế qua Tàu, tới Quảng-đông gặp ông Phan-Bội-Châu, cùng nhau qua Nhựt-bồn.

« Tiên sanh ở Nhựt vài tháng, lưu tâm nghiên cứu, hiểu rõ nội tình ngoại thế, bèn quyết kế về lo hành động trong nước.

« Đối với quốc dân thì Tiên sanh tuyệt không nói đến chuyện ngoài, chỉ đề xướng phải liên hiệp nhau mà mở rộng đường giáo dục và kinh tế. Lúc đó trong nước có những trường học hội buôn, phần nhiều là động lực của Tiên sanh. Còn đối với Chánh phủ Bảo hộ thì mình bạch nói những tệ người Pháp bạc đãi dân Annam, dùng tống quan Annam, nên quan lại nhân thế làm hại dân đen cực điểm, rồi yêu cầu Chánh phủ đổi hẳn chính sách cai trị, tức là cái thơ « Đầu Pháp Chính phủ ».

« Từ ấy, người Pháp biết Tiên sanh là một người chí sĩ, mà dám quan trường thì xem Tiên sanh ra một người thù.

« Năm 1907, Tiên sanh ra Hà-nội, diễn thuyết tại trường « **Đông kinh nghĩa**

« **thục** », có đăng một đôi bài trong báo « Đại-Việt » và « Đăng-cổ » cổ động quốc dân chuyên về sự học, không nên bạo động, không nên trông người ngoài.

« Năm 1908, việc xin thuế khởi đầu từ dân Quảng-nam, lan khắp Trung-kỳ. Quan lại nhờn dịp ấy đồ tội cho đám thân sĩ hay nói dân quyền mà Tiên sanh là người thủ xướng thường (3).

« Khâm sứ điện ra Hà-nội bắt giải về Huế, giam tại Hộ-thành, đặt Hội-dồng xử án. Tiên sanh một mặt nói thẳng, Quan Annam định tội chém, vì các báo Tây có ý bình, nên giam đặng đầy Côn-lôn. Trong án có câu « Ngộ xá bất nguyện ».

« Bận thiết với Tiên sanh là ông Trần-Quy-Cáp bị Phạm-Ngọc-Quất xử án chém, cũng vì khoản ấy.

« Tiên sanh đi Côn-lôn, ban đầu phải ở nhà giam, sau Tiên sanh lấy lẽ quốc sự phạm chống cãi, được ra ở ngoài làng An-hải, thuộc đảo Côn-lôn; ở đó mấy năm đánh chim câu cá, và làm nghề đời mỗi để nuôi mình.

« Năm 1910, hội *Bảo trợ Nhà quyền* (Ligue des Droits de l'Homme et du Citoyen) xin tha cho Tiên sanh. Thủ tướng (4) Pháp Poincaré nhận lời, đưa về Sài-gòn, đặt tòa Hội-dồng xử lại. Ông Klobukowski, tham biện Mỹ-tho, làm chủ tọa, đọc bài diễn văn, có câu:

« Tôi thay mặt cho dân nước Pháp trả tự do cho ông », lại hỏi muốn xin điều gì, Tiên sanh xin ba điều, một là trị tội Phạm-Ngọc-Quất, hai là tha bọn quốc sự phạm Côn-lôn, ba là xin đi Tây.

« Năm 1911, Tiên sanh cùng ông Cuizinau sang Pháp, có đem con là Châu-Dật đi học luôn.

(3) Trên bảng không có dấu chấm này, mà chữ thường khác là *thương* (không dấu huyền); chúng tôi thêm dấu huyền và dấu chấm.

« Tiên sanh ở Pháp thường đi lại các « chính đảng, phát minh ý kiến về chánh « sách thuộc địa và đem những sự hà hiếp « của chính phủ Đông-Pháp này tuyên bố « ra để cổ động dư luận. Vì thế mà kẻ « thù cũng lắm, mà người thân cũng nhiều.

« Ở Pháp mấy năm đầu, Chính phủ cấp « lương, ra ý hậu đãi ; sau đảng thực dân « thấy không thể lợi dụng được lại tìm « cách triệt lương, làm cho túng thiếu « phải xin về, nhưng Tiên sanh vẫn thần « nhiên, kiếm nghề vẽ hình làm sinh nhai.

« Năm 1914, cuộc Âu-chiến xảy ra, có « người vu cho Tiên sanh thông với « người Đức, bị giam tại ngục quốc sự « phạm. Mười một tháng sau, nhờ đảng « Xã-hội và đảng Xã-hội Cấp-tiến chống « cãi sự oan ức cho Tiên sanh, thủ « tướng (4) Poincaré lại tha một lần nữa.

« Chủ nghĩa Tiên sanh vẫn phản đối « chánh thể chuyên chế, lại ở Pháp là nơi « sản xuất dân quyền, Tiên sanh hô hấp « cái không khí tự do đã lâu năm, lại « càng chan chứa cái cảm tình vì dân « vì nước.

« Năm 1922, vua Khải-Định qua Pháp. « Tiên sanh gởi thơ và đăng các báo, kể « tội bất điều.

« Năm 1925, Tiên sanh trở về nước « nhà, định đi khắp cả ba kỳ xem xét hiện « trạng, rồi sẽ đem cái lịch duyệt và cái « chủ nghĩa của mình cùng anh em hết « sức hành động, để diu dắt quốc dân lên « con đường tiến hóa. Không ngờ về chưa « được bao lâu, thì đã thụ bệnh ; tuy vậy « mà tinh thần Tiên sanh vẫn còn hăng hái.

« Nghe tin vua Khải-Định mất, điện « ngay ra Khâm-sứ Huế đề bàn việc nước « và đem tâm huyết tỏ với đồng bào trong « hai bài diễn thuyết : « *Luận lý Đông Tây* » « và « *Dân trí quan trị* ».

« Bởi tấm lòng lo nước thương dân « càng sốt sắng bao nhiêu, thì bệnh thể « lại càng trầm trọng bấy nhiêu.

« Ngày 11 tháng hai năm binh-dân « (24-3-1926), 9 giờ rưỡi tối, Tiên sanh mất « tại Sài-gòn, sống được 55 tuổi. Đồng bào « cả ba kỳ cất lễ táng chung ngày 22 tháng « 2 (4-4-1926), an táng tại nghĩa địa Gò-công, « về làng Tân-son-nhứt, hạt Gia-định.

« Vợ là Nguyễn-Thị, và trai là Châu- « Dật, khi mất cũng đều không gặp mặt « Tiên sanh.

« Hiện còn hai gái, lớn là Thị-Liên, « vợ Lê-Ấm, professeur (5), nhỏ là Thị- « Lan, vợ Nguyễn-Đông-Hội, agent techni- « que (6).

« Than ôi ! non song nặng gông, son « sắt một lòng, trong 20 năm, hết xứ này « qua xứ khác, khỏi nạn nọ đến nạn « kia, biết bao nhiêu nguy hiểm đáng cay, « mà nghị lực hùng tâm vẫn trước sau « như một ; đến lúc tóc bạc răng long, còn « muốn thiết hành cái chủ nghĩa dân chủ « để cứu vớt đồng bào.

« Thế thì Tiên sanh không những là « một người chí sĩ lo nước quên nhà, mà « chính là một nhà thủ xướng cách mạng « về đường chính trị nước Việt-nam ta « vậy.

« Tiên sanh mất, ai cũng điệu tang, đề « chế, đưa đám rất đông, còn nơi xa cũng « đều cùng nhau làm lễ truy điệu, việc ấy « thật xưa nay nước ta chưa từng thấy vậy ».

Sài-gòn, ngày 2 tháng 8 năm 1926

HUYNH-THỨC-KHÁNG soạn.

Quốc dân đồng phụng lập,

• Giám tạo :
Hồ-Tá-Bang
Trần Đình Phiên
Huỳnh-Đình Diển

(4) Chắc có sự lộn lầm, vì *Raymond Poincaré* (1860 — 1934) làm Thủ tướng-nước Pháp năm 1912, từ năm 1922 đến năm 1924 và từ năm 1926 đến năm 1929, còn làm Tổng-thống (xưa dịch là Giám-quốc) từ năm 1913 đến năm 1929.

(5) Giáo sư ; ta hay gọi là Đốc học

(6) Kinh lý, còn gọi là Đốc công Trường-tiền



« NHỚ ÔNG XƯA... »

« Tú dục Nam-chu,

« Linh chung Đà-hải.

« Nghiệp thừa gia cung kiếm cũng pha
« đường,

« Nền tác thánh thi thơ từng thuộc lối.

« Gan to tày biển, sức xông pha nào kể
« sức muôn người,

« Mắt sáng hơn đèn, tài lanh lợi từ khi
« năm bảy tuổi.

« Vận nước gặp cơn dầu bễ, đeo vai thân
« sĩ, còn lòng dầu áo mũ xuêh xoang,

« Thôi nhà chăm việc bút nghiên, giầu
« mặt anh hào, khi tạm cũng khoa trường
« theo đuổi.

« Song le .. »

Hai tiếng « Song le » trên đây trong bài văn tế thống thiết của cụ Phan này khóc cụ Phan kia, hai tiếng « Song le » trên đây có một giá trị lịch sử.

« Song le... »

Lòng yêu nước tràn trề, nhục mất nước nặng nề, tinh thần bất khuất cuộn cuộn, đức hy sinh chẳng bến không bờ, tay không, chân chẳng, mà khăng khăng ôm chí và trời, ấp mộng lập với đời non.

« Song le... »

Thời là thời của thực dân chủ nghĩa, thế là thế kẻ mạnh gây bẽ kết phái, cơ còn lâu mới « mỉm cười » với dân nhỏ, yếu, đã để lỡ thời cơ, ngay từ lúc cùng Tây phương tiếp xúc.

Thì thế hệ quyết vùng lên giành lại cho kỳ được mảnh giang san lọt vào tay cường địch đành là một thế hệ bị hy sinh.

Mà những bậc như cụ Chu-Trinh đã thấy trước cái phần mà số mạng giành cho mình sẵn.

Không đoạn đầu đài thì cũng khổ sai trọn kiếp.

Chẳng chui nhủi tại quê nhà thì cũng xác xơ nơi đất khách.

Thấy trước thế, mà họ chẳng lùi, chẳng tránh.

Họ vui lòng lãnh lấy khổ đau.

Đoạn đường lầy lún, kể cách này, người cách khác, họ dẫn tới, họ phóng lên. Bùn sinh cứ rút họ xuống đi, họ chẳng chịu ý ra đó. Chân cố giờ, tay mãi quơ, miệng hô hào, mắt thực giục. Và họ ngã gục tiếp theo nhau, làm cầu cho thế hệ kế theo bước lên mà thẳng tới.

Cho nên cụ Hi-Mã chúng ta phải lưu li, phải chìm nổi, một khi đã chọn đường, rồi dẫn bước.

« Thân, dầu, tuất, bấy nhiều năm tán
khô, khi đào cây, khi lượm đá, giữa biển
trần, gió bụi cũng thung dung » (6).

Song thân có ngàn mài trăm gầy, mà chí khí vẫn bền son sắt: « ngoài cửa ngục lăm than mà khăng khải ». (6)

Con người khăng khải từ lúc trẻ đến khi già ấy sống thẳng và cứng như tùng, như bách.

Hăm dọa, trừng trị, cảm dỗ, ý ôi, giầu sang, uy vũ, cường quyền, bạo lực, thấy thấy đều bất lực với con người mà, « dạ sắt vàng thêm thử lại thêm bền » mà « tấm thân già còn nặng gánh giang san » mà « đôi tay trắng quyết phất cờ xã hội » (6). Đời người chí sĩ của dãy Trường-sơn này đẹp như con đường thẳng, trắng như tuyết vạn niên.

Triết lý của một thời xưa nào đó nằm gọn trong mấy chữ « Biết. Muốn. Im. »

Với con người Việt này, sanh ngay giữa con đường sống còn của nòi giống (7),

(6) Trong bài văn tế cụ Phan-Sào-Nam khóc cụ Phan-Tây-Hồ.

(7) Theo con đường sắt nối liền Nam-Trung-Bắc, thì ga Tam-kỳ ở đúng vào nửa đường.

chào đời khi nước mất gần phân nửa, khi cổ đò Thăng-long vang rền tiếng súng người Tây, thì lại là:

« **Biết—Muốn—Làm** ».

Mà đã biết, đã muốn, mà chẳng thể làm, thì « *xò xò* » ra đây: thời thế nước sôi, lửa phục mà thầy cứ ý ra đây mà nhai đi nhai lại những lời cù rích, những ý lỗi thời, thì ai trách chi người học trò xứ Quảng thơ ơ với lời rỗng tuếch từ trên đưa xuống, thì ai chê chi kẻ chiếm một chỗ ngồi cho có mặt trong cái lớp học nhờ sọ của một ông đồ nhỏ còn chưa tỉnh giấc mộng « *vong ai đi trước* ».

Học chữ nghĩa lấy lệ mấy năm, rồi kinh thành sắp bốc lửa, cậu thư sinh mặt trắng vừa qua cái xuân xanh hai sáu của chúng ta quyết bỏ bút lông để cầm côn sắt. Hạp với ý cha, cụ tập tành cung kiếm. Nhưng biển cổ đồn dập đến, kinh thành bị người ngoại bang dày đập (Ất-dậu, 1885), vua chạy ra hoàng cung, chạy lên rừng núi. Quân Cần-vương nổi dậy nơi nơi. Cha cụ cũng dự vào đại nghĩa.

Có chinh nghĩa là một việc, mà thắng lại là một việc. Kẻ chinh phục quá mạnh, quá khôn, thì sức cô thế yếu, hành động không thống nhất, tránh sao cho khỏi tan nhà mất nước. Uất hận việc chung: nghĩa quân dần dần bị dẹp, còn chưa xót việc mình: cha bị hại vì bị nghi bị ky.

Biết người, biết mình, nhìn rõ vận nước, cụ dẫn bầu máu nóng của tuổi 16, tự ý rời bỏ hàng ngũ kháng chiến, mặc kệ hiệu lăm, chê trách, đe dọa, khinh khi. Về quê cũ, ăn nhà xưa, cầm cán cuộc mà chân lấm tay bùn, nuôi vịt, nuôi gà mà sống qua ngày tháng đặng mình với mình để

« *Trước một ngã ba, muốn tìm một ngã đi cho phải đạo...* (8)

(8) Đỗ-Đức-Dục.— Báo « Thanh-Nghị », 1944.

(*Còn tiếp*)

Lâm-Li-thự, một tuần trước ngày giỗ
thứ 32 cụ Phan-Hi-Mã
PHẠM-HOÀN-MĨ

« **Tu thân, tại chính kỳ tâm** »

Giải thích câu: « tu thân tại chính kỳ tâm » (Muốn sửa mình trước phải giữ lòng cho ngay thẳng). Đại-Học viết:

— Lòng đã giận dữ tất không ngay thẳng; lòng đã sợ hãi tất không ngay thẳng; lòng đã ham vui tất không ngay thẳng; lòng đã ưu phiền tất không ngay thẳng. Lòng mà bị thị dục kéo đi như thế tất nhiên mất thẳng bằng, và khiến cho mình nhìn mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị.

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boite postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

Công-ty kỹ-thuật và thương-mại Việt-Nam

(COMPAGNIE TECHNIQUE ET COMMERCIALE DU VIÊT-NAM)

121, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON



IMPORT - EXPORT XUẤT - NHẬP - CẢNG



Quincaillerie — Métallurgie — Technique

Miroiterie — Produits chimiques

CÁC LOẠI ĐỒ KIM - KHÍ VÀ DỤNG - CỤ KỸ - NGHỆ HÓA - PHẨM

SỨ MỆNH VĂN CHƯƠNG CỦA FRANÇOISE SAGAN

CÓ-LIÊU

NGUỜI ta đã nói nhiều về Sagan, cây bút trẻ trung hợp thời nhất của nước Pháp ngày nay. Ba quyền truyện của cô ra chào đời là ba trái tạc đạn ném vào sân khấu văn chương Pháp, « Kính chào phiền muộn » (1) đã làm phụ nữ nèn nếp phát ngượng, « Một nụ cười » (2) làm các bà giạt mình lo ngại cho hạnh phúc gia đình, « Trong một tháng, trong một năm » giờ cánh tay lạnh lùng đảo lộn những giá trị luân thường. Nhưng mặc dầu với cạnh khía vô luân ấy những tác phẩm của Sagan đã thành công, nhất là về mặt thương mại. Sagan đã cảm thông với một số độc giả vì giải bày những tâm tình thầm thiết với một kỹ thuật văn nghệ khá cao. Niềm thông cảm không những chỉ có ở đất Pháp mà còn vượt biên giới không gian, lan sang Mỹ-châu và Á-châu. Đến Saigon thì dư luận bùng lên thành « Vụ án Sagan » tại Pháp văn Đồng Minh hội tối 12 tháng 11, 1957.

Chúng tôi đề nghị cùng bạn đọc tìm hiểu Sagan qua tác phẩm và thân thể của cô và nhận định lập trường văn nghệ của cô.

Nhà văn và tác phẩm

Con thứ một gia đình tiểu kỹ nghệ Pháp, Cô Françoise Quoirez, tự Sagan, là một cô bé vụng về, ít nói, cứng cồ, ngang ngược và táo tợn, có tính nết một đứa con trai — mẹ cô gọi là đứa con trai hụt. — Cô bé ấy đã đem lại nhiều phiền muộn cho bà mẹ từ thuở thơ ấu, nào chết đuối hụt, nào chém nhau đứt mắt, long xương bánh chề, bị chẹt xe vỡ sọ. Chơn tay cô không còn cái nào nguyên vẹn, ít nhất một lần sai khớp hay gãy xương. Nạn xe hơi Sagan mới mắc cách đây ít lâu là tai nạn thứ tư kể từ ngày cô sử dụng xe tự động đầu tiên, chiếc Jaguar. Đó là ở nhà.

Còn ở trường học thì Sagan là một học sinh thông minh, nhưng học ở đâu cũng bị đuổi vì ngang ngược, khó bảo. Cô bé không chịu được kỷ luật nên ban đêm thường nhảy qua tường trốn ra ngoài đi đến các chỗ họp đêm. Y phục của cô từ thời là « chandail » và quần ống túm. Có lẽ Sagan sinh làm con trai

1) Bonjour tristesse

2) Un certain sourire

3) Dans un mois, dans un an

thì phải hơn, quần ống túm, xe tự động, rượu Whisky, thuốc lá, đầu có phải dành cho phụ nữ!

Tâm hồn cô bé quái gở ấy đã sớm nghe tiếng gọi của nàng thơ Năm 14 tuổi cô đã tìm cách viết được cuốn tiểu thuyết hài hước « chuyện bà hầu tước FABI-AULE phải lòng con trần », cô viết trong lớp học, giữa những giờ giảng định lý Thalès và luật Faraday.

Năm 1954, với 19 tuổi xuân, Sagan xuất bản cuốn sách *Kính chào phiên muộn*, một tiếng sét trên đàn văn Pháp. Một tấn kịch gia đình trong đó bốn nhân vật điển hình đã được cấu tạo nên một cách mãnh liệt và sâu sắc bởi một cây bút sắc bén ít có:

« Một ông bố 40 tuổi góa vợ sống cuộc đời dật lạc phóng túng của người kiếm ra tiền. Một cô gái tinh ranh được bố nuông chiều và muốn xô đẩy vào lần rãng cuộc đời quay cuồng của mình. Một cô gái ăn chơi sống vị những cuộc tình ái dễ dãi, nhân tình của ông bố. Bộ ba ấy dương ăn ý với nhau, lặn hụp trong khoái lạc thì một người đàn bà đứng tuổi xen vai vào, đánh bật cô gái ăn chơi đề cướp tình yêu. Người đàn bà ấy là một mẫu người nền nếp, khôn ngoan, ý nhị, mực thước, vì thế đã làm nổi bật tính đốn hèn, ham dật lạc của hai cha con. Cô con gái tinh quái và nhiều tự ái lập kế chia rẽ được hai người. Bà mẹ ghê hệt thất vọng tự sát ».

Đó là đề tài cuốn chuyện « Kính chào phiên muộn ».

Cuốn thứ hai — *Một Nữ Cười* — trình bày nỗi lòng của một nữ sinh viên luật học gửi tình yêu vào một chỗ khuất khe, một

người đứng tuổi đã có vợ mà lại yêu vợ. Vần những khung cảnh của xã hội phóng túng, xa hoa. Người ta đọc được những trang có một thi vị cay đắng — tiếng nức nở của một thiếu nữ lẳng mạn.

Đến năm 1957, Sagan cho ra *Trong một Tháng, Trong một Năm*, đầu đề rút trong thi phẩm của Racine. Sagan thấy ngòi bút mình đã điêu luyện thêm, nên cô đề cập đến một bộ mặt mới của ái tình chưa ai nói đến, kể từ ái tình ngây thơ của J. J. Rousseau đến ái tình say mê của M. Proust qua ái tình dầm đuối của Prévost. Một sắc thái ái tình mong manh phớt nhẹ. Sagan tả những cái khó tả, điển hình những nhân vật không tâm tính, phù phiếm, nhồn nhơ, vợ vờn, không biết yêu vì yêu không nồng và dứt không luyện tiếc.

Lại vẫn những mối tình lắt léo, những thất vọng niền man. Những con người đa tình ấy đã trở nên vờn vờn, mất tâm tính, vì gửi tình vào những người không hợp với người tình trong lý tưởng. Josée ngán người yêu vì người yêu xa lý tưởng, tìm đến một người ý nhị hơn thì người này đã có gia đình. Edouard tận tụy với ái tình thì gặp người đàn bà chỉ thiết tha với danh vọng và làm tất cả để đạt tới ý muốn được là một minh tinh. Những mẫu tình ấy chẳng đưa đến đâu cả vì đời sống đã ràng buộc người nào phải theo đường của người này, họ phải sống lẻ loi và chán chường để đợi tháng ngày qua...

Các nhân vật hoạt động trong một khung cảnh xã hội dật lạc, những cuộc sống xung túc dễ dãi đề con người nhồn nhơ với khiêu vũ, rượu whisky, thuốc lá mà tự tạo lấy những nhu cầu tình cảm phức tạp và mâu thuẫn khó thoả mãn ngoài thực tế.



Dư luận

Trong bài này chúng tôi không phân tách các tác phẩm của Sagan vì không có ý làm nhiệm vụ phê bình, chúng tôi chỉ đứng trên bình diện thống quát để nhận định mỗi cảm nghĩ của một xã hội qua những điều họ muốn bày tỏ hay vô tình để lộ ra, và đặt vấn đề giá trị của những điều cảm nghĩ ấy. Vậy xin nhường lời cho những nhà phê bình văn học.

Khi đã biết Sagan thành công trên thị trường văn nghệ, danh nổi như cồn, khi đã nghe thiên hạ bình luận sự nghiệp — và ngửa miệng bới móc cả đời tư — của Sagan, người ta phải có một cảm tưởng hay hay: xúm nhau vào mà bẻ hành bẻ tời cô bé. Nhưng già đạo đức, non thể tình, phần nhiều thâm phán của cô chỉ vin vào những công thức đạo đức để suy luận chứ không chận tìm hiểu sự hứng khởi của thế hệ thanh niên chào đón tác phẩm của cô như một sứ mệnh của thần linh gửi cho tâm tình con người thời đại.

Họ có lẽ phải hay không, đó là vấn đề khác, nhưng có điều họ đã chẳng

nghe mấy ông già đạo đức mà hướng về con tâm nỉ non giải những sợi tơ lòng thắm thiết. Một hình thức xung đột cũ mới diễn ra rất hợp thời, trong lúc yếu tố cơ khí đem lại cho con người một đời sống phóng khoáng và phức tạp hơn xưa nhiều và muốn như phá vỡ những khuôn khổ hoạt động của đời sống tình cảm do những giá trị tinh thần cổ điển đúc ra. Chúng tôi sẽ trở lại đề tài này trong đoạn sau.

Có người hoài nghi sự thành công của Sagan thiếu điều kiện chánh đáng và cho lý do sự thành công ấy ở ngoài giá trị văn nghệ tác phẩm. Họ quy vào tài quảng cáo khéo léo của nhà xuất bản Julliard, sự tảo tợn của ngòi bút Sagan đánh mạnh vào thị hiếu của thanh niên, tuổi quá trẻ trung của Sagan đối với những điều cô viết về tình ái.

Nhưng hầu hết đều đồng ý là cảm thấy trong tác phẩm của Sagan một hương vị u buồn chán ngán.

« Tác phẩm của cô đã để lại cho người đọc một thứ buồn tê tái, một sự luyến tiếc những cuộc tình duyên chôn chặt đáy lòng, những niềm tâm sự miên man, những phút vui chơi, những ngày tháng trôi đi biển biệt ». (Bromberger và Giannoli — Constellation tháng 5, 1956)

Người ta cũng chưa được thỏa mãn với những đứa con đầu lòng của Sagan và còn :

« Đợi cái gì khác ở ngòi bút một tiểu thuyết gia mới 22 tuổi đã tỏ ra sớm có tài nghệ tả những trạng thái mong manh của tâm hồn, dựng lên những hoàn cảnh mãnh liệt, phân tách tâm trạng con người của dục vọng ». (Henry MULLER, Jour de France tháng 9, 1957 số 148).

Nhưng Sagan đã trả lời :

« ... nhưng tôi biết đời ít ỏi quá đâu dám bép xép nói những vấn đề quan trọng, và lại việc ấy không khớp với sắc thái văn nghệ của tôi ».

Nếu viết đối với tâm hồn nghệ sĩ của cô là cần đề « xuất phát » cái gì canh cánh bên lòng thì không phải cô vì người đọc mà viết, cô viết đề :

« Tôi tự hiểu lấy tôi và biết rõ những người tôi đề ý đến, biết rõ tâm tình họ ».

Thế thôi. Sự thích thú của người viết đối với cô là :

« Viết là một công việc mà trong đó người ta tìm thấy cái gì, tìm thấy điều mình viết đúng với một chân lý đã cảm thấy trước ». (A. Parinaud, Arts số 660 5/11 tháng 3, 1958)

Tình thần lãng mạn đã sống lại dưới hình thức một bệnh thời đại mới : ngán đời.

« Tuổi trẻ cần mơ mộng, quyết liệt, hy vọng. Trường học và gia đình đã rèn luyện cho họ một tâm hồn như vậy, nhưng đến tuổi 20, tuổi va chạm với thực tế, bước vào ngưỡng cửa cuộc đời họ đã thấy tâm hồn và thể xác con người không được như ý muốn của họ. Họ chỉ khám phá ra một xã hội không có lý tưởng gì hơn là làm tiền và chạy theo danh vọng. Quay lại sau lưng thì chỉ có cảnh điêu tàn chiến tranh » (Jean Farran Paris Match tháng 4, 1957 số 420).

Tác phẩm Sagan phản ánh một giai cấp chỉ biết :

« quay về với quá khứ hơn là nhìn tới tương lai, chăm chú tìm lại cái không khí xã hội sung sướng hồi tiền chiến như thể chưa có một thời gian 17 năm qua » (ibid)

Những thanh niên ấy hầu như không nhất định được cái gì mình muốn. Ở tác giả thì sự bất nhất ấy phát lộ ngay ở hàng chữ tiêu đề cuốn sách « Trong một Tháng, Trong Một Năm » :

— Không nên suy tưởng như thế này, người ta sẽ hóa điên mất.

Ở nhân vật trong truyện thì sự bất nhất phát lộ trong tâm tính hồ hững, vẩn vơ (cũng cuốn sách trên). Người ta nói rằng Sagan dựng lên những hình nộm. Nhưng Sagan cũng không vô lý khi nói rằng :

— Sự thật dễ nhận thấy ở những hình nộm hơn ở ai hết. (A. Bourin J. E. O. 6, tháng 11 1957)

Phải chăng Sagan dựng tâm dùng hình nộm để diễn hình sự bất nhất của con người không tâm tính trong thế hệ cô.

Văn phạm Sagan làm chau mày những nhà đạo đức, lườm nguyệt những ai mất ăn mất ngủ vì quan niệm lành mạnh xây dựng (theo một cách nhận định nào đó). Dĩ nhiên, vì đã được quan niệm trong tinh thần hoài nghi, chán ngán, lại còn nhuộm thêm một tia nắng lằng lạt quái chiêu hôm vàng vọt.

Báo Témoignage Chrétien số 690 ngày 27, tháng 7, 1957 có viết :

« và còn một số độc giả nữa, những nhà sư phạm, họ lên tiếng mặt sất, chỉ chích hạng thanh niên trơn hèn và vô luân. Đó là một cơ hội để họ tỏ lòng công phẫn và lo cho thanh danh nước Pháp vì người ngoài có thể phán đoán thanh niên Pháp qua những tác phẩm ấy. »

Quan niệm luân lý của tác giả là : « — Đối với tôi, luân lý là sự từ khước, là ý muốn bỏ qua điều gì, như sự hèn nhát, sự bần tiện chẳng hạn. Nó gần như là một vấn đề thẩm mỹ » (A. Bourin, J. E. O. 6 tháng 11, 1957)

Vậy là cô chưa đồng ý với mọi người về nguyên tắc luân lý nên không ngần ngại lột trần những điều mà người đời vì muốn thẩm mỹ đã cố ý bỏ qua. Cô lại cũng không bận tâm đến hậu quả của việc làm khi cho rằng : « — văn chương có thể reo rắc điều không hay, nhưng đó là những điều không hay rất cần thiết » (ibid)

Tại sao vậy ? Có phải tại rằng đời sống tình cảm người ta không thể bó buộc trong những khuôn mực khắc khổ cho nên đã thẳm lên vượt ra ngoài và dùng một lớp men đạo đức mỏng để bao phủ hành vi ? Có phải câu nói đã

hề cho ta thấy cô bất mãn về quan niệm đạo đức của người đời ?

Trong vụ « án Sagan » tại Pháp văn Đồng Minh Hội Saigon ngày 12-11-57 ông Tissier đã tố cáo một cách khôn ngoan tinh cách vô luân của văn nghệ Sagan. Tuy nhiên, người ta cảm thấy ông có nhã ý chụp lấy quan niệm văn nghệ lành mạnh xây dựng ở đây để « thông cảm với Việt-Nam, nhất là với học sinh của ông, vì ông là một nhà sư phạm. Luật sư Moreteau được đa số hoan nghênh khi vạch rõ cách đọc sách bằng kính hiển vi của ông. Tissier để gán cho câu văn của Sagan những ý nghĩa mà tác giả không định diễn tả. Ông đại diện cho dư luận của số ít những thính giả ngoài 40 tuổi nghĩa là đạo mạo sống với sự « luyện tiếc thời đã qua với những kỷ niệm đã mốc meo mà không nhận thấy đời sống vang lừng ca hát tiến tới » (P. Faucon J.E.O. 13-11-57).

Thế hệ trẻ trung và một phần người đứng tuổi tiến bộ trong buổi họp ấy đã đê bẹp phe tồn cò với một tỷ số hùng hồn. Họ tuyên bố Sagan trắng án. Sự kiện ấy lại chứng tỏ tinh cách ép gượng của ý kiến sau này của ông Tissier : « Ý tưởng của Sagan không phải là một món hàng xuất cảng ». Vậy là thanh niên Pháp đã tìm thấy sự thông cảm của thanh niên Việt và tấn kịch muôn thuở « cũ mới » xung đột nhau không phải là độc quyền của một nước nào. Nhưng họ bênh vực Sagan không phải là hoàn toàn tán đồng ý tưởng Sagan về cả cạnh khía vô luân của văn phạm, họ cảm

thông với nhựa sống tràn trề, với sinh khí sáng tác của cô, muốn như phá vỡ khuôn khổ cũ để tìm đến những chân trời mới.

Tuy nhiên nhóm thanh niên này chỉ đại diện cho một thiểu số, một tối thiểu số thanh niên Việt-Nam mà thôi. Sự kiện ấy chưa đủ để nhận xét tâm hồn thanh niên Việt-Nam.

Mối cảm nghĩ của thanh niên Việt-Nam chưa hẳn đã phản ảnh vào văn nghệ duy lý ngày nay. Ngày nay người ta chỉ có thể có một khái niệm : Một dân tộc ý thức được hướng tiến của mình không thể tự đặt mình ở ngoài sự chuyển hướng lớn lao của nếp sống thời đại.

Qua văn nghệ thời đại, tất cả những góc cạnh khó hiểu của tâm trạng con người thời đại làm thể hiện nét chính của tâm trạng thời đại : sự mất tin tưởng ở những giá trị đạo đức cổ truyền, sự hoài nghi những giá trị tình cảm xưa nay, hay đúng hơn, nếp sống tình cảm của một xã hội có những điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần mới không chịu gò bó trong khuôn khổ những công thức cố định. Chúng tôi sẽ trở lại điểm này trong đoạn sau.

Sự mâu thuẫn của Thế kỷ.

Tổng kết lại những nhận xét trên, người lạc quan đến đâu cũng phải nhận thấy sự khó khăn để tìm cho đời sống tình cảm những điều kiện phát triển thuận tiện hơn.

Một bên là sự tiến triển mau chóng của những điều kiện sinh hoạt vật chất mở màn cho một nếp sống phóng khoáng, mãnh liệt, sung túc hơn trước, một bên thì sự ngưng đọng của những công thức khuôn định giá trị tình cảm và

thiêng liêng. Đó là sự mâu thuẫn của thế kỷ, nói khác đi là sự chậm tiến của triết lý duy lý hay duy vật đối chiếu với khoa học.

Trước Sagan, trạng thái tinh thần ấy đã biểu lộ trong khuynh hướng triết học hiện sinh (existentialisme), một triết thuyết nêu bình tĩnh mà xét về phương diện học thuật cũng biểu lộ phần nào sự cố gắng để tìm hiểu con người phức tạp, tìm hiểu những thăm vọng xa xa bí ẩn trong thâm cung tiềm thức và tri thức.

Ông Jean Farran đã cảm thấy cần đặt vấn đề mâu thuẫn của thế kỷ khi ông viết :

« Một dân tộc phải lo ngại khi thế hệ thanh niên buồn nản hay lãnh đạm (có lẽ ông phải nói coi thường đạo đức). Khi nào thanh niên thấy chỗ đứng của mình trong một sự cộng đồng thực sự, bấy giờ sẽ không còn tồn tại thứ thất vọng không có gì đáng thì vị hóa ». (Paris Match tháng 4, 1957).

Ông cho rằng công kích và dồn ép cũng không giải quyết được gì, cũng như biện thuyết suông, ông cũng nghĩ đến đời sống tự do của tâm linh nên quan niệm vấn đề một cách tích cực và xây dựng.

Chúng ta hãy thử nhận định xem những tấn kịch gia đình và xã hội của Sagan phản chiếu cái không khí mâu thuẫn bao trùm thế kỷ đến bậc nào ?

Tấn kịch « Kính chào phiền muộn » thực ra là sự xung đột của lý trí và tình cảm, của mực thước và phóng túng. Có sự mâu thuẫn vì mực thước của lý trí đặt ra không đóng khung được những đòi hỏi mới mẻ của tình cảm.

Người con gái 17 tuổi ấy đã nhúng mũi vào men nồng cuộc đời phóng túng, dễ dãi và buông lỏng của ông bố, nên coi mực thước, kỷ cương của bà bạn đứng tuổi là một sự nguyên rủa mình mà sinh lòng oán ghét. Xã hội sung túc về vật chất đã tạo ra những dễ dãi ấy nhưng đã không tạo ra những kỷ luật thích nghi điều hòa nếp sống tình cảm, con người được buông lỏng đến nỗi lạc hướng.

Người đàn bà đứng tuổi ấy tượng trưng cho kỷ cương mà không cảm hóa được ai. Đạo đức của bà là thứ đạo đức từ chương, quan niệm với tinh thần « công thức ».

Túi khôn của người Á Đông đã vượt hẳn Tây Phương về phương diện tế nhị của cách xử kỷ tiếp vật. Cảm tưởng này rõ rệt khi người ta đọc Ngũ kinh, Tứ Thư. Sự cố gắng của người ta để vượt những khó khăn hiện thời khi xử kỷ tiếp vật là sự sáng tác những loại sách học làm người như của Carnegie chẳng hạn. Loại sách ấy chứa đựng một triết lý nhân sinh quan mới và báo hiệu sự cố gắng tìm tòi những yếu tố căn bản về luân lý xã hội khả dĩ trả lời được những bó buộc của một cuộc sống phức tạp hơn xưa.

Mâu thuẫn do đời sống gây nên cũng không buông tha con người tượng trưng cho kỷ cương mực thước. Người đàn bà đứng tuổi ấy đã ly dị chồng, nghĩa là không thỏa mãn với nền nếp cổ truyền, đã từ khước nửa vời kỷ cương xã hội. Trong tấn kịch gia đình ấy con người mực thước nền nếp đã thất bại. Kỷ cương của

thời đại đã không kìm hãm được những đợt sóng tình cảm phóng túng đang cuộn cuộn phá vỡ bờ mà tràn đi.

Đọc hai cuốn sách sau của Sagan, người ta càng thấy sự bất lực của cương thường trước sự cám dỗ của khoái lạc vật chất. Tính chất phóng khoáng tự do của nếp sống hiện đại ném thanh niên vào một cuộc sống phức tạp, những công thức luân lý cổ truyền hết thiêng thiêng vì không đem ra ứng phó được với những trạng thái tâm hồn đã biến đổi. Đạo đức hóa ra đạo đức từ chương, vẫn kiện chết, trong khi sự cám dỗ mỗi ngày một tăng thêm màu sắc quyến rũ.

Cắt nghĩa sự phóng túng bằng phong hóa suy đồi thì giản tiện lắm, nhưng người ta đã lật ngược vấn đề, lấy nhân làm quả lấy quả làm nhân. Suôi ngược đều nghe xuôi tai cả vì chưa tìm ra căn cứ triết lý.

Điều ai cũng biết là con người sống giữa những điều kiện vật chất và tinh thần mới mẻ ngày nay cũng có những nhu cầu tình cảm mới mẻ không thể đóng khung vào trong những công thức ngàn xưa. Mà trước những cám dỗ vật chất, con người chỉ được vô trang quá sơ sài. Vậy thì, nếu muốn làm sự nghiệp hữu ích, không phải chỉ vin vào một mô lý thuyết từ chương mà bắt bẻ là song việc, mà phải đặt vấn đề giáo dục tình cảm, đặt vấn đề gây lấy những cơ cấu tinh thần mới để ứng phó với đời sống mới.

Những thanh niên thiếu nữ như Dominique, Josée, đều có những cảm giác tình vi, đều thấu hiểu những sắc thái mong manh của tình cảm. Đối với họ, một khoé mắt, một mỉm cười, một câu nói của người đã

phối rõ tâm hồn người rồi. Vậy mà họ không thấy được vang bóng vang âm ở một tâm hồn bạn nào. Xã hội chỉ đưa đến cho đời họ những tâm hồn ti tiện hay quá bung bít, thô sơ, có cái vỏ phong nhã mỏng như ni lông che bấp chân của họ, họ làm sao thông cảm được với những tâm hồn ấy. Họ chỉ có thể thất vọng và buồn nản. Nguồn gốc những tấn kịch xã hội của những người này là sự bất mãn với cương thường xã hội, bất mãn vì phải sống với những cái tầm thường của đời ô trọc. Đời ô trọc chứng tỏ rằng xã hội hoài nghi những giá trị đạo đức cổ truyền, nhất là khi những giá trị ấy chỉ căn cứ vào một nền tảng triết lý duy lý hay duy vật.

Cách lập luận này bề ngoài hầu như bắt tác giả nó làm thầy kiện không công cho nữ sĩ Sagan, nhưng thật ra người viết chỉ đề nghị tìm hiểu trên vị trí phổ quát vì nhân sinh quan nổi lòng của thế hệ thanh niên Pháp đã có sự cảm thông trong tác phẩm của Sagan. Sự tìm hiểu ấy buộc người viết nói ra hết sự thật, không úp mở.

Ông Louis Sapin trong một bài điều tra về Sagan báo Arts (số 660 từ 5 đến 11 tháng 3 năm 1958) cũng mặc nhiên nói đến sự mâu thuẫn của thời đại khi ông viết những giờng này :

« Qua tác phẩm của Sagan, tôi hiểu rằng giá tài văn hóa chúng ta để lại cho con em thật đáng bi quan. Giá trị tinh thần của một thế kỷ văn minh tiêu tư sản thật không còn gì, đến kỳ vọng và lý tưởng của con người cũng tiêu tan hết ».

Nhưng với sự lạc quan của một triết gia lão thành thấu được cái lý cao minh của sự thịnh suy, ông đặt hy vọng vào sự sáng suốt ghê-gớm của thế hệ J 3 — thế hệ của 7 người không quá 30 tuổi tiên phong trên đường sáng tác của văn hóa Pháp — họ sẽ tìm được lối thoát, chính vì họ biết rõ sự đau khổ, sự thất vọng mà đang « thêm khát phá đổ những khung cảnh bằng giấy bồi ».

Vâng, với những điều kiện nào đấy, sau khi nhà gỗ mái tôn ở Chicago cháy rụi, lớp nhà trọc trời bê tông cốt sắt đã mọc lên.

Sagan và sử mệnh văn chương

Chúng tôi tán đồng quan niệm văn nghệ của ông A. Lannaux, người chiếm giải Interallié 1956 với cuốn Le Commandant Watrin đại khái như sau :

« Văn chương cũng là một phương tiện thăm dò cõi mệnh mông của học vấn. Văn chương có những phương pháp linh động và tài tình mà triết lý và khoa học với phương pháp chứng nghiệm và lý luận không thể làm được vì còn phải uốn mình theo những kỷ luật khắc khổ. »

Quan niệm này rất đúng đắn vì gói ghém được những đòi hỏi mỗi ngày một phức tạp của xã hội tiến hóa, thỏa mãn được những ý muốn tìm hiểu nhân sinh quan, vũ trụ quan của con người, mà không đến nỗi hẹp hòi trong nhiệm vụ tuyên truyền cho đạo đức, chánh trị hay tư tưởng. Người ta đã thấy văn chương phá sản, khi được quan niệm là một công cụ tuyên truyền vì dung nạp những cái thô sơ, để dãi hay nhai lại những sự

thật sợ dăng sờ sờ trước mắt, khiến người hiểu biết không tiêu hóa được mà đại chúng cũng ngờ vực.

Người đọc muốn gì ? Báo Témoignage Chrétien số 690 ngày 27-7-57 đã trả lời câu hỏi ấy trong một bài viết về Sagan :

« ... có những người đã cảm động vì tác giả đã đoán trúng tâm trạng mình, vì họ đã ngạc nhiên một cách khoan khoái khi chính họ đã có những tâm tình mô tả trong quyền truyện : lại câu truyện « làm văn xuôi đã 40 năm mà không biết » của Jourdain trong kịch Molière. Người ta muốn sống lại một quãng đời... Người ta thấy mình ở trong truyện, hay người ta muốn thấy mình ở trong truyện, để lấy cảm xúc tinh vi của người khác mà che đậy những cảm xúc tầm thường và nhạt nhẽo mình đã trải qua. »

Chính vì người đọc muốn soi thấy bóng mình trong sách mà con người thế kỷ thứ 20 không thể cứ thỏa mãn được với nỗi lòng gửi trong thơ của Corneille hay của Nguyễn-Du. Tình cảm con người ngày nay phức tạp hơn nhiều. Làm sự nghiệp xây dựng cần suy ngẫm về tâm trạng con người thế kỷ thứ 20, chứ không phải chỉ với tâm trạng con người, con người thời Tống-Nho hay thời Hy-Lạp. Nhại lại bôn cũ, làm sao nói lên được tiếng nói của thời đại ?

Văn chương phải có những tâm hồn tế nhị, tinh vi, biết lao mình vào thâm cung trí thức và tiềm thức của con người để nói lên những bí ẩn, những ước vọng thâm sâu, những sắc thái mong manh huyền ảo của tư lòng con người thời đại.

Thế nào là biết viết văn ? Bài báo nói trên quan niệm rằng đọc một đoạn văn,

« ... Người đọc đã nhận biết một tiếng nói mà họ hiểu, đã cảm thông niềm rung cảm do tiếng nói ấy đem lại, đã công nhận là nói đúng điệu... Mục đích của nhà văn phải chăng là viết sao để nghe lọt tai ? ».

Văn nhân khi đã biết người đọc muốn gì, đã nói được cách nào để nghe lọt tai, sẽ là tâm não của quần chúng. Hoàn cảnh ấy đặt họ vào cái thế tiền phong trên đường tiến hóa, những sáng kiến của họ sẽ góp phần vào cuộc xây dựng văn minh bên cạnh những phát minh có ích dụng học thuật và thực tiễn. Khúc đàn tâm của Musset, của Ôn-Như-Hầu đã xoa dịu lòng người đề người xa dần những tàn tích ác nghiệp hung bạo của thời ăn lông ở lỗ mà trau chuốt tâm hồn cho ngày thêm cao đẹp. Luận đề của Flaubert, của Nhất Linh đã bách thúc xã hội kiểm soát lại nền giáo dục và quan niệm luân lý. Trong cái xã hội Việt-Nam thời ấy, người ta dần dần coi hàm răng trắng, mái tóc bông của phụ nữ với con mắt hiểu biết hơn và người ta nói rộng quyền tự do hôn nhân cho thanh niên.

Quan niệm văn chương của Lannoux đem lại cho văn nghệ sinh lực để tự túc tự mãn, văn nghệ tự nó tìm lấy lẽ sống ở trong lòng nó, tự tìm lấy ngọn nguồn và mục tiêu tối hậu. Là một phương tiện để mở rộng tầm nhận thức, văn chương tự nhiên có nhiệm vụ tìm hiểu những yếu tố then chốt làm cho văn nghệ phản ảnh được đời sống: sự liên lạc của văn nghệ với đời sống và yếu tố trữ tình. Sự liên lạc của văn nghệ với đời sống đặt căn cứ thực tế cho văn phẩm, yếu tố trữ tình đem lại linh hồn cho văn phẩm. Chúng tôi sẽ trình bày tường

tận vấn đề này trong một bài khác, ở đây chỉ xin nói qua rằng nếu trả lời được những điều thắc mắc về hai yếu tố then chốt ấy là có một quan niệm đúng đắn về ngọn nguồn và mục tiêu tối hậu của văn nghệ.

Văn chương sẽ lần lượt nêu lên những thắc mắc trong lòng đời sống và thể hiện những yếu tố để giải quyết còn tiềm tàng hay đã xuất hiện trong lòng đời sống. Vai trò linh động của văn chương là kết nạp những ý tưởng đại diện cho một thực trạng xã hội và khai thác những yếu tố giải quyết được thực trạng đó. Công việc xây dựng ấy bao hàm ý nghĩa đào thải để sự vật tiến gần về Chân, Thiện, Mỹ.

Sagan đã tài tình khi văng mình vào thám hiểm những khía cạnh âm u nhất trong tâm tình con người thời đại, nhưng đã không nắm chắc được hai yếu tố then chốt của văn nghệ: sự liên lạc của văn chương với đời sống và yếu tố trữ tình. Phương diện hiện thực của Cô là kết nạp những sự việc không đại diện cho một thực trạng phổ biến trong xã hội tiêu biểu cho một luồng sinh lực có tầm quan trọng hiển nhiên, có tác dụng rõ rệt, vì thế chỉ có liên lạc lỏng lẻo với đời sống mà không thể hiện được đời sống.

Yếu tố trữ tình, cũng không quan niệm được đúng đắn, đó chỉ là những cảm giác

bất nhất chỉ mờ mịt trong cái thế tiềm tàng mà ngòi bút tinh vi của tác giả đã tô điểm cho có màu sắc. Thứ tình cảm ấy không tiêu biểu được mỗi cảm nghĩ của một thế hệ.

Với cách nhìn thiên lệch ấy, văn nghệ của cô liệu có trung thành được với sắc thái chân thực của sự vật không? Có phần ảnh hưởng đời sống không?

Người ta đã bắt đầu nhận thấy sự mong manh của một sự nghiệp văn chương xa lìa đời sống, một hiện tượng trong số bày hiện tượng xảy ra trong lịch sử văn hóa Pháp nửa đầu thế kỷ thứ 20 mà vai trò chủ động là những thiên tài không quá 30 tuổi (người ta gọi là thế hệ J 3): Bernard Buffet của nền hội họa, Vadim và Malle của điện ảnh, Yves Mathieu Saint Laurent của thời trang, Pierre Boulez của âm nhạc, J. P. Serre của toán học, và Sagan của văn chương.

« Sau khi đã làm thài nhén những thiên ký sự này nữa, đem lại cảm hứng cho kịch sĩ, văn gia, trào lưu tư tưởng mới này đã lên tới mức cao chói vót. Sẽ có một trào lưu khác thay thế, mà những dấu hiệu báo trước đã bắt đầu xuất hiện — (Arts số 657 từ 12 đến 18 tháng 2, 1958) ».

CÔ-LIÊU

★ Các bạn thuộc hạng người mà bất luận điều ác nào xảy đến cho mình, cũng không còn chấn động được tâm nữa.

SIMONE WEIL

PHẦN ĐÓNG GÓP CỦA VĂN HỌC

BÌNH DÂN TRONG VĂN HỌC BÁC HỌC

hay là

NGUỒN VĂN LIỆU

của TRINH-THỦ và KIM-VÂN-KIỀU

Thuần-Phong

(Tiếp theo Bách Khoa số 29)

Toàn truyện TRINH-THỦ gồm có 850 câu thơ lục bát, nghĩa là 425 đôi. Trong số 425 đôi lục bát ấy, có đến 76 đôi lấy từ ngữ và ý tứ trong thành ngữ, tục ngữ, tục diêu, ca dao, như bản liệt kê đối chiếu trên đây vừa cho thấy. Sự kiện ấy và tỷ lệ ấy bắt buộc phải kết luận rằng: TRINH-THỦ đã lấy nguồn văn liệu ngay trong văn học bình dân và nhờ vậy TRINH-THỦ đã thực hiện đầu tiên và táo bạo một cuộc cách mạng trong văn học, cả gan xa lìa căn bản văn liệu Trung-Hoa, quay đầu về với dân tộc, chứng minh được tinh thần độc lập của kẻ sĩ, của nhà văn,

và biểu dương cái khả năng khả đặc của văn học bình dân, văn học dân tộc.

Đàng khác, một ít thí dụ đơn cử trên kia về KIM-VÂN-KIỀU của Nguyễn-Du (1) cũng cho thấy văn học bình dân có cung cấp văn liệu và tư tưởng cho ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH. Nếu chịu khó đọc lại toàn truyện này, người ta sẽ thấy điều ấy càng được xác nhận. Phương chi trước đây, Ô. Nguyễn-Tất-Thứ trong Tiều-Thuyết Thứ Bảy nguyệt san, số 1, tháng 6 - 1944, đã từng đơn cử nhiều

(1) Xem Bách-Khoa số 22.

bằng chứng để làm luận cứ cho cái thuyết của ông, chủ trương theo Ô. Hoàng-Xuân-Hân, rằng: « những buổi ví phường vải đã xây nên một nguồn gốc rất màu nhiệm cho văn phái ấy (Hồng-Sơn), nhất là cho văn Kiêu. »

Đề mở một ngoặc, chúng tôi xin thêm rằng: chẳng những văn học bình dân đã cung cấp cho KIM-VÂN-KIÊU rỗng là văn liệu thô đầu, mà còn cả kỹ thuật thi pháp nữa; cho nên rất nhiều câu thơ KIM-VÂN-KIÊU đã được phổ thông ngang hàng với văn chương bình dân, được truyền tụng không kém ca dao, thí dụ:

- *Dập đầu tài tử giai nhân,*
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
- *Lơ thơ tơ liễu buông mành,*
Con oanh học nói trên cành mĩa mai.
- *Cho hay là giống hữu tình,*
Đố ai dứt mối tơ mành cho xong.
- *Trăng thề còn đó tơ tơ,*
Dám xa xôi mặt, mà thua thốt lòng.

Trinh-Thử

Văn Học Bình Dân

Kim-Vân-Kiều

- *Bây giờ sầy bước lỗ
chùng,*
- Tôi đây đã đội ơn chùng
lòng chàng,*
- *Có khi biển, có khi
thường,*
- Suy điều cùng chiếu, cùng
giường vậy vui*
- *Mấy người tính nước,
lòng mây.*
- Sớm đưa gã Lý, tối vậy
chàng Trương.*

Thành ngữ: Sầy bước lỗ
chân.

?

?

- *Ông tơ ghét bỏ chỉ nhau,*
Chưa vui sum họp, lại sầu chia phôi.
- *Duyên hội ngộ, đức cù lao,*
Bên tình, bên hiếu, bên nào nặng hơn.
- *Có tài mà cậy chi tài:*
Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Những câu Kiêu đã được ca dao hóa kể không xiết, và một dịp khác, chúng tôi sẽ trình bày mối liên lạc về thi nghệ trong KIM-VÂN-KIÊU và văn học bình dân.

Như đã trình bày trên đây, ai cũng thấy một đảng TRINH-THỬ và đảng khác KIM-VÂN-KIÊU, đều lấy nguồn văn liệu trong văn học bình dân.

Đề thêm minh xác sự tương đồng ấy, chúng tôi xin liệt kê đối chiếu dưới đây những câu thơ của hai áng văn ấy, giống nhau về lời hay ý, phần nhiều là cùng bắt nguồn nơi văn học bình dân:

- Nhớ khi lỗ bước sầy vời,
Non vàng chưa để đến bồi
tấm thương.*
- *Có khi biển có khi
thường,*
- Cơ quyền nào phải một
đường chấp kính.*
- *Dập đầu lá gió cành
chim,*
- Sớm đưa Tống-Ngọc, tối
tìm Tràng-Khanh.*

Trình-Thử

— Kinh quyền đôi lẽ là thường.

Được nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi.

Bạch viên xưa kết Tôn-Sinh, Chẳng vì dan dẫu, bỏ kinh tông quyền.

— Tin chim thư cá gởi đi, Cũng nhiều nơi rắp nơi vì riêng tây.

— Chúa xuân dẫu có đành hanh,

Đến vườn cũng bẻ một cành cho cam.

— Dứt lời nàng mới giải bày,

Những điều mặt dạn mày dày khó coi.

Những người mặt dạn mày dày,

So xem ắt cũng chẳng tày muông dê.

— Vườn xuân chàng sẵn có nơi,

Nguyệt hoa sao nở ép nài như ai?

— Bây giờ đừng mặt vách tai,

Việc trong mới rắp, kẻ ngoài đã hay.

— Vàng trắng đã ngã về tây,

Đề cho thiệp trở về rày với con.

— Thiềm cung bóng đã tà tà.

Khuyên rằng mau trở lại nhà với con.

Văn-Học Bình-Dân

Thành ngữ: Bội tin nhận cá.

Ca dao: Công anh đắp năm trồng chanh,
Chồng ăn được quả vin cành cho cam.

Thành ngữ: Mặt dạn mày dày.

Thành ngữ: Có nơi có chốn.

Tục ngữ: Tai vách mạch dừng.

§

Kim-Vân-Kiều

Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,

Trong khi ngộ biến từng quyền biết sao.

Tin nhận vẫn lá thư bời,
Đưa người cửa trước, rước người cửa sau.

Đào tiên đã bèn tay phàm,
Thì vin cành quít cho cam sự đời.

Khéo là mặt dạn mày dày,

Kiếp người đã đến thế này thì thôi.

Riêng lòng đã thẹn lấm thày,

Cũng là mặt dạn mày dày khó coi.

Chúa xuân đành đã có nơi,
Ngán ngày thôi chớ dài lời làm chi.

Ở đây tai vách mạch dừng.

Gặp ai người cũ cũng đừng nhìn chi.

Tà là bóng ngã về tây,
Chị em thơ thân dan tay ra về,

Trình-Thử

— Chẳng như kẻ bắc,
 người đông,
 Ghen tuông vì nỗi chồng
 chung nông nần.
 Sự này dù thực dù ngoa,
 Ghen tuông thì cũng người
 ta thường tình.
 Phương ngôn câu ví để
 đời :
 Nhường cơm, nhường áo,
 để ai nhường chồng.

— Sá chi nửa cánh hoa tàn,
 Tình kia ý nọ bàn hoàn
 nửa chi ?

— Thiên cao mà lại thính ti,
 Trên đầu chẳng nghĩ còn
 thì có ai.

— Xin thôi cho thiệp
 trở về,
 Ôn chàng non núi để thì
 đến sau.

— Khôn ngoan rất mực
 hồng quần.
 Tại bình mà nói dối dẫn
 cũng xuôi.

— Khen cho một dạ kiên
 trinh,
 Dẫn rằng nghiêng nước
 nghiêng thành để đầu.

— Gặp cơn sóng gió
 bất kỳ,
 Nhờ ơn cứu vớt đêm
 khuya nặng tình.

Văn-Học Bình-Dân

Ca dao : Ớt nào là ớt chẳng
 cay,

Gái nào là gái chẳng hay
 ghen chồng ?

Vôi nào vôi lại chẳng nong,
 Gái nào là gái có chồng
 không ghen ?

Ăn sung ngồi gốc cây sung,
 Chồng một thì lấy, chồng
 chung thì dùng.

Thành ngữ : Hoa tàn nhị rữa.
Ca dao : Vườn xuân hoa
 nở đầy giàn,
 Ngón con ong lại, kéo tàn
 nhị hoa.

§

Thành ngữ : Ôn nặng tay
 non.

Thành ngữ : Khôn ngoan
 rất mực.

Thành ngữ : Nghiêng nước
 nghiêng thành.

§

Kim-Vân-Kiều

*Rằng tôi chút phận đàn bà,
 Ghen tuông thì cũng người
 ta thường tình.*

*Lòng riêng, riêng những
 kính yêu,*

*Chềng chung ai dễ ai
 chiều cho ai.*

*Còn nhiều ân ái chan chan,
 Hay gì vầy cánh hoa tàn
 mà chơi.*

*Chọc trời khuấy nước
 mặc dầu,*

*Dọc ngang nào biết trên
 đầu có ai.*

*Nhớ khi lỡ bước sây vệt,
 Non vàng chưa để đến bồi
 tấm thương.*

*Thông minh rất mực hồng
 quần,*

*Xuân xanh xấp xỉ tới
 tuần cập kê.*

*Một hai nghiêng nước
 nghiêng thành,*

*Sắc đành đòi một, tài
 đành hòa hai.*

*Sự đâu sóng gió bất kỳ,
 Hiếu tình có lẽ hai bề
 vẹn hai.*

Trình-Thử

— Nàng rằng: « sự đã
quả nhiên,
Nào ai nói đặt cho nên
đoạn trường. »

— Ví không duyên nợ
ba sinh,
Nàng sao gặp nỗi bất bình
tới đây.

— Hai bên hồn lạc phách
xiêu,
Trèo non nhẩy núi ra chiều
lao đao.

— Ôn ông cứu được
thần tâu,
Thừa công đức ấy muôn
vạn xiết đầu.

— Nhờ ơn lượng bề
cao sâu,
Hắn cơ tạo hóa quên
đầu kể hiền.

— Nàng rằng vâng biết
sau xưa,
Rằng: « Ôn ông dạy bây
giờ mới hay. »

— Mèo lành ở mã đầu là,
Của yêu đầu có bày ra
ở ngoài.

Văn-Học Bình-Dân

Tục ngữ: Sự đã quả nhiên.

Thành ngữ: Hồn lạc, phách
xiêu.

Thành ngữ: Ôn sâu nghĩa
thâm.
Ôn sâu nghĩa nặng.

Tục ngữ: Mèo lành chẳng
ở mã, ở lành chẳng ở
hàng cơm.

Ca dao: Mèo lành ở mã
bao giờ.

Của yêu ai có bày ra ở
ngoài.

Kim-Vân-Kiều

Nầy nầy sự đã quả nhiên,
Thôi đà cướp sống chồng
min đi rồi.

Ví không duyên nợ ba
sinh,

Làm chi đem thói khuynh
thành trêu ngươi.

Sinh đà phách lạc hồn xiêu,
Thương ôi chẳng phải
nàng Kiều ở đây!

Hoạn-Thơ hồn lạc phách
xiêu,

Khẩu đầu dưới trướng
liệu điều kêu ca.

— Thừa công đức ấy
ai bằng,

Túc kịên đã rửa láng láng
sạch rồi.

Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngả bóng
đầu tà tà.

Cùng nhau kẻ lẽ sau xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa
hết lời.

Ra tuồng mèo mã gà đồng,
Ra tuồng lúng túng chẳng
xong bề nào.

Trình-Thử

— Kíp toan cải dữ làm lành,
 Ất là sum họp yển anh một nhà.

— Dầu rằng đá lở non mòn,
 Tấm lòng tạc sắt ghi son chẳng dôi.

Văn-Học Bình-Dân

Thành ngữ: Sum họp một nhà.

Thành ngữ: Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
 Tào khê nước chảy, lòng còn trơ trơ.

Kim-Vân-Kiều

*Dầu rằng sông cạn đá mòn,
 Con tâm đến thác cũng còn vương tơ.*

*Một nhà sum họp trúc mai,
 Càng sâu nghĩa bề, càng dài tình sông.*

Trước những câu tương đồng trên đây, ông Hoàng - Xuân - Hãn và ông Nghiêm - Toàn ước đoán rằng: « Có lắm câu chắc do Đoạn trường tân thanh mà ra. » (1) Ước thuyết này muốn được chứng minh là trong trường hợp Trình-Thử chào đời sau Kim - Vân - Kiêu. Nhưng, chính hai ông đều nhìn nhận « chuyện ngụ ngôn này (Trình-Thử) đặt vào khoảng năm Long-Khánh (1373-1376) đời Trần, (1) nghĩa là trước hơn Kim-Vân-Kiều trên 400 năm.

Yếu tố thời gian không thuận cho ước thuyết ấy, khiến hai ông « nghĩ rằng, nếu gốc chuyện có thật xưa nữa, thì

văn hiện nay còn lại là văn đã bị đời mới, không còn giữ được văn Trần mấy. » (1) Đây lại là một ước thuyết thứ nhì, thiết tưởng khó lòng chứng minh cho ước thuyết thứ nhất.

Theo những câu tương đồng dẫn trên, chúng tôi thiết tưởng Trình - Thử và Kim-Vân-Kiều đều lấy văn liệu ở chung một nguồn văn học bình dân.

THUẦN-PHONG

(1) Thi Văn Việt-Nam, Sông-Nhị, Hà-Nội, 1951, trang 30.

(2) Tác phẩm kê trên, trang 29.

★ Chỉ nguyên hai tiếng « lẫn lữa » đủ hại một đời.

CỎ-NGŨ

★ Tinh hay giận dữ tai hại vô cùng: bốc lên rất dễ, giẹp đi rất khó.

TRÌNH-DI

★ Không nên là một bực anh hùng nhất thời, nên là một bực anh hùng nhất khí.

P. HOORNAERT



SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**
— **Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

ក្រុងភ្នំពេញ

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE - BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE - HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE - PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE - SIEM-REAP

Circuit touristique «Week End à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE - SAIGON - VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

- VIENTIANE - XIENG-KHOUANG VILLE Quotidien
- PHONG SAVANH Quotidien
- LUANG PRABANG Tous les lundis, Mercredis,
Jeudis, Vendredis
- LUANG NAMTHA MUONG SING
- MUONG SAI Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
- THAKHET Tous les lundis, Vendredis
- SAMNEUA Tous les Mardis, Jeudis, Samedis



Wespa

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái - SAIGON

Điện-thoại : 21.670

NGUYỄN - HUỆ

(1752 - 1792)

HAY LÀ GIÁC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH (*)

(tiếp theo Bách Khoa 28)

NGUYỄN-NGU-Í

NHỚ TRẬN ĐỒNG ĐÀ

Sức sống của dân tộc Việt thường hiện rõ trên những chiến trường quyết định : sông Bạch-đăng, ải Chi-lăng, gò Đống-đà, nhất là gò Đống-đà.

Cái đốn hèn của một ông vua liếm gót người như Lê-Chiêu-Thống, cái nhục nhã của đám quan lại chỉ có biết mong chờ người cứu trợ, vế bầy, cái mù quáng tai hại của lớp sĩ phu chỉ có biết trung với một triều đại, mặc dù triều đại đó đã suy đồi trước mắt, trung với một vị vua đại diện chẳng đáng khương phò, bảo vệ chút nào, chỉ có biết lạy lỵ kẻ cường lân để nhờ người ngoài thương hại lấy lại giùm ngai vàng cho một « thiên tử », dẫu rằng chiếc ngai vàng còn ba chân ấy một ăn mỗi phá tự bao giờ và dẫu « chí tôn » kia đã chứng tỏ rằng mình bất tài, bất lực, bất công, nhìn xa không khỏi hoảng

thành, thấy rộng không ngoài dòng họ ! Cái đốn hèn của kẻ cầm đầu, cái nhục nhã của đám phò tá, cái mù quáng của lớp rường cột quốc gia, bao nhiêu rác nhớp phân như ấy phải được chôn theo những Hứa-Thế-Hạnh, những Trương-Triều-Long, những Thượng-Duy-Thăng, những Sâm-Nghi-Đổng, phải được chìm theo lũ tàn binh Tàu xác trôi dấy sông Nhị, phải được đuổi bay ra bên kia ải Nam-quan cùng với Tôn-Sĩ-Nghị, Lê-Chiêu-Thống và bọn vong thần công răn. Vì thế, hơn một nhà thơ đã nâng bút :

* Bách Khoa số 28, cái án trong bài « Nguyễn-Huệ » vốn rập trong đạo sắc của Phan-Huy-Ích do vua Quang-Trung ngày 18 tháng 4 nhuận, hiệu Quang-Trung thứ 5 (1792) gia phong.

Bốn chữ Hán : « Sắc mệnh chi bảo » (Hình mượn trong quyển « Quang-Trung » của Hoa-Băng, do nhà xuất bản Bốn phương tái bản, năm 1951.

« Nước Việt ngàn năm truyền miệng trẻ :
 « Oai vũ thần binh trận Đống-đà !
 « Nước Việt ngàn năm danh Nguyễn-Huệ,
 « Chu diệt quân Thanh phá Bắc-hà ! » (12)

Và chúng ta lấy những lời sau đây của bài hát cách mạng « Quốc dân hành khúc » (13), đoạn Khải - hoàn, dựng ca ngợi trận lịch sử Đống-đà, tưởng không gì thích hợp cho bằng :

« Cờ Nam tung gió mây, lừng bay trên
 núi sông ;
 « Lòng muôn dân đắm say, hò reo trong
 nắng hồng.
 « Đầu non Vinh-quang vương hơi máu,
 « Luồng gió Đắc-thắng rền gươm giáo.
 « Nghìn bóng chiến sĩ thác vì núi sông
 « Truyền ta thiên thu giữ lòng anh dũng... »

Cho nên mặc dầu đã bốn năm rồi, gò Đống-đà không còn là của chúng ta — chúng ta, người Việt quyết đem Trường tồn cho dân tộc Lạc-Hồng, quyết tạo Vinh quang cho nòi giống Rồng-Tiên, chứ chẳng phải người Việt cam tâm khờ để đem trường tồn cho một đế quốc mệnh mông nào, cố sức chết để tạo vinh quang cho một chủ nghĩa ngoại lai nào, trong đó giá trị con người không hơn giá trị một con số, một cây đinh, — chúng ta vẫn cảm thấy lòng mình càng xôn xao, trí mình càng căng thẳng, mỗi độ bắt gặp « nàng Xuân tung cánh trên hoa, trong ánh nắng mới » hay ngắm xác pháo đỏ đầy đường, hoặc « lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang ». Phải chăng vì gò Đống-đà như xa chúng ta quá, phải chăng vì gò Đống-đà dường như hết còn là của chúng ta, bởi lẽ lớp người Việt nơi mô nhờ ai cố vẫn làm như không biết trong lịch sử nòi giống mình, có trận Đống-đà : Tò quốc còn

có nghĩa lý gì, anh hùng dân tộc là cái gì gì, ai nhắc nhớ chỉ một thảm bại lớn lao để lời cái đã tâm to tát của nước Trung-hoa, Trung-hoa của hoàng đế Càn-Long nhà Thanh hay Trung-hoa của chủ tịch Trạch-Đông cộng sản, cũng vẫn là một Trung-hoa « vĩ đại » đó mà thôi !

→

Trận Austerlitz của Napoléon được sử gia Âu-Mỹ khen là tuyệt phẩm. Nhưng « mặt trời Austerlitz » vẫn gợn ánh thiếu tươi lành : một trận đại thắng có oanh liệt đến đâu mà chỉ phụng sự cho một người nào đó, cho một dòng họ nào đây, hay cho một đám quí tộc, phú hào kiêu sa, trụy lạc, kị sinh trùng, thì nào đáng để cho kể đến sau chiêm ngưỡng. Chiến tranh xâm lược có cao, có đẹp, có quí gì đâu. Lờn nuyễn rủa không còn, là may lắm cho ai gây ra chúng.

Còn trận Đống-đà của chúng ta tủa hào quang không như bọn. Tò tiên chúng ta, dưới quyền chỉ huy tối cao của kẻ vẫn mặc áo vải để luôn luôn nhớ mình là một dân thường, tò tiên chúng ta đã từ ngàn dặm băng rừng sâu, vượt núi cao, qua bề cả, vất vả bao nhiêu nỗi, dựng giải phóng nước nhà, dựng chấm dứt một thời đại loạn, dựng mở màn cho cuộc thống nhất giang san.

Austerlitz (như chúng tôi đã giải qua trong đoạn trước) hay chưa bằng **Đống-đà**.

(12) Minh-Tuyên.

(13) Hoàng-Mai-Lưu. — Người ta được biết điệu hát này qua lời ca « Tiếng gọi sinh viên » qua lời ca đoạn « Ca khúc Tranh đấu » bị sửa ít nhiều, hơn là bài chánh thức nói trên; chúng tôi mong sẽ có dịp trở lại bài « Quốc ca » này.



Vua QUANG-TRUNG

Đây là bức họa truyền thần do vua Cán-Long sai họa sĩ vẽ, năm 1790, lấy trong tập « Mãn-châu cò họa » (ảnh trên đây mượn của « Đông thanh tạp chí », do Ứng-Hòa Nguyễn-Văn-Tổ chủ trương, số 1, ngày 1-7-1932). — Thật ra là bức họa Giả-vương, tên thật là Phạm-Công-Trị, tướng mạo rất giống Quang-Trung và kêu vua bằng cậu, sang Tàu mừng thọ vua nhà Thanh, năm canh-tuất (1790).

Bonaparte với cái mũ có tiếng, với cái ống dòm có danh, sao đẹp bằng **Nguyễn-Huệ** với đầu voi xông xáo, với chiến bào đỏ cháy đen thuốc súng rờn rã mấy ngày xuân.

Tướng sĩ Pháp của Napoléon đặc thắng sau bốn giờ kịch chiến trong một trận giặc « vậ-vậ-thôi » thế nào dưng bằng, hùng bằng **tướng sĩ Việt của Quang-Trung** ca khúc khải hoàn oanh liệt sau một cuộc trường chinh gay go, sau năm đêm năm ngày chiến đấu gớm ghê, mà cảm tử, mà bao vây, mà chặn đường, mà hò hét, mà chớp nhoáng, mà dữ dằn, có sức binh lính, có sức ngựa voi, có mưu tướng soái, có cả lòng dân cảm tức, mong chờ, giúp đỡ... để kết thúc bằng khoan khoái, bằng tay lau mồ hôi nhễ nhại, chân lướt qua thây thái thú họ Sầm lũng lảng dưới một cành đa, bằng tay ngưng tiếng súng đường tèn, mắt nhìn...

« ... lũ quân chàng Tôn sập cầu trời đây sông ... »

Mặt trời *Austerlitz* có chói lói đến đâu cũng không sao ý nghĩa, huy hoàng, sáng ăm bằng gò *Đống-đà* với nước *Hồng-hà*.



Cái gì đã nung đúc đoàn quân gần như ở hợp ấy hùng dũng, say sưa vượt bao gian khổ đường trường, bộ có, thủy có, rừng có, núi có, liễu mình xông pha tên đạn để đem cho đất nước một mùa Xuân chiến thắng rõ ràng, một cái Tết huy hoàng muôn thuở ?

Phải chăng đó là khí thiêng sông núi, là tinh thần bất khuất, là sức sống phi thường, hiện thân nơi người anh hùng áo vải cờ đào *Nguyễn-Huệ*, hiện thân nơi

tướng tá, quan binh rầm rộ lên đường ra Bắc ?

Ba nửa thế kỷ với mười chín mùa xuân qua, có ai dùng vần điệu thủ làm sống lại giùm chúng ta — người Việt của đất nước Việt — vài hình ảnh của mùa Xuân chiến thắng ấy ?

« Cây cỏ đua nhau giòn nằng hồng
Dưới làn mưa bụi phủ non sông.
Trên cành, đỏ thắm đào muôn cánh
Lợi lá nõ đùa với gió đông.

« Cùng vượt lên trên những xóm làng
Như tranh nhau đón chúa Xuân sang.
Những cành nêu uốn mình trong gió
Rộn rã tư bề pháo nổ vang.

« Trong lúc người nô nức thường xuân
Trên đường ra Bắc, những dân quân
Gội sương gió lạnh, dầm mưa bụi,
Lặn lội đêm ngày chẳng nghỉ chân.

« Họ đã băng qua vạn núi rừng,
Chiếc bao quân dụng trĩu trên lưng.
Trên vai tê buốt, đôi đòn cang
Nghiêng ngả theo chân bước ngập ngừng.

« Họ vẫn luôn luôn nở nụ cười
Mặc dầu nhưng phục dấm mồ hôi.
Chen vào tiếng trống, lời ca hát
Thỉnh thoảng vang lên, dậy núi đồi.

« Họ theo tiếng gọi của non sông,
Theo ngọn cờ linh sắc thắm hồng.
Lời dụ uy nghiêm và mạnh mẽ
Của Quang - Trung vắng đội trong lòng ». (14)

Chúng ta đã có hình ảnh của quân, chúng ta sẽ thấy bóng nghe vang của tướng; của vì chủ tướng, dưới ngọn cờ đào...

(14) *Đặng-Phương*. — Hồn Việt.

« Mà chí lớn về vang,
Mà nghiệp lớn huy hoàng,
Vẫn ngàn thu còn mãi...
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Qui-
nhơn !

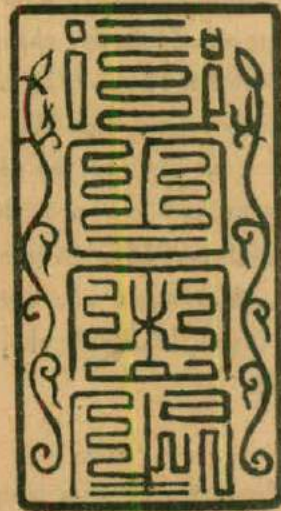
« Một phút oai thần dậy sấm,
Tan vía cường bang.
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót vót năm màu mây chiêm
ngưỡng
Dài mệnh mông vượt khỏi lũy Nam-quan,
Bóng ấy đã ghi sâu vào tâm tưởng,
Khắc sâu vào trí nhớ dân gian.
Một bánh voi che lấp mấy ngai vàng !

« Ôi! Nguyễn-Huệ! Người anh hùng
áo vải!
Muôn chiến công một chiến công dồn lại,
Một tấm lòng muôn vạn tấm lòng mang.
Ngọn kiếm trỏ, bao cánh tay hăng hái,
Ngọn cờ vung, bao tinh mệnh sẵn sàng.
Người cất bước; cả non sông một dải
Vươn mình theo... Dãy Hoành-sơn (15)
mê mãi

Chạy dọc lên thông cảm ý ngang tàng,
Cứng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại,
Chín con rồng bơi ngược Cửu-long-
giang. » (16)

Thì số phận của hai chục vạn quân Tàu
trá hình đi đổ hệ nước người Nam
đã được định đoạt từ giờ phút ấy, giờ
phút mà niên hiệu Quang-Trung xuất hiện,
làm mờ hai niên hiệu đương thời: một

Thái-Đức ở Nam, một Chiêu-Thống ở
Bắc, giờ phút lịch sử mà vị hoàng đế của
dân Việt tự mình đội lấy mũ đế vương,
ngày 25 tháng mười một năm mậu-thân
(1788), ngày làm lễ tế Đất, Trời, Sông,
Núi, ngày ai theo ý muốn của tướng sĩ lên
ngôi hoàng đế, ngày xuống chiếu ân xá cho
tội nhân trong nước, ngày ban lệnh xuất
toàn thủy, lục, sơn quân ra Bắc.



Con dấu đời Tây-Sơn

Bốn chữ: « NGỤ DỤNG CHI ÁN »

Rồi Tôn-Sĩ-Nghị khinh địch, lo tìm
hường khoái lạc, thêm Lê-Chiêu-Thống
u mê, như đứa bé dại khờ núp sau áo mẹ,
cùng quần thần cận hạp lo báo oán rửa hờn

(15) Hoành-sơn là dãy núi chạy ngang, giữa
hai tỉnh Hà-tĩnh và Quảng-bình. Có lẽ Trường-sơn
thì phải hơn vì dãy núi này chạy dọc từ Bắc xuống
Nam.

(16) Vũ-Hoàng-Chương. — Bài ca bình Bắc,
nhật báo « Tự-do », số Tết niên, ngày 15-2-1958.

nhỏ, càng giúp cờ đào của người áo vải đất Qui-nhơn sớm phát phơ trên Thăng-long thành khờ.

Và khi

«... Dưới nắng hồng, quân sĩ ngất ngây
Tung hô chủ tướng, tiếng vang dậy...», (14)

chúng ta không hèn mà cùng nghĩ như nhau : người chủ tướng được toàn quân kính, phục, mến, thương tung hô vang dậy như gió rừng sóng biển ấy, chẳng phải là người họ Ho tên (nôm, (17) họ Nguyễn tên Huệ, quân vương Bình-Bắc, hoàng-đế Quang-Trung, áo cầm bào, mũ đế miện, mà là người áo vải ấp Tây-sơn đã đứng lên vì nghĩa cả, đánh tan những bất bình, dẹp an loạn trong, đuổi mạnh giặc ngoài, thống nhất Bắc-Nam, hình ảnh chói ngời của dân tộc Việt.

Và lúc

« Quang-Trung vui vẻ nhìn trong gió
Cờ Việt huy hoàng phất phới bay... », (14)

chúng ta sao lại tưởng người của mùa Xuân chiến thắng ấy đang vui vẻ với gió reo, với cờ múa, với dân quân reo múa, và

với người tổ tiên chiến bại họ Hồ, ba trăm tám mươi một năm về trước ; Hồ-Thơ — Nguyễn-Huệ đang cười với Hồ — Lê-Quý-Ly, (18) người thất bại quá đỗi đau thương và vô cùng vĩ đại đang người mới hận dài : một toàn thắng Đống-đà đã rửa sạch ba thất trận : Đa-bang, Mộc-phàm-giang, Hàm-tử-quan. Từ ba trăm tám mươi một năm, hồn Quý-Ly khắc khoải đợi một ngày này :

Mùng 5 tháng giêng
năm kỷ-dậu (1789)
(Còn tiếp)

Tân-Điền-Nghĩa, đầu năm Mậu-Tuất (1955)

NGUYỄN-NGU-Í

**KỶ SAU : Sự nghiệp nhà Tây-sơn và
Giác mộng lớn chưa thành.**

(17) Xin xem chú thích (2) trong đoạn trước, số 28.

(18) Quý-Ly lúc đầu mang họ cha nuôi là họ Lê, sau làm vua mới lấy họ thật của mình là họ Hồ. Xin xem loạt bài về « Hồ-Quý-Ly » trong các số 21, 26-27 và 28.

★ Lập thân không gì khó bằng làm thế nào cho khỏi hồ thẹn ; thủ thân không gì khó bằng làm thế nào cho khỏi lem luốc ; phòng thân không gì khó bằng làm thế nào cho ít bệnh hoạn.

TUẤN-SINH-TIỀN

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG - TANANARIVE - TAMATAVE - ABIDJAN - DOUALA



Dùng Hộp Quẹt **BLUE BIRD**
phụng-sự nên là kinh-tê Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoạt 21.950

Đ. Tin Forestière

ẢNH HƯỞNG ẤN-ĐỘ VÀ
TRUNG-HOA QUA CÁC

THÁP CHÙA Ở VIỆT - NAM



MỘT NÉT ĐẶC BIỆT CỦA CÁC THÁP
THUỘC ẢNH HƯỞNG ẤN-ĐỘ

TỪ-QUYÊN ĐẶNG-VĂN-NHÂM

TRONG các chùa chiền ở Việt-Nam thường có xây những tháp cao bằng đá, hay bằng gạch theo hình bát giác, lục giác, hoặc hình vuông. Ví dụ như: tháp chùa Liên-Phái, tháp Rùa, (Hồ gươm), Tháp chùa Ninh-Phúc (Bút-Tháp), Tháp Từ-Nhơn tại chùa Thiên-Mụ (Tháp Từ-Nhơn dựng năm giáp ngọ, niên hiệu Thiệu-Trị thứ IV (1.844), có 7 tầng, cao 5 thước 3 thước 2 tấc (21 thước 28 phân), do Thống Chế Võ-Lâm Hoàng-văn-Hậu đốc công, và tốn hết hai năm mới xong. Đến năm 1.845 tên tháp đổi lại là Phước-Duyên Bửu-Tháp.) Gần đây, chùa Bắc-Việt tương tế (Bắc-kỳ nghĩa-trang Tân-son-nhất) cũng có xây một cái tháp nhỏ về bên phải cửa tam quan.

Ở Bắc-việt, tháp đẹp nhất là tháp chùa Ninh-Phúc (Bút-Tháp) xây toàn bằng đá cao bốn tầng. Trên vách đá tầng dưới đất có chạm vẽ nhiều cảnh trí rất linh động, công phu. Nơi khung cửa ra vào có hai trụ cột bằng đá chạm nổi hình giao long uốn khúc rất đẹp, giống như một bức tranh vẽ của Trung-hoa cõ in trong tập « Duyên châu phả chí ». Phương pháp chạm vẽ trên vách đá và bao lơn, người ta thấy những di tích cõ của Tàu cũng có rất nhiều, nhất là ở tỉnh Hồ-Nam. Đó là một ảnh hưởng của Ấn-Độ ở Á-Đông. Vì những quốc gia ảnh hưởng nghệ thuật Ấn-Độ đều có một gia tài điêu khắc trên đá rất dồi dào, vĩ đại. Ví dụ như : Miến-Điện, Cao-Miên, Java, Thái-Lan, Chàm v.v...

Tháp ở Việt-Nam có hai kiểu khác nhau:

1) kiểu tháp xây thấp (có khi bát đặc) nóc tròn, cong hình cánh cung, không có mái.

2) kiểu tháp xây cao (không bát đặc, có cửa ra vào) mái cong, nhọn.

Kiểu thứ nhất ảnh hưởng hoàn toàn của Ấn-Độ. Kiểu thứ hai của Trung-Hoa.

Ngày xưa : Ảnh hưởng Ấn-độ (tôn giáo, nghệ thuật) lan ra ngoài do 4 ngõ chính ở Cachemire và Bengale. Trong khoảng thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ VII theo ngõ Cachemire, ảnh hưởng Ấn-độ chia ra làm hai đường :

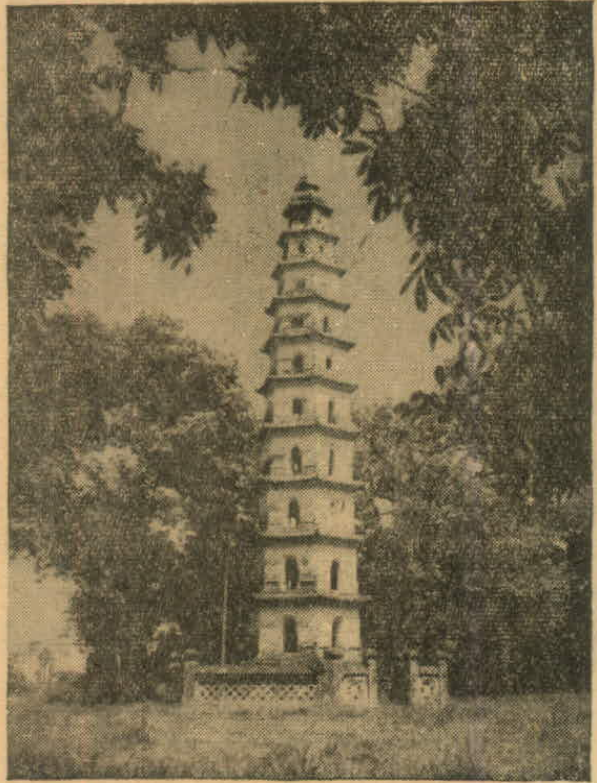
1). — Qua Ba-Tur và lan rộng đến các vùng Trung-Đông như Ai-cập, Á-rập.

2). — Qua Tân-cương. Vùng này là nơi phối hợp, môi giới của hai nền nghệ thuật Ấn-độ và Trung-hoa. Rồi từ Tân-cương ảnh hưởng Ấn-độ lan dần vào Trung- quốc đến tỉnh Sơn-tây. Ảnh hưởng này hoàn toàn có tính cách tôn giáo.

Nhưng từ thế kỷ thứ VII ảnh hưởng Ấn-độ đã mượn ngõ Bengale mà chia ra hai đường :

1^o) Ngược lên Tây-Tạng.

2^o) Xuyên qua vùng đồng bằng Gange lan tràn thẳng qua Miến-diện, rồi tiến thẳng sang vùng Quảng-đông, Quảng-tây và Vân-nam. Ảnh hưởng Ấn-độ lại còn tràn xuống Xiêm-la, đột nhập vào Cao-miên và qua Chàm, tức miền Nam Trung-Việt và



THÁP CHÙA LIÊN-PHÁI CAO 10 TẦNG

Nam-Việt ngày nay. Di tích hiện giờ ở Việt-Nam còn có những tháp : Hưng-thanh, Bình-định, Nha-trang, Mi-sơn, Đông-dương, Hoa-lai, Khương-mỹ v. v...

Còn ảnh hưởng Trung-hoa, ngay từ thời Triệu Đà tràn thẳng xuống Việt-Nam theo ngõ Bắc-Việt. Với tính cách thực dân, và dã tâm đồng hóa, tín ngưỡng nghệ thuật ở xứ này, từ Sĩ-Nhiếp, các chức Lạc-Hầu, Lạc-Tướng đã bị bãi bỏ để thay vào chức Huyện-Lệnh (B.T. lần 2) và tổ chức mỗi huyện thành một trung tâm văn hóa, chính trị với dụng tâm kiểm soát chặt chẽ mọi hành động quật khởi của dân

Việt và đồng thời hoàn thành cấp tốc chương trình đồng hóa.

Do đó, kiến trúc miền Nam đã có màu sắc khác với miền Bắc và phản ảnh rõ, nhất là những tháp chùa.

I.— NHỮNG THÁP ẢNH HƯỞNG AN-ĐỘ

Những tháp bát giác, lục giác hay vuông với nóc cong tròn thuộc ảnh hưởng Ấn-độ gồm có : những tháp chàm ở Nha-trang, Bình-dịnh, Mi-son, Hoa-lai, Đông-dương, Hưng-thanh, Tháp Rùa, tháp chùa Ninh-phúc (Bút-Tháp) tháp chùa Bắc-Việt tương tế ở Tân-son-nhất.

II.— NHỮNG THÁP ẢNH HƯỞNG TRUNG-HOÀ

Những tháp Việt-Nam ảnh hưởng Trung-hoa là những tháp chùa Liên-phái (tục gọi chùa Liên B.V.) cao 10 tầng, và tháp Từ-nhơn (chùa Thiên-mụ T.V) cao 21 thước 28 phân. Hai tháp ấy đều có nhiều mái cong, và cao hơn các tháp ảnh hưởng Ấn-độ.

Tháp Trung-hoa xây cao, nhiều tầng, càng cao càng nhỏ lại, có dụng ý tượng trưng cho sự sống; sự hoạt-dộng của con người. Ngoài ra còn mục đích cầu mong, ước ao sau khi nhắm mắt qua đời con người sẽ được siêu thăng.

Tháp Trung-hoa cũng như mọi kiến trúc khác đều có hai đặc điểm

- 1°) Xây nhiều tầng mái.
- 2°) Mái chìa ra ngoài.

Đặc điểm thứ nhất : xây nhiều tầng mái, kiến trúc sự Trung-hoa dụng ý tránh khí hậu nóng. Đặc điểm thứ hai : Mái chìa ra ngoài, để tránh mưa.

Kiến trúc Nhật-bản cũng giống Trung-hoa trên hai điểm ấy, nhưng để tránh hiểm họa động đất, người Nhật còn có một đặc điểm thứ ba là không nề nền và không xây tường bọc xung quanh nhà.

Tháp chùa Việt-Nam cũng hoàn toàn giống Trung-hoa trên hai điểm đó, nhưng mái tháp Việt-Nam ít cong hơn, vì Việt-Nam có nhiều mưa.

Qua những nhận xét đã trình bày trên, chúng ta có thể kết luận : Tháp chùa Việt-Nam có hai sắc thái riêng biệt rõ ràng, biểu hiệu cho hai luồng ảnh hưởng Trung-hoa và Ấn-độ đã gieo khắp trên đất nước này.

Xóm Nam-Long XII 1957.
TỪ QUYẾN
ĐẶNG-VĂN-NHÂM





Parker 61

Bút máy đẹp nhất bên mọi trường thông của thế giới.

Một phẩm trở nên rất sành sử dụng đơn giản hơn của bút máy Parker 61 chỉ thành một tặng phẩm bị tưởng đến. Chỉ cần hoàn toàn để trên bút máy Parker 61, không cần máy lấy trong tờ giấy, bởi vì sau khi tẩy xóa, bút này không có dấu vết của bất kỳ loại mực nào.
 Muốn mua bút máy Parker 61 là một loại của các hàng phẩm mỹ nghệ tốt và người đã nhận được cái đẹp của phẩm chất đó.



Ở Việt Nam có bán tại các hiệu sách và văn phòng phẩm ở các thành phố lớn.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

CH-11



A.P. 56

CHÀNG VÀ NÀNG

Võ-Phiến

NẾU mà cứ mãi mãi được viết truyện tình, làm thơ tình đề các nhà đạo đức than phiền rầy trách thì cũng vẫn là điều may mắn. Vì dẫu sao một thời kỳ mà văn nghệ sĩ chỉ thấy có ái tình là đáng nói, quần chúng chỉ thấy có ái tình là chuyện đáng nghe, thời kỳ ấy chắc phải yên ổn. Nếu cuộc sống xã hội chẳng thực bình an tốt đẹp, thì ít ra trong tinh thần mọi người cũng có chỗ khá thanh thoi. Chứ còn như trong những năm thảm khốc, gây cản mà chúng ta vừa trải qua và hiện còn đang sống đây, nếu vẫn cứ lái nhái những *chàng* và *nàng* thì phải là một hiện tượng chậm trễ. Hoặc người ta cố tình làm lơ trước thực trạng, tìm lối khuây khỏa, hoặc là chưa ý thức được hoàn cảnh mình đang sống. Chẳng ai muốn trông thấy sản phẩm tinh thần nhạt nhẽo của một thể hệ không có ý thức về thời đại mình, cho nên ai cũng trông chờ những dấu hiệu mới trong văn-nghệ-phẩm.

Tôi nghĩ rằng sự cố ý cự tuyệt *chàng* và *nàng* trong năm ba tác phẩm gần như đây có thể xem là một trong những dấu hiệu đó.

Năm ngoái Mai-Thảo xuất bản *Đêm già từ Hà-nội*, nhân vật cả nam lẫn nữ nhiều người hãy còn trẻ, thực đáng mặt *chàng* và *nàng*. Nhưng đối với Phượng, với Vững, với Hóa, Nam, Hoàng v.v... tác giả đều xưng là anh. Đối với những cô con gái tiểu tư sản đang yêu đương thì tác giả xưng tên, những người thuộc tầng lớp lao động thì xưng chị. Đó chẳng phải là một lối xưng hô ngẫu nhiên. Vì trong suốt quyển truyện ngắn *Tháng giêng cỏ non* vẫn thấy Mai-Thảo giữ nguyên cách ấy.

Nếu riêng có Mai-Thảo thì cũng có thể ngờ rằng chỉ là chuyện lập dị, một trường hợp tình cờ, một cố gắng cho độc đáo. Nhưng tôi thấy rằng trong hai cái truyện dài dằng một lượt trên những số Văn nghệ tiền-phong đầu tiên là *Đôi lứa của Nguyễn-Phúc* và *Mưa gió miền Nam* của Tạ-quang-Khôi các tác giả cũng nhất định tránh chữ *chàng*. Trong đó người ta cũng riu ra riu rít yêu nhau, các cô con gái vẫn được gọi là *nàng*, nhưng hai người con trai chính trong truyện thì được xưng là anh, còn những kẻ khác gọi là y, là hắn.

Trong *Báo rừng* của Nguyễn-văn-Xuân không có một *chàng* nào, mà đến *nàng* cũng không có, tuy rằng có thiếu nữ và có ái tình.

Như thế có gì đáng nói, nếu tình yêu vẫn còn, mà chỉ khác có tiếng xưng hô? Tôi cho rằng chuyện xưng hô ở đây có thể quan trọng. Vì yêu đương thì ngoài cuộc đời lúc nào chẳng có yêu đương mà có bao giờ trong ngôn ngữ chúng ta dùng đến tiếng *chàng* và *nàng* đâu? Hai tiếng ấy là những tiếng của văn chương, những tiếng chỉ dùng trên sách vở. Hai tiếng ấy gọi lên là như đầy ngay nhân vật ra khỏi xã hội thực này, mà đi vào cái thế giới mơ mộng của tiểu thuyết tình cảm, của ái tình cao khiết. Những *chàng* và *nàng* là sinh ra chỉ để yêu nhau. Gọi nhân vật mình bằng *chàng* và *nàng* là chỉ muốn chú ý về một phương diện sinh hoạt của họ mà thôi: cái phương diện sinh hoạt ái tình. *Chàng* với *nàng* là thế đó. Nhưng trong thực tế phũ phàng của giai đoạn này, phương diện sinh hoạt ái tình không thể tiêu biểu cho cuộc đời của con người trong xã hội ta. Không gọi *chàng* và *nàng* nữa, cự tuyệt một thói quen xưng hô hết sức phổ thông của thời kỳ văn học vừa qua, các tác giả ấy hình như đã nhận thức rằng trong cuộc sống ác liệt ngày nay, những phút sống *chàng* và *nàng* chỉ thoáng qua cuộc đời hành động kham khổ và đầy suy tư của nhân vật mình, và những phút đó thiếu đi rất nhiều thơ mộng để có thể đi đôi với hai tiếng đại-tự kia.

Người Việt chúng ta không có một tiếng đại-tự ngôi thứ ba có thể tổng xưng mọi hạng người (như một tiếng «*il*» của Pháp hay một tiếng «*tha*» của Tàu chẳng hạn). Ta gọi ngôi thứ ba bằng bao nhiêu là tiếng

khác nhau: ông, bà, anh, chị, cô, y, hân, gã, ngài, người, thầy, chàng v.v... Ta bày tỏ trong tiếng xưng hô, mối liên hệ giữa người nói với nhân vật được nói đến, ta thờ lộ cả thái độ trọng vọng hay khinh khi, cả sự nhận xét của người nói trong một tiếng ấy. *Chàng* và *nàng* là những con người nhìn riêng về phía ái tình. Trong cuộc giao tiếp hàng ngày từ thế kỷ này qua thế kỷ nọ chúng ta không cần đến hai tiếng ấy vì khi nói chuyện không mấy khi có ý tạo nên một không khí riêng cho cuộc sống thuần ái tình của nhân vật như khi nhà văn lãng mạn xây dựng một cuốn tiểu thuyết ái tình. Thế cho nên, đến khi ta dùng văn chương vào các chuyện chép sử, bàn triết lý, ta cũng không cần đặt thêm ra hai tiếng đại-tự mới. Chỉ bắt đầu từ thế kỷ trước, khi có những tác phẩm trong đó hoạt động chính là ái tình người ta mới có sáng kiến đặt ra *chàng* và *nàng*.

Thoạt tiên, tác giả những tiểu thuyết tình bằng thơ đầu tiên dò dẫm tìm những từ ngữ chuyên môn của tình yêu lãng mạn hãy còn sờ soạng ngập ngừng. Trong Phan-Trần, Bích-câu kỳ ngộ, Kiều v.v... người ta gọi người con trai có khi bằng *chàng*, mà cũng có khi bằng *sinh*. *Sinh* chưa phải là nhân vật chuyên môn của ái tình.

Đến khi lớp đàn anh của chúng ta làm văn chương, từ khi *Tổ-Tâm* ra đời về sau thì ta đã có hẳn hai cặp nhân vật chuyên môn của ái tình tiểu thuyết: *chàng* và *nàng*. Ta dùng hai đại-tự ấy thành thạo quá, quen thuộc quá, cho đến nỗi dần dần nhìn vào xã hội ta thấy ai cũng là *chàng* và *nàng*. Trong tiểu thuyết người ta xưng hô như thế bất cứ nhân vật nào còn trẻ tuổi.

Có lẽ ta sắp sửa dùng tiếng ấy trong các cuốn lịch sử danh nhân.

Cái thói quen dẫn đến sự lạm dụng ấy chứng tỏ một đặc điểm trong sinh hoạt tinh thần của lớp người vừa đi trước ta. Và nó cũng chứng tỏ rằng cái phản ứng của các tác giả cổ từ bỏ các tiếng ấy là quan trọng.

Trước đây trong thời kỳ toàn thịnh của ái tình cao khiết, tiêu tư sản, thì một anh Dững đi hoạt động cách mạng hiện ra máu me be bét mặt mày cũng vẫn cứ là một chàng. Mà đến bây giờ kể chuyện một cặp Phụng, Thu rủ nhau lên đường vào Nam sống với nhau mà Mai-Thảo không muốn gọi là chàng và nàng.

Trong tiểu thuyết có trai có gái thì cũng thường, như là ngoài cuộc đời có yêu có

ghen. Nhưng cái gì khiến cho một số văn nghệ sĩ bắt đầu cố ý hạ thấp tầm quan trọng của đời sống ái tình nhân vật tiểu thuyết, khiến họ ngại ngùng không muốn gọi các nhân vật thanh niên là chàng và nàng nữa, cái ấy phải chăng là một trong những dấu hiệu đặc biệt của thời kỳ văn học chúng ta ? Thời kỳ mà những lo âu cấp bách về thời cuộc, những băn khoăn về sự chọn lựa một hướng tin tưởng, bắt đầu tác động đến văn nghệ.

Và như vậy có lẽ nên ghi việc xuất hiện các tác phẩm như Bếp lửa, Bốn mươi... với những nhân vật đầy hoang mang thắc mắc của chúng làm một dấu hiệu thứ hai.

VÕ-PHIẾN

1-1958

« Tề kỳ gia, tại tu kỳ thân »

Giải thích câu : « Tề kỳ gia, tại tu kỳ thân » (Muốn sắp đặt tổ chức việc nhà, trước phải sửa mình), Đại học viết :

— Người ta đối với kẻ mình thân ái, lòng thường chệnh lệch ; đối với kẻ mình khinh ghét, lòng thường chệnh lệch ; đối với kẻ mình kính sợ, lòng thường chệnh lệch ; đối với kẻ mình thương xót, lòng thường chệnh lệch ; đối với kẻ mình ghê tởm, lòng thường chệnh lệch. Cho nên trong thiên hạ ít người biết cái xấu xa của kẻ mình yêu và cái tốt đẹp của kẻ mình ghét.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới



Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



TRUYỆN NGẮN

GIỌT NƯỚC MẮT TRÊN DƯƠNG CẦM

VŨ HẠNH

HỒI còn đang lang thang tìm việc ở Đô thành, tình cờ tôi được gặp một người bạn cũ mời dạy dương cầm cho con anh ta.

Từ đây một tuần ba buổi, tôi đến nhà anh, một biệt thự xinh xắn nằm trong một khu vực yên tĩnh của thủ đô.

Tôi còn nhớ rõ những cảm giác vừa tươi sáng vừa mệt nhọc buổi ban đầu khi qua khỏi cái cổng kiến trúc theo lối Nhật, sơn màu đỏ tươi, phủ đầy hoa tím, men theo những lối đi rắc đầy đá trắng nhỏ vụn, sào sạo dưới đế giày đã mòn nhẵn, dọc theo những hàng cây kiềng xinh tươi, bước đến

một căn phòng gọn gàng, quét vôi xanh nhạt, dành riêng cho những buổi dạy. Bao giờ cũng thế, vào nhà tôi đã gặp người học trò độc nhất của tôi ngồi chờ bên chiếc dương cầm. Đó là một em gái nhỏ, khoảng chín mười tuổi, tóc hoe vàng, cặp mắt dịu hiền, khuôn mặt thon thon mà màu da trắng xanh càng làm tăng thêm vẻ ốm yếu của một vóc dáng gầy gò. Em chăm chú nghe lời tôi giảng giải về những điều thường thức nhập môn, ngoan ngoãn như một người con nghe lời cha dạy và vẻ thành kính trong cử điệu của em khiến nhiều khi tôi có cảm tưởng là đang đứng trước một tín đồ mộ đạo. Em có một tối học tập siêng năng, đứng đắn, khó tìm thấy trong những em nhỏ cùng lứa tuổi non trẻ ấy. Vốn có một bản chất dễ cảm và một năng khiếu thông minh đặc biệt, em hoàn toàn thích ứng với âm nhạc, hình như em cũng cảm thấy, bằng một trực giác tự nhiên rằng đó là món ăn thiết yếu của đời em. Em học say mê, chăm chỉ, cần cù. Thực ra những nhận xét trên đây mãi về sau này tôi mới có dịp để tìm hiểu rõ ràng. Còn lúc đó, tôi chỉ nhìn thấy em một cách mơ hồ, bởi vì tôi không bao giờ chú tâm đến người học trò nhỏ bé trong lúc chạy việc tạm thời. Đôi khi tôi cũng hơi ngạc nhiên về sự tiến mau lẹ của em, nhưng rồi mỗi ngạc nhiên ấy thoáng qua, nhường chỗ cho những nỗi lo lắng khác chi phối tâm hồn.

Vào những buổi dạy, trong khi người học trò nhỏ ôn lại những bài tập, tôi ngồi trên chiếc ghế tựa cửa sổ nghĩ ngợi lẩn man... Những âm thanh còn ngượng ngập, những nhịp điệu còn so le lúc ban đầu dội lên trong phòng, khuấy rộn ở lòng tôi bao nhiêu suy nghĩ băn khoăn. Những giờ dạy ấy đối với tôi chán nản làm sao! Cả cái

khung cảnh sáng tươi bên ngoài cũng như êm dịu bên trong đều như xa lạ với tôi. Đôi khi tôi cảm thấy thấm thía sự lạc loài của mình trong một nếp sống sang trọng và tôi tự hỏi tại sao mình lại dạy nhạc ở một nơi đáng ghét thế này, một nơi mà mỗi viên gạch vuông, mỗi hòn sỏi trắng đều sạch sẽ như một cuộc sống không lo âu. Tôi ngược nhìn thời gian trôi chậm chạp bên cạnh cái xuân không phai tàn của cô gái Tàu lộng lẫy khoe duyên trên tấm lịch, rồi âm thầm, tôi làm lại bài toán nhỏ trong óc, — một vài phép nhân đơn giản —, để tổng kết cái số tiền hàng tháng thu lượm qua những buổi dạy buồn tẻ này. Số tiền nhỏ mọn kia tôi đã chán biết là bao nhiêu rồi, nhưng thường lệ những tư tưởng của tôi, sau khi vờ vờ lượm qua khắp nẻo, lại quay về với nó, hình như bao giờ tôi cũng phải nghĩ ngợi thêm về nó để tìm ra những chân lý mới của cuộc đời.

Nhưng đến lúc ý nghĩ lập lại cái vòng lẩn quẩn của sự chán nản tôi mới bắt đầu nhận thấy người học trò của tôi bé nhỏ quá, ốm yếu quá, khô đại quá. Sao không phải là cô gái mười bảy, mười tám dương xuân, hờ hớ dậy thì, mà tiếng đàn sẽ l m rung chuyển cả tâm não. Hay là một nàng đã quá tuổi xuân đi tìm khuấy lãng trong âm nhạc, cõi lòng đang còn thao thức những rung động sôi nổi mà tiếng đàn sẽ khêu gợi dậy chứ không thể làm cho im đi. Như thế, với cái khung cảnh êm dịu vắng vẻ này, tôi có thể tìm được cái hào hứng để ôn lại những bản đàn mê hoặc ngày xưa, dệt nên những mối tình thơ mộng, tìm một ý nghĩa cho cuộc sống bấp bênh này.

Tôi lo nghĩ ngợi như thế suốt buổi dạy, tìm sự thỏa mãn bằng hưởng thụ trong

thế giới của không tưởng, để rồi khi bước ra về, với tay lấy chiếc mũ đã cũ nhàu, nhìn thấy thời gian nặng nề và cô gái Tàu duyên dáng trên tấm lịch, tôi lại ngao ngán trên những lối đi sào sạo dưới gót giày mòn nhẵn.

Một buổi chiều, như thường lệ, tôi lại đến phòng dạy bên cạnh người học trò bé nhỏ độc nhất của tôi. Ngón đàn của em đã thạo và em bắt đầu tập đến những bản hoà điệu. Tôi sẽ cho em đi qua tất cả bài tập của sách và như thế tôi sẽ có rất nhiều những giờ phút thong thả nghỉ ngơi... Như thường lệ, sau khi treo chiếc mũ lên mắc, lếc nhìn thời gian và cô gái Tàu trên lịch, tôi lại trên mặt bàn vở lấy quyển sách bọc bằng lớp giấy hồng tươi đặt ngay ngắn trước mặt em bé, vội vàng giờ ra, lấy cây bút chì màu, gạch dấu treo bên góc một bản hòa điệu ở một trang bên cạnh bài cũ.

Trong khi em bé bắt đầu đánh thức dậy những âm thanh của chiếc đàn trầm lặng thì tôi lại gần cửa sổ mơ màng...

Tôi không còn nhớ tôi ngồi như thế được bao lâu thì tiếng đàn dừng lại và giữa cái im lặng lạnh lùng của gian phòng tôi nghe tiếng khóc nức nở của em bé. Tôi quay lại hết sức ngạc-nhiên nhìn thấy đầu em cúi xuống rung chuyển từng hồi cùng với đôi vai gầy gò, theo những tiếng nấc. Tôi cảm thấy khó chịu hết sức. Ngồi thẳng dậy, tôi hỏi :

— Ái, việc gì mà cháu khóc ?

Em bé như muốn nén tiếng khóc, nhưng càng ép lòng em lại càng nức nở. Tôi đến gần, cảm thấy thương hại :

— Tại sao cháu lại không nói ? Việc gì mà cháu khóc ?

Em hơi ngừng đầu lên nhìn tôi, cặp mắt em mờ lệ, rồi lại cúi xuống. Sự im lặng càng khiến cho tôi muốn tìm hiểu. Tôi lại bắt đầu cảm thấy trách nhiệm của mình, tôi đến lay nhẹ vai em, cố hỏi một cách thân mật :

— Tại sao Ái lại khóc ? Ai làm gì mà Ái khóc ? Chú có la Ái lần nào đâu ?

Bây giờ tuy em đã nín nhưng tiếng ầm ức vẫn còn. Tôi đứng yên lặng bên em, trong lòng cảm thấy khó hiểu. Bao lâu nay, trừ những câu nói giảng dạy và sai bảo cần thiết lật vạt, tôi không quen nói chuyện với người học trò mà tôi xem như còn quá dại khờ. Tôi không hiểu được em với cái tâm trạng kỳ quặc này. Tôi cúi xuống, bảo :

— Thôi, cháu hãy đi xuống nhà rửa mặt rồi sẽ lên học.

Em bé ngoan ngoãn vâng lời. Tôi lại chiếc ghế, càng thấy bực dọc vì không thể tìm hiểu. Tôi cố gắng một cánh phiến bực giải thích cái tâm trạng ấy và sau cùng kết luận rằng đây là sự trái chứng của những trẻ con được nuông chiều và bệnh hoạn.

Một lát sau, Ái đã đi lên và ngồi lại cạnh đàn. Những nút bấm bắt đầu gọi lại âm thanh một cách dè dặt. Nhưng khi tiếng đàn đã dần trải trong yên lặng dịu dàng của căn phòng thì những tiếng nức nở cũng hòa theo. Sau cùng tiếng đàn ngừng bật, và đầu em gục xuống, hay tay gầy nhỏ bám lấy thành đàn.

Tôi vừa tự bảo : « Đây, lại khóc rồi » . Nhưng những sự trạng vừa qua tưởng như đã giúp tôi thấy được sự thực. Tôi lại gần, hỏi rất vội vàng :

— Có phải tiếng đàn làm cháu khóc không ?

Em đáp lại trong nước mắt :

— Thưa chú, bản nhạc buồn quá...

Nhưng tiếng nói thấm đẫm nước mắt ấy thực đã làm tôi sững sờ. Những tiếng ấy xoáy mạnh trong lòng tôi như lướt qua những rung động cạn cợt để tìm sâu vào cái phần xúc cảm bên trong của một con người biết suy nghĩ. Trong một thoáng, tôi thấy tất cả sai lầm của việc tôi làm. Người học trò, bản nhạc, tiếng đàn đối với tôi từ lâu nay hết sức xa lạ. Trong khi người học trò của tôi đem hết tấm lòng thơ ngây vào bài học, vào nghệ thuật, thì tôi mắc bận tâm vào bao nhiêu cái nhỏ nhen của cuộc đời. Sao lại bắt em bé trong trắng phải chịu dày vò vì những tình cảm cách xa em không biết bao nhiêu chặng đường, những tình cảm mà em không thể hiểu biết, có thể đi cho đến lúc trọn đời em không bao giờ tìm gặp, nếu sự sống ngày mai sẽ xóa bỏ được hết những uất khổ dai dẳng hành hạ con người từ bao nhiêu thế kỷ. Chính cái sự dạy dỗ mua bán này đã bắt tôi đem tấm lòng vẫn đục để phủ nhận những sự thực lớn lao trước mắt. Tôi đã vì tự ái, vì ghét ghen, vì thành kiến, hoặc đã vì những hình thức lẻo loẹt của cuộc đời lung lạc để không nghĩ đến cái nhiệm vụ thiêng liêng của một nhà giáo dục, của sự truyền cảm trong nghệ thuật, của một kẻ đàn anh đối với em nhỏ thơ ngây. Tôi bỗng ý thức được sự thấp kém của mình. Tiếng khóc như có phép bùa đã tước lột được cả cái bên ngoài biến đổi, che đậy, để lộ nguyên hình cái cá nhân ti tiện trong tôi. Có gái trên tấm lịch như

vô duyên hẳn đi, và thời gian trên xấp giấy mỏng manh như quá sức vội vàng. Có lẽ nào con người thực của chúng ta phải được thúc đẩy bằng nước mắt để xây dựng tiếng cười, niềm vui cho tương lai.

Tôi rút cây viết chì màu, gạch chéo lên tất cả bản nhạc rồi vuốt tóc người học trò nhỏ, ôn tồn tôi bảo :

— Thôi, chúng ta sẽ không dùng bản nhạc này nữa. Mỗi buổi chú sẽ chọn lọc bài nào hay hơn, vui hơn để cho cháu đàn. Hôm nay, chúng ta nghỉ sớm. Cháu lau nước mắt và ra ngoài chơi đi.

Tôi đứng nhìn em nhẹ nhàng ra khỏi dãy hiên và cảm thấy cả cái khối nặng nề của tòa nhà, cái khối bao la của cảnh vật bên ngoài như quá to lớn đối với cái vóc người bé nhỏ kia. Nhưng cả những khối ấy không bao giờ có thể làm hủy diệt cái thân hình mong manh kia được. Chính những cảm xúc buồn bã, sa đọa của cuộc đời do bàn tay của những kẻ tự gọi là hướng dẫn giáo dục, truyền bá nghệ thuật mới có thể bề gãy những tâm hồn như thế, những tâm hồn tốt đẹp có thể sẵn sàng rung động với bao nhiêu nhịp điệu lớn lao của cuộc đời.

Và, mãi đến bây giờ, mỗi lần nghĩ đến sự mua bán trong phạm vi giáo dục, nghệ thuật, tôi lại cảm thấy vô cùng xấu hổ vì những giọt nước mắt của người học trò nhỏ vẫn còn sáng lóng lánh trong hồn tôi, tỏa chiếu cái sự thực luôn luôn đòi hỏi vươn cao lên của ý thức con người.

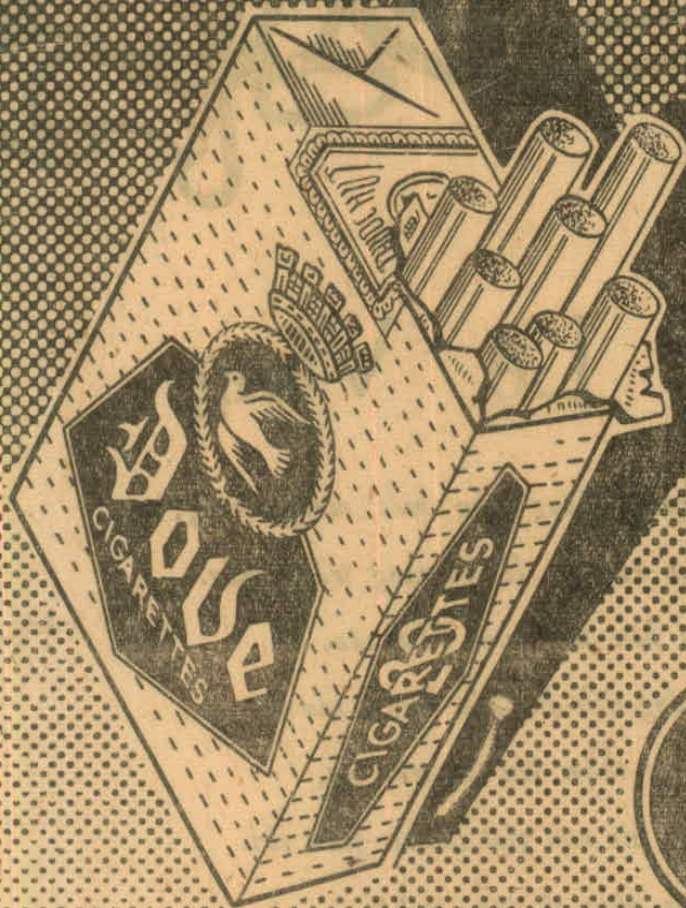
VŨ-HẠNH



Lê Vàng

Sương giăng màn biếc mang mang,
Run run sao lẻ, vờ vàng trắng thâu.
Ru hồn ma lạnh đêm sâu,
Tiếng tiêu diu diu đượm sầu bao la...
Nhạc thăm lên tận trời xa,
Điêu hiu một giọt sao sa giữa vờ.
Nào nùng vũ trụ im hơi,
Nghe đêm buồn bã thăm rơi lệ vàng...

DOUSE



15⁸

Thuốc thơm hảo hạng

TIẾNG HÁT CỦA HÀ-LỆ-UYỄN

A. de LAUWEREYNS de ROOSEDAELE
YÃ HẠC và TRINH NGUYỄN dịch

Lời giới thiệu.— *Truyện cổ này rất được truyền tụng ở miền FLANDRE bên Âu-châu. Nhưng sự tích thuật trong ấy, vào thuở nào, ở nơi nào mà chẳng thể xảy ra? Sự chớm nở của một tâm hồn phong nhụy, sức cảm dỗ của những lời hứa hẹn, dấu răng đôi trái, nhưng được thốt ra một cách ngọt ngào ở miệng một người hơn hẳn thanh xuân, sự say đắm của lòng khêu nữ khi nghe thấy lần đầu tiên những điệu hát siêu phàm của thần Ai-tinh, sự tình ngộ hiếm có của một oài thiếu nữ trước thái độ lịch kỳ tham lam của kẻ quyến rũ, cái ý hướng của những người trong trắng muốn giữ dấu vết của những kinh nghiệm đau thương, lòng khoan dung của cha mẹ đối với những lỗi lầm của nhi nữ trong cuộc sống tình cảm, tất cả những điều ấy đều được chung đúc tới mực tuyệt diệu trong truyện « Tiếng hát của Hà-Lệ-Uyển », truyện của muôn nơi và của muôn đời.*

Bản dịch này liệu có thấm được một thoáng hương bàng bạc nào, có truyền được một chút sức gợi cảm lâm ly nào của nguyên văn hay không?

Người dịch

TIẾNG hát của Hà-Lệ-Uyển, sao mà hay đến thế! Hễ tiếng hát đó lọt vào tai một người thanh niên bất cứ giờ nào, thì dầu đương bận việc, y cũng ngừng tay, hoặc dầu đương ngủ, y cũng choàng tỉnh dậy. Đương ở nhân gian, y sẽ được đưa vào thế giới thần tiên, và lặng yên không nhúc nhích, như trong giấc mơ, y sẽ thờ thần bồng mình trôi theo sức lôi cuốn của tiếng hát tuyệt trần đồng vọng tự rùng xa.

Tiếng hát của Hà-Lệ-Uyển, sao mà ngọt đến thế! Người thiếu nữ nào trót lỡ lắng nghe tiếng hát ấy, dầu chỉ trong khoảnh khắc, trong một hơi thở, cũng sẽ rụng rời buông rơi kim chỉ, buông rơi cái thoi. Nàng sẽ thẳng người đứng lên, và trong giấc mơ, nàng sẽ nhắm nghiền mắt lại, dưới thẳng tay ra, mà đi theo định mạng huyền bí. Người ta không bao giờ trong thấy nàng nữa.

Còn trẻ con, dẫu đương quay quần nhảy múa, mà thoáng nghe tiếng hát của Hà-Lệ-Uyên, thì cũng sẽ ngừng chơi lập tức. Cau mày, há miệng, đưa một ngón tay út ngó ngàng lên trời, chúng sẽ xếp thành hàng, cùng nhau tiến về phía lùm cây đương lay động dằng xa. Và chúng sẽ khuất bóng dưới chòm lá. Nào ai biết được chúng đi đâu. Nhưng chúng chẳng bao giờ trở lại.



Thuở xưa, bên bờ biển xám, thơm lừng và hung bạo, dưới bầu trời vẩn vù, có một nàng Công-chúa mà các thi nhân đều ca tụng là đẹp, một thứ đẹp mảnh mai, mạnh khỏe. Trong thân thích, ai cũng yêu mến nàng bởi nàng vừa yêu kiều vừa lộng lẫy, mắt trong ngần mà hồn cũng trong veo.

Bao nhiêu chiến sĩ anh dũng mơ ước được nàng làm vợ, nhưng không ai dám ngỏ lời. Nàng có tò vò gì gọi là đề ý đến người nào đâu ? Bao nhiêu âu yếm chứa trong mắt nàng, nàng đều trút cả cho những ngọn lửa đốt trong lò sưởi chiều hôm, vươn mình lên cao mà nhảy múa chập chờn. Nàng đưa thẳng cánh tay về phía lửa, lòng nhẹ nhàng vui lúc nhận thấy hai bàn tay hóa ra trong suốt chẳng khác gì hai đóa hoa tự nhiên đầy nhựa sống đời dào. Rõ ràng là nàng thích lửa hơn bất cứ cái gì, bởi lửa thanh cao và biến huyền như những giấc mơ của nàng.

Nhưng nàng còn thích gió nữa. Đôi khi nàng đi ngược lại chiều gió, với cả tấm lòng thành triu mến, tưởng chừng đi đón người thân. Nàng đem sức gãi độ cùng sức gió, mà khi chống lại nổi sức gió cuồng bạo, nàng thấy thích vô cùng. Những lúc ấy, mái tóc nặng trĩu vô phảnh phạch vào mình nàng nhún bóng như mai.

Và nàng còn thích, bất cứ mùa nào, cũng một mực dạn dĩ bước xuống sóng biển, mà lội sỏi hằng giờ, lội một cách khoan thai bình tĩnh.



Một hôm, ngồi lắng nghe biển động rì rào trong một vỏ ốc màu hồ phách, nàng chợt nghe thấy tiếng hát vọng từ xa của Hà-Lệ-Uyên.

Chàng hát :

— Hỡi trinh nữ có gương mặt thanh tú, có tóc dài mềm mại kia ơi, nàng muốn làm hoàng hậu xứ tôi không ? Nàng chỉ có một việc theo tôi về cái xứ đầy cây cao bóng mát kia mà tôi đây là chúa tể toàn năng.

Cồ hống như ghen, đôi mắt bóng dưng đâm ra mơ màng, nàng ngồi yên một chỗ, đầu hơi nghiêng nghiêng. Rồi kể đó nàng thông thả đứng dậy đi tìm cha.

Nàng nói : « Thưa cha, mới hồi này, Hà-Lệ-Uyên đã hát cho con nghe ».

Vua cha giạt mình nói :

— Thế mà con gái của cha vẫn còn ở đây. Thì cha xin cảm ơn Trời Phật. Bởi cái việc thiếu nữ ngày thơ lần đầu tiên nghe hẳn ta quyến rũ mà không vội theo hẳn, đây mới là lần thứ nhất trên đời. Thôi bây giờ, con nên đừng có nghĩ vẩn vơ đến việc ấy nữa.

— Thưa cha, con tài nào quên được. Hiện giây phút này đây, con vẫn còn tưởng như nghe lạnh lạnh bên tai giọng hát trầm êm của Hà-Lệ-Uyên. Con không nghe thấy gì khác hơn nữa cả. Tiếng chàng lan rộng khắp không gian và rung động quanh mình con, như một đàn bướm vàng bay lờn vờn.



Chiều hôm sau, nàng đương ngồi trên đụn cát, tần mần gióc tóc lại, thì tiếng hát bỗng hóa ra gần gũi hơn, hát vang lên trong chính lòng nàng.

Tiếng hát như rằng :

— Thiếu nữ ơi, xin mời nàng đến xứ tôi có muôn hương thơm ngát. Nàng ở lại với thân quyến làm gì ? Nàng chẳng bao giờ thấy sống như thế buồn tẻ lắm sao ? Người ta đãi ngộ nàng như một đứa bé. Các anh nàng giông thuyền đi bốn biển, không cho nàng đi theo. Nàng ở lại với bọn tì nữ tầm thường, và như họ, nàng vẫn phải canh chừng từng phút những món thịt rừng trên lò, những món thịt để cho gần xôi rồi mới đem xào nấu. Nếu chịu theo tôi, nàng sẽ sống một cuộc đời khác hẳn. Đôi ta sẽ cùng nhau đi du ngoạn những xứ nàng chưa từng đặt bước đến bao giờ. Có hàng vạn thứ chim mà cách bay nhảy nó đùa sẽ khiến nàng lạ mắt, có bao nhiêu dị thảo kỳ hoa, và bao nhiêu dòng suối róc rách. Tôi sẽ chọn những nữ lang đẹp nhất xứ tôi cho làm thị nữ hầu nàng. Và sẽ có hàng trăm đứa bé cầm hoa tưởng vì rút từng cánh cho rơi nằm dưới mỗi bước nàng đi. Nàng không muốn thấy mặt tôi, không muốn nghe tiếng tôi từ sáng đến tối sao ?

Tiếng chàng đã bật mà nàng còn nghe thấy dư âm. Bóng hoàng hôn xuống, nàng vẫn không hay. Mẹ nàng lo sợ đi tìm nàng.

— Trời tối rồi, mà con gái của mẹ còn làm gì trên cát lạnh đó ? Con lại đây, về với mẹ.

— Thưa mẹ, xin mẹ hiểu giùm con. Nay giờ con mãi nghe lang quân của con ngỏ ý muốn dẫn con đi. Người ấy

là Hà-Lệ-Uyên mà con đã dẫn đo lựa chọn; xin mẹ thuận tình cho.

Bà mẹ run bầy bầy mở nút áo choàng dương mặc, khoác một vạt lên mình con, rồi quàng tay ôm chặt nàng vào người bà, diu nàng vào tận phòng riêng của nàng.



Ấy thế mà hôm sau người nữ lang ngoan cố vẫn đứng đĩnh đi ra bãi biển như thường.

Chưa bao lâu, tiếng hát đã từ đâu vọng lại.

— Hỡi thiếu nữ nhát gan, như nàng không muốn cùng tôi kết bạn trăm năm, thì cũng xin tùy ý. Nàng hãy ở lại đây đi, để ứng một tướng giặc vũ phu nào đó, tóc hoe hoe và hôi như tồ cú. Nàng hãy lo kỳ rửa bàn chân thô kệch của hần, lo thoa dầu vào cánh tay nõn gân xanh chằng chịt của hần, rồi hãy nghiêng tai hứng lấy những lời xướng của hần. Nhưng nàng nên nhớ rằng đã lắng nghe bài hát của tôi, thì nàng quyết sẽ không bao giờ tìm thấy hạnh phúc bên cạnh một người nào khác được. Lời ca của tôi giờ khắc nào cũng sẽ đến quấy nhiễu đời nàng, và xin nàng hãy rán chịu đựng sự đầy ải trường kỳ đó. Lời ca của tôi sẽ mãi mãi len lỏi vào cuộc sống của nàng; những buổi sáng, lúc nàng đứng ngắm biển khơi, nó sẽ tràn lan từ đỉnh trời cao cho đến tận chân mây mặt nước, những buổi trưa nó sẽ luồn vào khoảng trống ở giữa miếng ăn nàng đưa lên môi và cổ họng khô khan của nàng; và sau hết, những chiều hôm tắt nắng, lúc nàng thẩn thờ đi dạo với chồng nàng trên bãi,

nó sẽ len vào giữa bóng nàng và bóng hân, ngã dài trên cát lộng ánh trăng mờ.

Nàng khẽ rùng mình đứng dậy.

Nàng thoáng thấy chiếc thuyền buồm của anh dương lướt sóng tiến về phía nàng. Dưới khoang thuyền có một cái rương to đầy ắp. Khi thuyền còn xa, y đưa tay trở cái chiến lợi phẩm đã cướp được trong chuyến đi sau cùng ấy đề khoe với nàng.

Nàng cất tiếng la lớn :

— Anh cứ việc lên đĩnh trên biển cả cho nó thỏa lòng anh ; chắc anh tưởng đâu em đại khờ phí cả tuổi xuân để đợi người trai râu tóc xồm xoàm mà anh sẽ dẫn về ép duyên em đấy phỏng ? Và dấu cho người ấy, mình có mướt mồ hôi trơn như mỡ đồ, giò có khằng khiu như giò quạ, anh cũng tưởng đâu em đành lòng đấy phỏng ? Không đâu, xin anh biết cho rằng trong lúc vắng anh, em đã tự ý chọn lấy một người chồng xứng đáng rồi.

— Thì em cứ việc ưng ý trung nhân của em đi. Miễn đừng làm rộn anh là được. Anh chỉ cầu xin em có một điều, là hãy rán giữ cái mũ công chúa, cái mũ vàng ròng của em, sao cho nó còn được đội chính tề ngay ngắn trên đầu em, mãi đến ngày hôn lễ.



Nàng đi về phòng riêng và cời y phục ra. Nàng lựa cái áo lót mịn nhất, cái áo dài đẹp nhất mà mặc vào. Trên ngực nàng, chiếc kiềng vàng lấp lánh. Vòng quanh cái đai thắt lưng, nàng không quên điem những hòn ngọc ngời sáng long lanh. Và ở cò tay, nàng đeo những chiếc xuyên khác thường, làm bằng những thứ xà cừ hiếm có.

Rồi nàng đi xuống tàu ngựa. Nghe nàng bước tới, lũ ngựa quay đầu về phía nàng, lộ vẻ khôn ngoan. Nàng chọn con tuần mã nàng từng biết là chạy nhanh hơn hết, rồi buộc yên cương vào nó. Nàng nhanh nhẹn nhảy lên lưng ngựa, lao mình theo mệnh vận, miệng không ngớt thời kèn vang dậy giữa đêm khuya.



Gần ven rừng đã có Hà-Lệ-Uyển cỡi một con tuần mã chực sẵn. Thoáng thấy nàng tiến đến, chàng khẽ rùng mình.

— Chàng ơi, chàng ơi, thiếp đến với chàng đây. Đờ ở cùng chàng mãi mãi. Chàng ở đâu ? Tuy chẳng rõ chàng là người thế nào, thiếp vẫn mạo hiểm tìm đến chàng. Và mặc dầu chưa từng trông thấy nhau, thiếp vẫn thầm yêu trộm nhớ chàng, chỉ vì đã được nghe chàng hát trước sau ba bận. Thiếp tìm đến chàng đây ; từ nay chàng là chúa của thiếp.

Từ dưới tàn cây rừng rậm, tiếng chàng đáp vọng ra :

— Anh đợi em đây, chỉ còn mấy bước nữa, là em đến gần anh. Và anh sẽ giữ em ở lại bên mình anh mãi mãi.



Lúc bốn mắt nhìn nhau, nàng thấy chàng đẹp quá, khiến nàng bất giác chấp tay lại mà rằng :

— Chẳng hay chàng cũng là người như thiếp, hay là một vị chân quân màu nhiệm nào ? Có phải chàng đã ra đời trong bọng cây cò thụ mà dân gian vẫn thường truyền khẩu bảo rằng trong ấy đến nay còn một vị tiên nhân ?

— Hỡi giai nhân tuyệt thế, con thiên nga mỹ miều nào đã chở em vượt trùng dương mà trôi giạt đến bãi diu hiu này ?

— Thiếp đã chào đời trong vùng duyên hải này, và lớn lên trên cát bãi. Ngày ngày chỉ quanh quẩn bên đường bọt nước trắng phau chạy dài theo mé, thiếp chưa từng biết vượt biển là gì ?

— Quả tình anh chưa bao giờ vẽ ra trong trí một gương mặt nào thanh tú hơn, một vóc người nào diễm lệ hơn em.

— Chớ phải chỉ chàng nhìn thấu được tâm hồn phong nhụy của thiếp. Chỉ những gì ở trong tâm thiếp mới là hoàn toàn tốt đẹp, đậm đà và dịu ngọt. Thiếp tưởng như nghe thấy trong lòng thiếp vang lên một điệu hát thân tiên. Thiếp đã biến thành một nhạc khí mà dường tơ rung rung huyền diệu chỉ là để hứng lấy tiếng hát của chàng, cho nó có phương tiện mà ngân dài, mà lan rộng khắp không gian vô tận. Hẳn chàng đã biết điều ấy chớ ?

— Phải, nhưng em ơi, nếu sau này anh sáng tác được một bài hát nào tuyệt diệu, thì chính em là nguồn cảm hứng của anh. Chính cái nhìn sâu sắc của em in sẵn vào trí não anh những lời ca không tiền tuyệt hậu đó. Ý nguyện em thế nào, hãy nói hết anh nghe.

— Thiếp không muốn yêu cầu chi hết ; thấy mặt chàng, nghe tiếng chàng và phục dịch chàng, ước mơ của thiếp chỉ có thế thôi. Thiếp định đem thân thiếp hiến cho chàng, hiến trọn vẹn không chừa lại mảy may nào cả.

— Lời nào của em cũng đều phù hợp với nguyện vọng của anh. Em nói ra, thì

anh khỏi nói, chớ ý anh quả là mong được em hiến mình trọn vẹn như thế. Phải hiến cả cuộc đời, cho đến hơi thở cuối cùng của em, có như thế mới thỏa lòng anh đó.

Họ cỡi ngựa đi song song, mà lòng vui như hội. Thậm chí vó câu nện xuống đường cũng gõ nhịp cho những lời chửa chan hạnh phúc mà họ thủ thi với nhau. Tiếng nói họ bỗng trầm họa điệu cũng như vóc mình họ sánh nhau cân đối nhịp nhàng. Thoạt trông thấy họ, ta cứ ngỡ là đôi lứa đầu tiên của một giống người mới, xinh đẹp hơn và tráng kiện hơn bất cứ chủng tộc nào tự cò chí kim.



Chàng nói : « Cuộc đời em sống bên anh, đâu em hãy tưởng tượng coi nó sẽ ra thế nào ? »

Nàng đáp : « Theo ý thiếp nghĩ, thì hành trình này chừng nào hết, chừng ấy đời ta sẽ đến xứ chàng. Ngay tự bây giờ, em như đã thoáng thấy một khoảnh đất trống giữa rừng già. Có ánh mặt trời lấp loáng. Chỗ chàng ở chắc chắn là một dãy đến dài cao rộng. Các chị em gái của chàng hẳn đang đợi chúng ta. Bao giờ đến nơi rồi, thì trong lúc chàng mặc áo cưới, hẳn chàng sẽ ký thác thiếp cho các cô ấy chứ gì. Chúng ta sẽ sum vầy với nhau, đúng theo nghi lễ xứ chàng. Rồi lúc tiệc tan, hẳn chàng sẽ dắt thiếp vào cung riêng của chàng, bỗng dựng lại thành của thiếp. Và kể từ bữa ấy, bồn phận thiếp là phải làm sao cho vị chủ nhân ông sẽ thấy nhà mình lúc nào cũng vui tươi ấm cúng.

— Bất luận trong cảnh ngộ nào em cũng vâng lời anh, phải không ?

— Dĩ nhiên là phải thế. Mà phần chàng: thì chàng sẽ trọng thiệp đây chứ ?

— Phận làm chồng là phải thế chứ sao em ».

Họ sánh nhau cùng đi, vừa đi vừa nói chuyện. Họ đi tới đầu, bông hoa tường chừng như nở tới đó khắp trên mặt đường. Và muôn chim sập sẽ bay theo họ tống.



Trọn một ngày trời đã trôi qua. Bấy giờ họ cho ngựa đi bước một. Từng mảng bóng đêm giăng mắc trong những chòm cành lá. Đôi mắt xanh của thiếu nữ như sâu thêm và trên mặt của chàng thanh niên anh tuấn dần hiện ra hai vật đen thẫm. Giữa sự yên tĩnh đang dần dần tỏa xuống, nàng khẽ rùng mình.

Chàng hỏi : « Em sợ gì thế ?

— Không phải sợ, mà chỉ là một đó thôi. Em muốn dừng lại đầu đây nghỉ một lát.

— Khoan đã em. Một chút xú nữa thôi, rồi thì em sẽ được hoàn toàn yên nghỉ ».

x x x

Rồi bóng đêm thình lình đổ xuống tối om. Giả sử Hà-Lệ-Uyển không thuộc đường đến nước có thể nhắm mắt đi mà vẫn không thấy khó, thì chắc hai người đã lạc lối. Một tay chàng cầm cương ngựa mình, còn tay kia thì nắm dây cương ngựa đồng bạn. Tiếng chàng nói reo lên vừa trong, vừa lạnh, như dải nước tuôn giá ngắt.

Rồi họ buông cương xuống ngựa; họ đã đến nơi. Trăng lên mờ sáng.

Người đẹp hỏi : « Những trinh nữ chàng nói là đương chực sẵn chờ thiệp, vậy chứ họ đâu rồi ? »

— Kia em ngược mặt lên xem.

Nàng thấy một gốc cây to, và dưới cành lớn nhất, có bóng vật gì đương treo lủng lẳng mơ hồ.

— Này, người đầu tiên đương hoan nghinh em đó.

— Chàng bảo sao ? Xác một người thất cổ kia mà.

— Em hãy dòm xích tới một chút.

Cứ mỗi cành cây đâm ngang, tường chừng như đều có một thứ trái to dài xanh nhạt, mà thật ra là một trinh nữ, áo rú trắng, tóc xỏa đen, cùng phất phơ trước gió.

Hà-Lệ-Uyển cất giọng êm dịu mà rằng :

— Em cung của anh đừng sợ chứ. Đây, em trông cô nào cô ấy cũng đều cười chúm chím, răng trắng ngời trắng, em thấy không; chính họ đương chờ em đó. Lát nữa đây em sẽ là nữ hoàng của họ. Em sẽ tham gia những trò chơi của họ bây giờ. Và anh sẽ đến thăm em ở chung cùng họ.

— Thiếp quả có nói là sẽ hiến mình trọn vẹn cho chàng, nhưng thật thiệp không dè chàng hiểu hai tiếng hiến mình theo cách ấy.

— Em đã tình nguyện hiến cho anh cả cuộc đời của em. Thì anh xin nhận lấy, mà cách nhận lấy này, anh cho là hay hơn hết ; vì chỉ có cách này là thỏa được lòng một người trai si mê một người gái, có phải thế không em ? Như thế thì lát nữa đây, em sẽ là của anh, sẽ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của anh.

« Anh muốn chàng có một ai đến đoạt em đi, đến rút em lìa khỏi mối tình độc

chiếm của anh, âu yếm rất nhiều mà cũng chẳng kém phần cương quyết. Muốn được thế, anh sẽ nhờ cái chết đến khép chặt đôi mắt đẹp có một màu xanh lạ thường của em lại, không bao giờ còn để cho nó đong đưa, cười nụ hay khóc thăm vì một giấc mơ nào khác hơn là giấc mơ say đắm đã xui giục em chọn nẻo về đây ».

Giai nhân nhìn chăm chăm vào mắt lang quân, và thủng thỉnh nói :

— Thiếp vui lòng chết vì chàng, chết cho chàng. Nhưng thiếp xin có một lời thỉnh nguyện. Như chàng đã biết, thiếp đâu sao cũng là con vua ; đây với chặc khiến cho thiếp càng thêm tội phận. Thiếp muốn chỉ có lưới kiếm là được chạm vào cò thiếp mà thôi.

Chàng khen : « Em thật là can đảm, và hiên ngang. Anh yêu em ngần nào thì cũng thần phục em ngần ấy. Thuở nay lúc sắp phải chết thế kia, thì bao nhiêu người khác ai cũng đều rên rĩ khóc than. Riêng em, chỉ có một mình em là nhớn nụ cười.

— Có gì đâu lạ. Thiếp ngắm chàng mà tâm thần ngây ngất, đến nỗi quên bẵng mệnh số của thiếp, chỉ vì chàng đẹp quá ! Với lại thiếp mãi lắng nghe tiếng nói mê hồn của chàng. Xin hãy để thiếp say chàng cho đến thác. Ở mà chiếc áo quàng này, ại đã quay tơ dệt hàng may nó mà được mềm tay đến thế ?

— Mẹ anh, chớ không ai lạ.

— Thế thì ường vô cùng. Chiếc áo quàng trắng tinh này là để ngời sáng lên trong ánh nắng vàng và trên nền lá biếc, chớ có phải là để cho máu cò

thiếp vậy be bết đâu. Chàng chịu khó cời nó ra đi.

— Em của lòng anh, em quả là một thiếu nữ lạ đời. Ai lại gần kề cái chết mà nói năng bình tĩnh đến thế được. Thật chưa từng có người nào nói chuyện được như em. Nhưng đâu em lạ đời, anh cũng sẵn lòng chiều ý mà lột áo ngay đây. »

Thế là chàng cời đai thắt lưng nặng trĩu ra. Và thanh gươm dài thông rơi xuống đất. Rồi chàng khom lưng, hai cánh tay đưa thẳng lên trời, mà đầu gục xuống, để tuốt chiếc áo quàng không nút ra. Trong khi chàng lúng ta lúng túng kéo thân áo lộn ngược lên, nàng nhanh nhẹn gom cả sức nữ nhi vào hai tay quyết liệt, vớ lấy thanh gươm mỏng và cắt lên một cách dễ dàng.

Rồi gươm liền bỏ xuống, không xuống nơi nào khác hơn là cò dương căng thẳng của Hà-Lệ-Uyên. Và khi đầu đã văng vào bụi gai ở vệ đường, thì nàng đứng tựa mình vào thanh gươm đâm máu, thần nhiên nhìn công việc vừa làm. Đầu vẫn còn sống, mắt mở thao láo ; miệng vẫn còn nói được :

— Trinh nữ ơi, gần đây có một đồng lúa. Xin nàng hãy lấy cái kèn của tôi, lại đó mà thổi, cho các bạn tôi đến đây mà cứu tôi với.

— Thiếp là bạn trăm năm của chàng, xin để một mình thiếp cứu cho.

— Nàng hãy kiếm thuốc xoa vào cổ tôi cho sạch máu, rồi đặt nó trở lại trên mình giùm tôi.

— Không. Tôi sẽ đem đầu chàng nhúng xuống ngòi nước lạnh, cho máu ngừng chảy, không phun vào áo tôi được.

Cái đầu van vi :

— Xin nàng rủ lòng thương xót. Ý nàng quyết định sẽ làm gì cái thân này, xin nàng thử nói cho nghe.

— Lúc này chàng định đoạt mệnh số của tôi thế nào, thì giờ đây, tôi cũng cho chàng được hưởng một mệnh số như thế. Trước hết, tôi sẽ khép mí mắt giùm chàng. Rồi tôi sẽ tìm cách cho chàng ngậm chặt miệng lại, để mang chàng đi khỏi nơi này, đi xa, xa mãi về tận quê tôi.

Nàng nắm tóc xách đầu lên, nhúng xuống nước ngồi trong, rồi để nó bên cạnh mà ngồi xuống cỏ. Bấy giờ nàng mới hướng về các trinh nữ lơ lửng dưới cành cây mà rằng :

— Các chị coi đây. Em đã báo thù cho các chị. Các chị hãy nhìn đức ông chồng chung của chúng ta đây. Em với các chị sẽ cùng nhau chia di sản. Em để cái mình vạm vỡ của y lại cho các chị. Các chị bằng lòng chớ. Rồi đây mỗi ngày, những con diều, con quạ nào đến viếng các chị, thì chúng sẽ

đưa tin các chị cho y biết với. Các chị hãy phe phẩy nhẹ nhệ mới tóc khô quánh để y ngủ giấc cuối cùng cho được mát mẻ. Riêng phần em, thì em lãnh cái đầu, cũng là đủ lắm rồi.



Trăng tròn bạc phếch soi nẻo cho nàng đi. Hương hoa rừng thoang thoang trong không khí. Trong vắng lặng đêm khuya, nàng cỡi ngựa vừa đi vừa hát.

« Hà-Lệ-Uyền chàng ơi, bài hát của chàng sao mà hay đến thế, đến nỗi tôi còn nhớ mãi khúc điệu, bây giờ vẫn có thể hát lại một mình. Mà có lẽ tiếng hát của chàng còn hay hơn lời ca ấy nữa. Tiếng hát vô song của chàng, từ rày về sau, tôi chỉ được nghe vắng vắng trong cùng

thẳm tâm hồn tôi mà thôi. Thiếu chút nữa, tôi đã vì tiếng hát ấy mà đành lìa bỏ không chút gì tuyến tiếc bao nhiêu người đương yêu mến tôi, mà tôi cũng hết lòng yêu mến. Thiếu chút nữa, tôi đã vì tiếng hát ấy mà đành



(HÌNH VẼ MƯỢN CỦA NHÀ FERNAND NATHAN)

từ biệt biên cả hung hăng và đẹp mỗi giờ một vẻ kia, biên cả đã chứng kiến ngày tôi chào đời kia, từ biệt mà chẳng mong gì quay trở lại, đề gởi thân vào khu rừng ma quái, nham hiểm của chàng, mà tự cho là sung sướng đã tìm được rừng quân bóng cả đề nương thân cát đảng. Thiếu chút nữa tôi đã trọn đời làm ảnh theo hình, làm âm vang theo tiếng, một âm vang không mấy người biết tán thưởng, nhưng vẫn cam lòng ngán ngĩa. Ấy thế mà vẫn chưa phi dạ chàng. Chính vì lẽ đó mà đêm nay, câu « thiếp theo chàng » không thành sự thật. Trái lại, chính tôi dốt chàng là người mới hôm qua còn rất mực kiêu hùng, nhưng nay thì đã thành vật vô tri giác. Chàng ơi, chính tôi mang chàng là kẻ quá tham lam, muốn tóm thâu độc hưởng tất cả mà chẳng hề san sẻ cho ai một tí gì ».

Nàng cầm kèn đưa lên miệng thổi, như một chàng dứng sĩ. Ở nơi xa, những binh sĩ ở hoàng cung nghe thấy tiếng kèn, liền chạy đi báo cho vua hay rằng công chúa đi kén chồng giờ đương trở về với người trong mộng.

Lúc trời rạng đông, thì nàng trở về đến mé rừng. Một bà lão lụ khụ đứng chắn lối đi.

— Cô ơi, cô có gặp con trai tôi là Hà-Lệ-Uyên không ?

— Thưa bà, có. Hôm qua ông ấy đương đi săn.

Bà mẹ già bèn lấy giọng đặc ý mà rằng :

— Nếu cô thật đã gặp con trai tôi, thì sao cô lại còn ở đây được. Con tôi là người, chỉ cất tiếng hát là thâu chiếm tất cả về mình. Tôi tin chắc rằng cô nói dối chơi, chớ nếu cơ trời giun giúi cho cô gặp nó chỉ một lần thoáng qua thôi, thì cứ

cái nét lẳng lơ như cô đó, tôi dám cả quyết rằng cô chẳng còn ngồi chễm chệ trên lưng ngựa mà ăn nói đong đánh với tôi như thế này đâu.

— Bà nói gì thì nói chớ quả tình tôi đã cùng ông ấy sánh vai đi băng ngang rừng kia mà.

— Cô nói dối, con trai tôi đâu rồi ?

— Bà không bao giờ còn gặp con bà nữa. Bà hẳn tin tôi đi, bà đừng kiếm uồng công. Thôi bây giờ, xin bà tránh đường tôi đi.

Nàng giật dây cương cho con ngựa nhảy chồm lên. Bà lão bước trái qua một bên, hồn phi phách tán.



Ngang cành cây chi chít, nàng thấy ở đằng xa nước biển lập lờa. Nàng ôm chặt đầu Hà-Lệ-Uyên vào ngực nàng.

Tôi đưa chàng về xứ tôi. Gió thổi ráo nước trên mặt chàng bây giờ. Chàng sẽ ở mãi bên mình tôi. Và quanh năm từ mùa xuân mát rượi cho chí mùa đông lạnh buốt, sóng triều đẩy voi đều đều một điệu sẽ ru giấc ngủ nghìn thu của chàng.

Cuối cùng, màn cây rừng lột ra phía sau lưng thiếu nữ. Con tuấn mã lại in dấu chân trên bãi im mát, trên vồng cát phẳng phiu ; nó lại cất mũi cao hít hơi gió mặn, và thấy nó in hình trên nền trời xanh bát ngát, ta ngỡ là ngựa bay. Lúc con phi mã đến nơi, thì có một bọn thị nữ đương đứng chờ nàng, người nào người ấy trên đầu đều vấn một tràng rong biển màu tím nhạt, mặt hoa che mạng thưa và cổ quần da lông ngân thừ trắng tinh như tuyết.

Nữ lang cho ngựa bước xuống biển mà vẫn ngồi trên lưng ngựa như thường. Và khi nước đại dương đã gột sạch quá khứ

đau buồn trên tấm thân trinh bạch, nàng tuột chiếc áo dài phó cho thủy triều cuốn đến đâu thì cuốn rồi mặc y phục mới : áo gấm eo lưng, da lông quàng cò, và trên đầu, mũ vàng hôm trước vẫn y nguyên.

Lúc trở lên bờ, nàng thong thả đi trước, ngựa đi bước một theo sau, cùng tiến về phía hoàng cung. Vua cha bấy giờ đương cùng với mấy người con trai ngóng đợi kẻ đi xa mới về. Tiệc mừng sắp sửa, những món thịt đương lèo xèo trên than hồng, đủ thứ cá đương chiên trong chảo. Năm bảy cái nồi cũng bốc

khói thơm, mà quanh miệng cái nồi cũng có một vòng hoa rực rỡ.

Khi mọi người đều ngồi vào bàn, thì công chúa đang hoàng bước vào phòng rộng, đầu Hà - Lệ - Uyển nằm gọn trên bàn tay giăng thẳng. Nàng đặt cái đầu lên bàn tiệc, ngay trước mặt, rồi ngồi xuống cái ghế danh dự chừa trống để đợi nàng.

A. de LAUWEREYNS de ROOSENDAELE
(YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN dịch)
(Nhúng truyện của ngày xưa)

« Thành kỳ ý »

Giải thích câu « thành kỳ ý » (làm cho cái ý mình trở nên thành thật), Đại-học viết :

Kẻ tiểu nhân ở nhân thì làm điều không tốt, không có việc gì là nó không dám làm.— Khi gặp người quân tử, nó giấu giếm che đậy điều không tốt đi và trưng bày điều tốt ra.— Song người quân tử nhìn nó thấu suốt cả gan phổi nó.— Như thế thì sự giấu giếm của nó có ích lợi gì? Đó chính là nghĩa câu : « thành ư trung, hình ư ngoại ». Ở trong có « thành thật » thì mới hiện hình ra bên ngoài được.— Cho nên người quân tử rất thận trọng về tư tưởng và hành vi thầm kín của mình.

TRÔNG

Miệng kín, lòng bỏ ngỡ,
Chân đi, bước ngập ngừng,
Mắt nhìn, sao bỡ ngỡ,
Trông em, trông quá chềnh.

Cuối đường xe cộ qua,
Bụi bay, mờ nếp áo,
Mãi nhìn ai lại qua,
Mà lòng như gió bão.

Vườn ai xao động gió,
Lá trúc nhịp tình ca,
Lòng anh nghe rộn rã,
Nhưng em, ngày mỗi xa...

Bao chừ em trở lại,
Tình anh, thói, lỡ làng,
Yêu em, từ dạo ấy,
Chừ cách mấy quan san...

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phỉ, mà ông Diêu-Tu-An, một phú-thương, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hoàng-Châu để lánh nạn.

Chàng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dun-dùi nên ông Tăng-văn-Phác, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhân ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con lấy ông bà Tăng-Văn Phác làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì cụ Tô-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngờ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai chà con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyến họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để trụ-chức.

Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng, đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bản-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hữu và nhân Bản-A đã đính hôn với Man Ny, nên Tăng gia mời thân mẫu nàng và nàng lại Kinh, làm lễ cưới « Xung Hi », để họa may, có cứu được bệnh nhân chàng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần kinh và sau đó, Bản A và Man Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngoạ bệnh.

Từ đầu xuân tới giờ, trong nhà, trong cửa, không được bình an một lúc nào hết bệnh nọ đến tật kia hết người này đau, tới người kia ốm ! Chúng tôi dám mong rằng bá mẫu và con em lên đây, sẽ đem lại sự tốt lành cho chúng tôi, để chóng được tai qua, nạn khỏi.

Cháu Bản-nhi, từ khi lâm bệnh, tới nay, đã ngoài một tháng trời rồi, mà xem ra, bệnh không thấy chuyển cơ một chút nào, hai vợ chồng chúng tôi cứ lo đêm, lo ngày, đến phát điên cuồng lên ! »

Tôn thái thái vợ vàng hỏi : « Thế bây giờ, cậu nó ra sao ? »

— Tôi cũng không hiểu, cháu nó mới có một tí tuổi đầu, mà chịu làm sao cho nổi sự thiêu đốt ở ruột gan, trong ngàn ấy lâu ! » Tăng phu nhân hồi đáp như vậy và rắp ý đem cả chân tinh thổ lộ với Tôn thái thái. Bà lại nói tiếp : « Cháu nó bị đại tiện bí kết, tiểu tiện khó khăn, luôn luôn kêu, vừa đau nhói, vừa giá lạnh, vừa đầy trướng ở trong bụng. Chận tay cháu lúc nào cũng mềm nhũn và lạnh ngắt như tiền ; hồi tối hôm qua, thay quần áo lót mình cho cháu, tôi thấy nó gầy quá, chỉ còn những da với xương. Thiệt tình, chúng tôi cũng quá ư sợ ý, cứ coi thường, ngay lúc đầu, cứ tưởng nó bị cảm xoàng, và cho nó uống thuốc giải cảm như mọi lần, chẳng qua vài, ba hôm thì khỏi; bởi vậy không nghĩ tới việc cho đi mời ngay quan ngự y đại phu ! Hiện thời, quan đại phu cho cháu uống phương thuốc để bảo trì nguyên khí, để trị cái chứng sốt âm, chắc bá mầu cũng đã rõ, cái chứng sốt âm nó khác hẳn với cái chứng biểu nhiệt ở ngoài bì phu. Theo dược lý thì phải dùng tới tiêu thạch, mà chỉ dùng tiêu thạch khi nào trong máu có độc tố. Một người còn trẻ tuổi thì biết có thể chịu được ngàn nào tiêu thạch kia chứ ? Nói cho cùng, bệnh tật nào chẳng là do sự thất điều của các bộ phận sinh cơ mà ra, cùng là do sự thụ hàn, trúng nhiệt, làm thương tổn, rồi, nhân thể mà biểu lộ ra ; thiệt, không khác gì một cái cây, nếu gốc và rễ cứng rắn, mạnh mẽ thì cành lá

sẽ luôn luôn xanh tươi ; trái lại, nếu gốc rễ bị tổn thương thì cành lá nhất định bị khô héo. Ấy cũng vì thấy thuốc thang không có công hiệu, nên ông nó nhà tôi và tôi, mới nghĩ tới cái phương sách mời thái thái và con em Man-Ni lai Kinh, để cho cháu nó mừng, nó mừng tức là sinh cơ và hoạt lực của nó sẽ phấn phát mà chỗi dậy và làm cho bệnh thể thuyên giảm đi. Sau khi suy nghĩ, bàn đi, tính lại mãi, rồi vợ chồng chúng tôi mới dám đánh bạo gửi điện mời bá mầu để bá mầu đưa con em lên đây... Thiệt là tội nghiệp cho thằng cả nhà chúng tôi biết chừng nào ! » Bà nói tới đó thì nước mắt chạy quanh và không sao nói thêm được nữa.

Bà thân mầu của Man-Ni vội nói : « Xin phu nhân cứ yên tâm. Một trang thanh niên doan phương, hiểu hạnh như cháu, không khi nào lại gặp sự chẳng lành... Chúng tôi cũng cầu trời, khẩn Phật phù hộ, độ trì cho cháu, còn về phần chúng ta, người phạm, mất thịt, chúng ta sẽ tận tâm lo chạy chữa cho cháu. Riêng hại mầu nữ chúng tôi, không có một điều gì chúng tôi dám từ nan, miễn là làm làm sao cho cháu chóng lành mạnh, xin phu nhân cứ cứ vững tâm ! »

Tăng phu nhân vừa nuốt nước mắt, vừa đáp ; « Nếu bá mầu và em Man-Ni cứu sống được cháu, cái ân đó thật là ân tái tạo. » Nói xong, bà quay sang phía Man-Ni, hai hàng lệ rờn rờn chảy trên gò má : « Mãn-

Ni tiểu thư ! xin tiểu thư hết lòng cứu lấy tính mệnh cho con chúng tôi ! »

Cả ngôn ngữ, cử chỉ của bà trong lúc đó không phải là ngôn ngữ, cử chỉ của một vị biểu bá mẫu hay một bà mẹ chồng vị lại, mà là của một người mẹ đau khổ, đương vì con, mà kêu cứu, mà khẩn cầu một vị cứu tinh như vậy.

Khi nghe nói tới bệnh tình nguy kịch của Bàn-a, Man-Ni thấy tâm can như dao cắt, nước mắt của nàng tựa như một chuỗi hạt châu bị đứt đứt, cứ thế tuôn rơi, không thể nào ngăn cầm lại được ; tới lúc Tăng phu nhân quay về phía nàng mà van xin, khẩn cầu thì nàng ù té chạy sang phòng bên, nằm phục vị, vào đóng chần, gối, mà khóc nức lên. Ở bên này, Tăng phu nhân nghe rõ tiếng khóc thì ngầm hiểu tại sao, nàng chưa hồi đáp lời khẩn cầu của bà mà đã bỏ chạy.

Bà định thần một giây rồi nói tiếp với Tôn thái thái, bằng một giọng tha thiết : « Lạy Trời, Phật xét soi mà chúng giám cho, thì Trời, Phật, sẽ phải thương thay mà bảo hộ cho cái đời thanh niên son trẻ này và ngọc thành mối lương duyên cho đời trẻ !

Bà nói hết câu đó thì cảm động quá. Bỗng bà có cái cảm giác, chính bà là thân mẫu của Man-Ni, bà liền đứng lên, đi sang phòng bên, ghé ngồi vào bên cạnh Man-Ni để vỗ về, an ủi nàng. Man-Ni vội vàng ngồi

trở dậy vì nàng thấy thẹn quá. Tăng phu nhân liền ôm lấy nàng. Nàng thấy lòng thơ rạo rạt, nàng liền nằm lọt vào trong lòng bà rồi nức nở khóc.

Thế là, hai người, một vị thái thái với một cô nương, một bên, vì tình mẫu tử, một bên, vì tình luyện ái, đã đính ninh ký kết với nhau một bản « mặc ước », vậy.

Vừa lúc đó, con a hoàn của Quế-Cô, tên gọi « Hương - Vi », đứng ngấp nghé ở phía ngoài rèm. Tăng phu nhân thấy có bóng người thì quay đầu lại nhìn, rồi bà hỏi với ra : « Có phải Hương-Vi đấy không con ? Cái gì thế ? Con cứ vào đi. » Man-Ni, có ý mắc cỡ, chỉ cúi đầu nhìn xuống đất, chẳng nói, chẳng rằng.

Hương-Vi nói : « Thưa, con lên để thưa với Tôn thái thái, diễm tâm đã làm xong, con có thể bung lên ngay hay thưa thả, kia ạ ? »

Tôn thái thái nói ; « Chúng tôi không thấy đời một tí nào cả đâu. » Bà vừa ở phòng bên đi sang nên bà nói với Tăng phu nhân như vậy.

Tăng phu nhân cố nài và nói ; để cho nó cứ mang lên, Tôn thái thái không ăn nhiều thì ăn một ít vậy, nhưng Tôn thái thái đáp thiệt tình không có bụng dạ nào mà ăn uống bất cứ một thức gì. Tăng phu nhân liền bảo Hương-Vi : « Con xuống nói, hiện Tôn thái thái chưa muốn dùng, để một giờ đồng hồ nữa, thái thái nghỉ cho đỡ mệt, rồi hãy

bưng lên, nghe không? Nói xong bà lại quay về phía Tôn thái thái và tạ lỗi rằng : « Thiệt là không phải quá ! Ai lại bá mẩu vừa chân ướt, chân ráo tới nơi, chưa kịp nghỉ ngơi một tí nào cho đỡ mệt mà chúng tôi đã sơ ý, đem bao nhiêu chuyện buồn phiền ra nói, để làm nhọc lòng bá mẩu, chúng tôi thiệt là không phải... Vậy, bây giờ chúng tôi xin cáo lui, để bá mẩu đi nghỉ... »

Thần mẩu của Man-Ni đáp lễ sau khi rửa mặt, rửa chân tay, thay đổi áo quần và sửa lại đầu tóc, bà sẽ đi thăm Bàn-a. Tang trở ba năm, nay đã quá hai năm rồi nên, vào năm thứ ba bà dùng toàn đồ đen là phải lắm.

Chỉ độ nửa giờ sau, một chị a hoàn tới dẫn bà tới phòng của cậu Bàn-a.

Tăng phu nhân không quên dặn thêm Tôn thái thái rằng : « Xin bá mẩu, bá mẩu khéo khéo khuyên nhủ Bàn-nhi, bảo nó cứ khoan hoài đừng có nóng nảy... » Hai tiếng Bàn-nhi là một cách xưng hô thiệt là thân thuộc, lân ái, nó cứ tự nhiên ở miệng bà buột ra. Bà lại nói tiếp : « Bây giờ, bá mẩu cứ để cho con em nó nghỉ cho lại sức, rồi tới nay, bá mẩu sửa sang, trang điểm cho nó, để Bàn-nhi nó thấy nó, nó mừng, nhà bá mẩu nhà ! »

Bà nói xong thì bước ra khỏi phòng, định bụng đi về phía buồng của Quế-Cò. Con Hương-Vi liền đi theo bà.

Bà đi vừa tới cửa thì Quế-Cò cũng bước ra đón đỡ và nói cho bà rõ về

cậu Bàn-a : « Từ lúc Bàn-nhi thức tỉnh, thì không chịu ngủ lại nữa, và cứ luôn luôn hỏi, sao mãi không thấy Man-Ni đến. »

« Thiệt, tôi chưa thấy một đôi niên thanh nam nữ nào quyến luyến nhau đến như thế. Cô không biết, chứ lúc này Man-Ni nó khóc như muốn tan theo với nước mắt.

« Thế Thái-Thái đã có cử động đến câu chuyện xung hỉ chưa ạ ? »

« Chưa đâu, em ạ... ai lại nói ngay như thế không tiện, chứ lại... để xem xem đã... chẳng biết thần mẩu của Man-Ni có nguyện ý hay không? Thiệt là khó ăn, khó nói quá ! »

Quế-Cò nói : « Nhưng dẫu sao, hai trẻ như vậy cũng là như đã thành lứa đôi rồi, và nhất định chung thân có nhau ; không có sức gì có thể gỡ còi cái sợi tơ thắm, chỉ hồng ấy, ra được nữa. Thái-thái cứ để yên, mặc tôi, tôi sẽ nói chuyện riêng với Man-Ni ; nếu tự ý nó, nó bằng lòng thì không lẽ thần mẩu nó lại nở phản đối hay sao. ?... Vả, cái đạo tôi về Sơn-Đông, Man-Ni chuyện trò với tôi một cách rất đối là thân thực, tôi chắc, chân tâm của nó thế nào, nhất định nó sẽ thổ lộ với tôi, thái-thái chớ ngại... Lẽ đương nhiên là, đối với một cô nương, hễ nói tới câu chuyện chồng con, thì thế nào cũng sượng sùng, hồ thẹn... »

LÂM-NGŨ-ĐƯƠNG

(còn nữa)

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VẤN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHÍ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHAI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG MINH TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã**ng** Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên d**anh** tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t**ủ** bảo hiểm cho thuê, mỗi t**ủ** tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ

Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoá ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur - SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-đón.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do hai Văn-Phòng Công Ty
135, Pasteur - SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Poulévard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon / N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung-si nên
Kinh-tê Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BACH KHOA ABACH KHOA ABACH KHOA

BACH KHOA ABACH KHOA ABACH KHOA ABACH KHOA

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10.000

Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ.

Nghĩ tới độc giả của Quán Ven Đường và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.